Chân trời sáng tạo

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – PHẠM NGỌC LAN
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – ĐINH PHAN CẨM VÂN

NGỮ VĂN

10

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – PHẠM NGỌC LAN
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – ĐINH PHAN CẨM VÂN

NGỮ VĂN



TẬP MỘT

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hãy bảo quản, giữ gìn Sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn thân mến!

Trên tay bạn là cuốn sách giáo khoa **Ngữ văn 10**, bộ Chân trời sáng tạo của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Qua việc thực hiện các hoạt động học tập trong từng bài học, bạn sẽ nâng cao các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung như: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, đáp ứng các yêu cầu của Chương trình mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Ngữ văn 10 gồm chín bài học, tương ứng với chín chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi trong cuộc sống của các bạn. Trong tập một, bạn sẽ đến với thế giới thần thoại, hình dung quá trình tạo lập thế giới theo trí tưởng tượng của người xưa (*Tạo lập thế giới*); chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những nhân vật anh hùng trong sử thi (*Sống cùng kí ức của cộng đồng*); thưởng thức những vần thơ về thiên nhiên, tạo vật (*Giao cảm với thiên nhiên*); tìm kiếm thông tin về các di sản văn hoá của quê hương, đất nước mình (*Những di sản văn hoá*); trải nghiệm những tình huống, cảnh ngộ bi hài cùng các nhân vật trên sân khấu truyền thống (*Nghệ thuật truyền thống*).

Trong tập hai, bạn sẽ ngược dòng thời gian, tìm về kí ức và chia sẻ những kỉ niệm sâu lắng cùng các nhà thơ (*Nâng niu kỉ niệm*); tìm hiểu về tâm hồn, cốt cách Việt Nam qua thơ văn Nguyễn Trãi – người anh hùng dân tộc văn võ song toàn (*Anh hùng và nghệ sĩ*); tìm hiểu về công cuộc dựng xây, bảo vệ đất nước và những tình cảm thiêng liêng của con người đối với đất nước, quê hương qua những truyện ngắn (*Đất nước và con người*), tìm hiểu về ý chí đấu tranh không mệt mỏi để giành quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi con người, mỗi dân tộc qua những bản tuyên ngôn, những lời hịch bất hủ (*Khát vọng độc lập và tự do*).

Mỗi bài học trong sách sẽ giúp bạn từng bước nâng cao kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, đồng thời mang lại cho bạn những nhận thức mới về tự nhiên, xã hội và bản thân. Để học tốt **Ngữ văn 10**, bạn hãy đọc kĩ hướng dẫn và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong từng bài học.

Chúc bạn thành công.

NHÓM TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Để sử dụng hiệu quả bộ sách giáo khoa Ngữ văn 10, bạn cần:

1. Nắm vững cấu trúc chung của sách, chức năng của các phần, mục trong sách.

Ngoài mục *Hướng dẫn sử dụng sách*, ở một số trang đầu, sách còn có: Mục lục giúp bạn nhanh chóng lật tìm tên các bài học, các văn bản đọc hiểu, các nội dung, đề mục liên quan. Ở cuối tập một, sách có *Hướng dẫn kĩ năng đọc* và cuối mỗi tập đều có các bảng tra cứu thuật ngữ, yếu tố Hán Việt, tiếng nước ngoài,...

2. Nắm vững cấu trúc chung của các bài học và chức năng của các phần, mục cụ thể trong từng bài. Mỗi bài học đều gồm các nội dung liên quan chặt chẽ với nhau như sau:

• YÊU CẦU CẦN ĐẠT: sách nêu lên những yêu cầu nhằm định hướng cho việc học tập, xem như cái đích cần phải đạt được khi học xong bài học. Đây chính là căn cứ để giáo viên kiểm tra đánh giá kết quả học tập của bạn và giúp bạn tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mình.

• Phần ĐỌC và THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT gồm Tri thức ngữ văn và các văn bản đọc hiểu chọn lọc, giúp bạn dựa vào các câu hỏi hướng dẫn theo tiến trình đọc (*trước khi đọc*, *đọc văn bản* và *sau khi đọc*) để rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc văn bản theo các thể loại mà chương trình quy định.

• Phần VIẾT: sau khi tìm hiểu "tri thức" về kiểu bài, đọc "ngữ liệu tham khảo", bạn được hướng dẫn thực hành viết văn bản theo bốn bước chính: *Chuẩn bị viết; Tìm ý, lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa*. Nội dung các hoạt động này được kết nối chặt chẽ với nhau, giúp bạn có được kĩ năng tạo lập văn bản theo một kiểu loại nhất định. Sau khi viết xong một văn bản, bạn có thể dùng bảng kiểm để tự đánh giá và điều chỉnh cách viết của mình.

• Phần NÓI VÀ NGHE: sách hướng dẫn bạn thực hành luyện tập theo các bước, các thao tác cụ thể trong sự kết nối với phần viết và phần đọc. Nội dung hướng dẫn riêng về NGHE được bố trí ở Bài 1, 4 (học kì I), Bài 6 (học kì II).

• Phần ÔN TẬP: cuối mỗi bài học, sách gợi ý một số câu hỏi, bài tập giúp bạn ôn luyện thêm về đọc, viết, nói và nghe để nắm vững các nội dung cơ bản của toàn bài học.

Dưới đây là một ví dụ về cấu trúc bài học dạng sơ đồ của **Bài 1. Tạo lập thế giới (Thần thoại)**. Tám bài học khác đều có cấu trúc tương tự. Bạn nên xem kĩ sơ đồ này để hiểu hơn về cách sử dụng sách.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật.
- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản truyện kể; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện kể thuộc hai nền văn hoá khác nhau.
- ...

Bạn hãy đọc kĩ mục này để:

– Định hướng cách học.

– Tự kiểm soát mức độ đạt được các yêu cầu cần đạt sau khi học xong.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Thần thoại là một trong những thể loại truyện dân gian. Thần thoại kể về các vị thần, các nhân vật anh hùng, các nhân vật văn hoá; qua đó, phản ánh quan niệm của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và đời sống con người. So với các thể loại truyện kể dân gian khác, thần thoại có những đặc điểm riêng thể hiện qua các yếu tố không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật,...

Những kiến thức trong mục này là công cụ giúp bạn phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

ĐỌC

Thế giới bao la, con người cùng với biết bao hiện tượng tự nhiên kì thú được tạo lập như thế nào? Thuở xa xưa, khi khoa học chưa phát triển, tác giả dân gian đã trả lời câu hỏi ấy bằng trực quan và bằng tưởng tượng thông qua các câu chuyện về các vị thần.

Trong bài học này, qua việc đọc các truyện thần thoại, bạn sẽ hiểu người xưa nhận thức như thế nào về quá trình tạo lập thế giới.

VĂN BẢN 1

THẦN TRỤ TRỜI

(Thần thoại Việt Nam)

Chân trời sáng tạo

Trước khi đọc

Bạn biết những truyện thần thoại nào? Hãy chia sẻ với các bạn trong nhóm về những truyện thần thoại ấy.

Bạn chuẩn bị tâm thế đọc bằng cách trả lời các câu hỏi trong mục này.

Đọc văn bản

Thuở ấy, chưa có thế gian, cũng như chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn, tối tăm, lạnh lẽo. Bỗng nhiên, một vị thần khổng lồ xuất hiện. Chân thần dài không thể tả xiết. Thần bước một bước là có thể qua từ vùng này đến vùng nọ, hay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. 1

Tưởng tượng

1 Bạn hình dung như thế nào về vị thần Trụ Trời?

Trong khi đọc có các câu hỏi sẽ nhắc bạn dừng lại để suy nghĩ trước khi đọc tiếp.

Sau khi đọc

1. Chỉ ra các chi tiết về không gian, thời gian của câu chuyện.
2. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra *Thần Trụ Trời* là một truyện thần thoại?
3. Tóm tắt quá trình tạo lập nên trời và đất của nhân vật thần Trụ Trời. Từ đó, hãy nhận xét về đặc điểm của nhân vật này.

Việc trả lời các câu hỏi trong mục này giúp bạn đáp ứng các yêu cầu cần đạt của bài học.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ĐI SAN MẶT ĐẤT

Bài đọc này giúp bạn hiểu đầy đủ hơn về chủ điểm của bài học.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Thực hành các bài tập trong hoạt động này giúp bạn hiểu thêm về các văn bản đã đọc, phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Hoạt động này giúp bạn suy nghĩ nhanh, vận dụng được các tri thức ngữ văn, những hiểu biết về đời sống để rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

Các yêu cầu trong hoạt động này giúp bạn vận dụng tri thức về thể loại vào việc đọc hiểu văn bản cùng thể loại theo yêu cầu của bài học.



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TRUYỆN KỂ

Những thông tin trong mục này cung cấp những tri thức cơ bản về kiểu bài mà bạn sẽ học và thực hành viết.

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một truyện kể: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ đặc điểm, giá trị nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện kể như: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười,...

Yêu cầu đối với kiểu bài:

– Về nội dung nghị luận:

• Xác định chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề.

• Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như *cốt truyện, tình huống, sự kiện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn,...* và tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể.

– Về kĩ năng nghị luận, bài viết cần đáp ứng các yêu cầu:

• Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.

• Lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.

• Sử dụng các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.

• Có các phần mở bài, thân bài, kết bài theo quy cách.

Mở bài: giới thiệu truyện kể (tên tác phẩm, tác giả,...). Nêu khái quát các nội dung chính hay định hướng của bài viết.

Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật ý nghĩa, giá trị của chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

Kết bài: khẳng định lại giá trị của chủ đề và hình thức nghệ thuật của truyện kể; nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc.

Chân trời sáng tạo

Đọc ngữ liệu tham khảo

Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con* (La Phông-ten)

Truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con* của La Phông-ten (La Fontaine, 1621 – 1695) rút ra từ tập truyện *Ngụ ngôn chọn lọc La Phông-ten*, được đánh giá là một trong những tác phẩm đặc sắc về chủ đề và hình thức nghệ thuật của một truyện kể bằng thơ. [1]

[1]: Giới thiệu truyện kể và nêu định hướng của bài viết.

Việc đọc bài viết này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn sơ đồ dàn ý, tri thức về kiểu bài và học cách viết văn bản tương tự.

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một truyện kể (thần thoại, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện cổ tích) mà bạn yêu thích.

Việc thực hiện đầy đủ những yêu cầu trong mục này sẽ giúp bạn học cách viết.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định tác phẩm truyện, mục đích viết, người đọc

• Lựa chọn một truyện kể cụ thể trong số các thể loại như thần thoại, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện cổ tích mà bạn yêu thích để làm bài. Nên chọn truyện có chủ đề xác định, hình thức nghệ thuật thú vị, thể hiện sâu sắc nội dung, ý nghĩa,... Chẳng hạn:



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TRUYỆN KỂ

Việc thực hiện các hướng dẫn trong mục này sẽ giúp bạn rèn luyện, phát triển các kĩ năng nói, nghe; nói và nghe tương tác.

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định tác phẩm truyện

Bạn có thể sử dụng đề tài là truyện kể đã phân tích, đánh giá trong bài viết hoặc đề tài là một truyện kể khác.

• *Xác định mục đích nói:* ngoài mục đích nói để thể hiện nhận thức của bạn và chia sẻ với người nghe về chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện kể mà mình đã chọn,... bài nói của bạn còn có mục đích nào khác nữa không?

• *Xác định đối tượng người nghe:* người nghe bài nói của bạn, ngoài thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng nhóm, cùng lớp, còn ai khác sẽ nghe bạn nói nữa không?

• *Xác định không gian và thời gian nói:* xác định xem về không gian nói, bạn có thể trình bày bài nói ở lớp học hay ở đâu; về thời gian, bạn được trình bày trong khoảng thời gian quy định cụ thể là bao lâu?

ÔN TẬP

Các câu hỏi, bài tập trong mục này giúp bạn củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng về đọc, viết, nói và nghe, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

1. Bạn đã đọc hiểu các văn bản truyện thần thoại *Thần Trụ Trời*, *Prô-mê-tê và loài người*, *Cuộc tu bổ lại các giống vật*. Hãy so sánh các văn bản và rút ra nhận xét chung bằng cách điền vào *Phiếu học tập* được kẻ vào vở theo mẫu sau:

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3
Hướng dẫn sử dụng sách 4

BÀI 1: TẠO LẬP THẾ GIỚI (THẦN THOẠI) 11

ĐỌC 13
Thần Trụ Trời (Thần thoại Việt Nam) 13
Prô-mê-tê và loài người (Thần thoại Hy Lạp) 15
Đi san mặt đất (Truyện của người Lô Lô) 18
Thực hành tiếng Việt 19
Cuộc tu bổ lại các giống vật (Thần thoại Việt Nam) 21
VIẾT 23
Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể 23
NÓI VÀ NGHE 29
Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể 29
Ôn tập 34

BÀI 2: SỐNG CÙNG KÍ ỨC CỦA CỘNG ĐỒNG (SỬ THI) 35

ĐỌC 37
Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây (Sử thi Ê-đê) 37
Gặp Ka-rip và Xi-la (Sử thi Hy Lạp) 43
Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê 48
Thực hành tiếng Việt 50
Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời (Sử thi Ê-đê) 51
VIẾT 54
Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội 54
NÓI VÀ NGHE 59
Thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ 59
Ôn tập 62

BÀI 3: GIAO CẢM VỚI THIÊN NHIÊN (THƠ) 63

ĐỌC 65
Hương Sơn phong cảnh (Chu Mạnh Trinh) 65
Thơ duyên (Xuân Diệu) 68
Lời má năm xưa (Trần Bảo Định) 70
Thực hành tiếng Việt 71
Nắng đã hanh rồi (Vũ Quần Phương) 72
VIẾT 73
Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ 73

Chân trời sáng tạo

NÓI VÀ NGHE 78
Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ 78
Ôn tập 79

BÀI 4: NHỮNG DI SẢN VĂN HOÁ (VĂN BẢN THÔNG TIN) **80**
ĐỌC 81
Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam 82
Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống; Thêm một bản dịch "Truyện Kiều" sang tiếng Nhật 86
Lí ngựa ô ở hai vùng đất (Phạm Ngọc Cảnh) 89
Thực hành tiếng Việt 90
Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây 92
VIẾT 95
Viết báo cáo kết quả nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ 95
NÓI VÀ NGHE 103
Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu 103
Ôn tập 107

BÀI 5: NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG (CHÈO/ TUỒNG) **109**
ĐỌC 112
Đọc văn bản chèo hoặc văn bản tuồng
Thị Mầu lên chùa (chèo cổ) 112
Huyện Trìa xử án (tuồng đồ) 118
Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương 124
Thực hành tiếng Việt 127
Đọc mở rộng văn bản chèo hoặc văn bản tuồng
Xã trưởng – Mẹ Đốp (chèo cổ) 128
Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến (tuồng đồ) 133
VIẾT 140
Viết một bản nội quy hoặc hướng dẫn ở nơi công cộng 140
NÓI VÀ NGHE 146
Thảo luận nhóm về một vấn đề có ý kiến khác nhau 146
Ôn tập 148

Ôn tập cuối học kì I **149**
Bảng hướng dẫn kĩ năng đọc **151**
Bảng tra cứu thuật ngữ **153**
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt **155**
Bảng tra cứu tiếng nước ngoài **158**

Chân trời sáng tạo

Chân trời sáng tạo

BÀI 1

TẠO LẬP THẾ GIỚI
(THẦN THOẠI)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật.
- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản truyện kể; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện kể thuộc hai nền văn hoá khác nhau.
- Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn.
- Viết được văn bản nghị luận đúng quy trình; phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một truyện kể.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể; nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.
- Trân trọng trí tưởng tượng và di sản nghệ thuật của người xưa.

Chân trời sáng tạo

TRI THỨC NGỮ VĂN

Thần thoại là một trong những thể loại truyện dân gian. Thần thoại kể về các vị thần, các nhân vật anh hùng, các nhân vật văn hoá; qua đó, phản ánh quan niệm của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và đời sống con người. So với các thể loại truyện kể dân gian khác, thần thoại có những đặc điểm riêng thể hiện qua các yếu tố không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật,...

Không gian trong thần thoại là không gian vũ trụ đang trong quá trình tạo lập, không xác định nơi chốn cụ thể. *Thời gian trong thần thoại* là thời gian cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng.

Cốt truyện thần thoại thường là chuỗi sự kiện xoay quanh quá trình sáng tạo nên thế giới, con người và văn hoá của các nhân vật siêu nhiên.

Nhân vật trong thần thoại thường là thần, có sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới và sáng tạo văn hoá.

Tính chỉnh thể của tác phẩm là sự thống nhất, toàn vẹn của tác phẩm. Ở đó, mọi bộ phận, yếu tố, chi tiết,... đều có ý nghĩa và được gắn kết với nhau một cách chặt chẽ, nhất quán nhằm thể hiện tập trung, nổi bật chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

Lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa

• *Thiếu mạch lạc*

– Các câu trong đoạn không tập trung vào một chủ đề (lỗi lạc chủ đề) hoặc nội dung nêu trong câu chủ đề không được triển khai đầy đủ trong đoạn văn (lỗi thiếu hụt chủ đề).

Ví dụ:

Mọi tác phẩm nghệ thuật đều bắt đầu từ một cảm xúc. Thơ là loại hình nghệ thuật có ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhạc điệu. Thơ có thể có vần, có thể không có vần.

(Dẫn theo Bùi Minh Toán)

Đoạn văn trên mắc lỗi lạc chủ đề.

Cách chỉnh sửa: *Mọi tác phẩm nghệ thuật, trong đó có thơ, đều bắt đầu từ một cảm xúc. Thơ là thể loại vừa giàu cảm xúc vừa giàu hình ảnh và nhạc điệu. Nhạc điệu không nhất thiết do vần quy định nên thơ có thể có vần hoặc không vần.*

– Các câu trong đoạn không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

Ví dụ:

(1) Bỗng nhiên, một vị thần khổng lồ xuất hiện. (2) Thuở ấy, chưa có thế gian, cũng như chưa có muôn vật và loài người. (3) Thần bước một bước là có thể qua từ vùng này đến vùng nọ, hay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. (4) Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn tối tăm, lạnh lẽo. (5) Chân thần dài không thể tả xiết.

Cách chỉnh sửa: Sắp xếp lại các câu theo trình tự: 2, 4, 1, 5, 3.

• *Thiếu các phương tiện liên kết hoặc sử dụng các phương tiện liên kết chưa phù hợp.*

Ví dụ:

Một trong những nguyên nhân khiến chúng ta lo ngại khi thuyết trình là chuẩn bị chưa tốt. Như trên, cách để không lúng túng khi phát biểu ý kiến là phải chuẩn bị thật kĩ, ví dụ như soạn sẵn dàn ý và học thuộc.

Cách chỉnh sửa: Câu trên mắc lỗi dùng sai phương tiện liên kết; chữa bằng cách thay *như trên* bằng *vì vậy/ vì thế/ do đó.*



ĐỌC

Thế giới bao la, con người cùng với biết bao hiện tượng tự nhiên kì thú được tạo lập như thế nào? Thuở xa xưa, khi khoa học chưa phát triển, tác giả dân gian đã trả lời câu hỏi ấy bằng trực quan và bằng tưởng tượng thông qua các câu chuyện về các vị thần.

Trong bài học này, qua việc đọc các truyện thần thoại, bạn sẽ hiểu người xưa nhận thức như thế nào về quá trình tạo lập thế giới.

VĂN BẢN 1

THẦN TRỤ TRỜI

(Thần thoại Việt Nam)

Trước khi đọc

Bạn biết những truyện thần thoại nào? Hãy chia sẻ với các bạn trong nhóm về những truyện thần thoại ấy.

Đọc văn bản

Thuở ấy, chưa có thế gian, cũng như chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn, tối tăm, lạnh lẽo. Bỗng nhiên, một vị thần khổng lồ xuất hiện. Chân thần dài không thể tả xiết. Thần bước một bước là có thể qua từ vùng này đến vùng nọ, hay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. 1

Tưởng tượng

1 Bạn hình dung như thế nào về vị thần Trụ Trời?

Thần ở trong đám mờ mịt hỗn độn kia không biết từ bao lâu. Bỗng có một lúc thần đứng dậy, ngẩng đầu đội trời lên, rồi tự mình đào đất, đập đá, đắp thành một cái cột vừa cao, vừa to để chống trời. Hễ cột được thần đắp cao lên chừng nào thì trời như một tấm màn rộng mênh mông được nâng dần lên chừng ấy. Thần hì hục vừa đào vừa đắp, chẳng bao lâu, cột đá cứ cao dần, cao dần và đẩy vòm trời lên mãi phía mây xanh mù mịt.

Từ đó, trời đất mới phân đôi. Đất phẳng như cái mâm vuông, trời trùm lên như cái bát úp, chỗ trời đất giáp nhau gọi là chân trời. 2

Tưởng tượng

2 Trời và đất thay đổi như thế nào sau khi có cột chống trời?

Khi trời đã cao và đã khô, không hiểu tại sao thần lại phá cột đi, lấy đất đá ném tung đi khắp nơi. Mỗi hòn đá văng đi, biến thành một hòn núi hay một hòn đảo; đất tung toé ra mọi nơi thành gò, thành đống, thành những dải đồi cao. Vì thế cho nên mặt đất ngày nay không bằng phẳng, mà có chỗ lồi, chỗ lõm. Chỗ thần đào đất, đào đá mà đắp cột ngày nay thành biển rộng.

Cột trụ trời bây giờ không còn nữa. Sau này người ta thường nói rằng vết tích cột đó ở núi Yên Phụ vùng Hải Hưng[1]. Người ta cũng gọi đó là *cột chống trời* (*kình thiên trụ*). Vị thần Trụ Trời đó sau này cũng gọi là Trời hay Ngọc Hoàng bao trùm tất cả, trông coi mọi việc trên trời, dưới đất.

Sau khi thần Trụ Trời chia ra trời đất thì có một số thần khác nối tiếp công việc còn dở dang, để xây dựng nên thế gian. Các vị thần đó rất nhiều, như thần Sao, thần Sông, thần Biển,...

Vì vậy, dân gian có câu hát còn truyền đến ngày nay:

Ông Đếm cát
Ông Tát bể (biển)
Ông Kể sao
Ông Đào sông
Ông Trồng cây
Ông Xây rú (núi)
Ông Trụ Trời. 3

Suy luận

3 Bạn có nhận xét gì về cách kết thúc truyện?

(Theo Nguyễn Đổng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 67 – 68)

Sau khi đọc

1. Chỉ ra các chi tiết về không gian, thời gian của câu chuyện.
2. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra *Thần Trụ Trời* là một truyện thần thoại?
3. Tóm tắt quá trình tạo lập nên trời và đất của nhân vật thần Trụ Trời. Từ đó, hãy nhận xét về đặc điểm của nhân vật này.
4. Nêu nội dung bao quát của truyện *Thần Trụ Trời*.
5. Nhận xét về cách giải thích quá trình tạo lập thế giới của tác giả dân gian. Ngày nay, cách giải thích ấy có còn phù hợp không? Vì sao?
6. Cách hình dung và miêu tả đất, trời trong câu *"Đất phẳng như cái mâm vuông, trời trùm lên như cái bát úp,..."* trong truyện *Thần Trụ Trời* gợi cho bạn nhớ đến truyền thuyết nào của người Việt Nam? Hãy tóm tắt truyền thuyết ấy và chỉ ra điểm tương đồng giữa hai tác phẩm.

[1] *Hải Hưng*: nay là tỉnh Hải Dương và Hưng Yên.

Chân trời sáng tạo

Thần thoại Việt Nam do được ghi chép muộn nên đã bị mất mát khá nhiều. Những truyện thần thoại Việt Nam tiêu biểu gồm: *Thần Trụ Trời, Thần Mưa, Thần Biển, Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng, Sự tích lúa thần,...*

Thần Trụ Trời thuộc nhóm thần thoại về nguồn gốc vũ trụ và các hiện tượng tự nhiên. Các dân tộc anh em khác trên đất nước Việt Nam cũng có nhiều truyện thú vị lí giải về sự hình thành thế giới buổi ban đầu như vậy. Nếu người Kinh có *Thần Trụ Trời* thì người Mường có *Bà Nhần* và *Ông Chống Trời*, người Thái có *Then Luông*, người Mông có *Dự Nhung*, người Dao có *Thần Bàn Cổ*, người Ê-đê có *Ai Điê*, người Chăm có *Tầm Thênh*,... Trong nhận thức của con người thời cổ, thế giới bao la được hình thành, được sắp đặt trật tự là nhờ vào công lao to lớn của các vị thần.

VĂN BẢN 2

PRÔ-MÊ-TÊ VÀ LOÀI NGƯỜI

(Thần thoại Hy Lạp)

Trước khi đọc

Bạn đã từng đọc hay nghe kể về thần thoại Hy Lạp và câu chuyện *Prô-mê-tê*[1] *và loài người* chưa? Hãy chia sẻ với các bạn cùng lớp những điều bạn đã biết. Nếu chưa biết, bạn thử đoán truyện *Prô-mê-tê và loài người* sẽ nói về vấn đề gì?

Đọc văn bản



Hình: *Thần Prô-mê-tê*
(Nguồn: http://antgct.cand.com.vn)

Thuở ấy thế gian chỉ mới có các vị thần. Mặt đất mênh mông dẫu đã có khá nhiều vị thần cai quản song vẫn còn hết sức vắng vẻ. Không muốn tình cảnh buồn tẻ đó kéo dài, bữa kia hai anh em Prô-mê-tê và Ê-pi-mê-tê (Épiméthée) xin với U-ra-nôx[2] (Ouranos) và Gai-a[3] (Gaia) tạo ra cho thế gian thêm nhiều nhiều cái gì đó để cho cuộc sống đông vui. U-ra-nôx và Gai-a ưng thuận. Hai vị giao luôn việc đó cho hai anh em Prô-mê-tê và Ê-pi-mê-tê. Cậu em Ê-pi-mê-tê mừng quá, tranh ngay lấy việc đó và giao cho ông anh lo việc xem xét, sửa chữa lại sau. Ê-pi-mê-tê lấy đất và nước nhào nặn ra, trước hết, là các loài vật và ban cho mỗi con vật một đặc ân của thần, một "vũ khí" để có thể phòng thân, hộ mệnh, bảo vệ được cuộc sống của giống loài mình.

---

[1] *Prô-mê-tê (Prométhée)*: một vị thần trong thần thoại Hy Lạp, tiếng Hy Lạp có nghĩa là người tiên đoán.

[2] *U-ra-nôx*: theo thần thoại Hy Lạp, U-ra-nôx là thần Bầu Trời, con của nữ thần Đất Mẹ Gai-a.

[3] *Gai-a*: theo thần thoại Hy Lạp, Gai-a là nữ thần Đất Mẹ, sinh ra từ Kha-ôx (Khaos), một khoảng không gian mơ hồ, tối tăm, hoang dại.

Con thì được ban cho ân huệ chạy nhanh như gió. Con thì có đôi mắt sáng xanh nhìn thấu cả đêm đen. Con thì có thân hình khổng lồ mạnh khoẻ hết chỗ nói. Có con thân hình bé nhỏ nhưng lại có nọc độc gớm ghê. Rồi con có bộ lông dày, con có sải cánh rộng. Con thì xuống nước không chìm, con thì trèo leo thoăn thoắt,... Tóm lại, mỗi con vật, mỗi giống loài đều có "vũ khí" cần thiết để sống được ở thế gian.

Công việc làm xong xuôi, Ê-pi-mê-tê gọi Prô-mê-tê đến để xem xét lại. Mọi việc đều tốt, rất tốt nữa là đằng khác. Nhưng xem kĩ ra thì tai hại thay, còn sót lại một con, một con mà chàng Ê-pi-mê-tê đần độn lại quên mất chẳng ban cho một đặc ân, một "vũ khí" gì. Đó là con người! Một con người, nhưng trần trụi, trần trụi hoàn toàn. Phải, đúng là một con người trần trụi hoàn toàn đứng trước mặt Prô-mê-tê. Làm thế nào bây giờ? 1

Dự đoán

1 Theo bạn, thần Prô-mê-tê sẽ ban cho con người "vũ khí" gì?

Làm thế nào để con người sống được ở thế gian khi các nguyên liệu "đặc ân" đã sử dụng phân phối hết rồi? Con người sẽ sống thế nào trước các con vật: hổ, báo, voi, sói, vẹt, nhím, gấu, ngựa, sư tử, cá, chim,... là những con vật đã được sáng tạo hoàn hảo? Là những con vật đã được ban cho đặc ân của thần thánh? Và rồi còn phải đương đầu với nắng, mưa, bão tố, núi lửa phun, nước sông dâng, đất liền phút chốc thành biển cả, bãi bể hoá nương dâu,... biết bao biến thiên, tai hoạ khôn lường? Prô-mê-tê đã nghĩ như thế. Và vị thần có bộ óc thông minh, có tài nhìn xa trông rộng này quyết sửa chữa bằng được cái thiếu sót của chú em lơ đễnh, đần độn của mình. Prô-mê-tê dựa theo thân hình trang nhã của các vị thần tái tạo lại con người cho có một thân hình đẹp đẽ thanh tao. Phải làm cho con người đẹp đẽ, thanh tao hơn hẳn con vật. Prô-mê-tê lại làm cho con người đứng thẳng lên, đi bằng hai chân để đôi tay được thảnh thơi làm nhiều việc khác. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Con người vẫn còn bấy yếu[1] và thua kém nhiều so với các con vật. Phải làm cho con người mạnh hơn hẳn con vật thì nó mới có thể sống được trong thế gian này. Prô-mê-tê liền băng ngay lên bầu trời cao xa tít tắp đến tận cỗ xe của thần Mặt Trời Hê-li-ôx[2] (Helios) lấy lửa của thần Mặt Trời châm vào ngọn đuốc của mình đem xuống trao cho loài người. 2

Tưởng tượng

2 Qua những việc thần Prô-mê-tê đã làm, bạn hình dung thế nào về nhân vật này?

Và thế là từ đó, thế gian, mặt đất lúc nào cũng rực cháy ngọn lửa của Prô-mê-tê ban cho. Con người thoát khỏi cảnh sống tăm tối, giá lạnh, đói khát. Ngọn lửa trở thành người bạn thân thiết, người bảo vệ chắc chắn nhất, một vũ khí mạnh nhất của loài người. Ngọn lửa của con người hơn hẳn bộ lông dày, hàm răng sắc, cặp móng nhọn, thân hình đồ sộ, khoẻ mạnh, tài bay cao, nhìn xa, chạy nhanh của bất cứ con vật nào.

---

[1] *Bấy yếu*: còn quá non, quá yếu.

[2] *Hê-li-ôx*: thần Mặt Trời trong thần thoại Hy Lạp.

Và với ngọn lửa của Prô-mê-tê, con người, thế hệ này qua thế hệ khác, tạo dựng cuộc sống của mình ngày càng văn minh, hạnh phúc hơn.

Và từ đó dẫu mong manh và bấy yếu
Giống loài người đã có ngọn lửa của Prô-mê-tê
Ngọn lửa thiêng dạy cho họ biết bao nghề. 3

Suy luận

3 Đây là lời của ai? Lời này có ý nghĩa gì?

(Theo Nguyễn Văn Khoả, *Thần thoại Hy Lạp*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 79 – 81)

Sau khi đọc

1. Bạn từng hình dung thế nào về một vị thần? Nhân vật Prô-mê-tê và Ê-pi-mê-tê trong *Prô-mê-tê và loài người* có làm cho hình dung đó của bạn thay đổi không? Vì sao?
2. Tóm tắt quá trình tạo nên con người và thế giới muôn loài của hai vị thần. Từ đó, nhận xét về cách xây dựng cốt truyện và nhân vật trong *Prô-mê-tê và loài người*.
3. Nêu nội dung bao quát của truyện *Prô-mê-tê và loài người*. Thông điệp mà người xưa muốn gửi gắm qua câu chuyện này là gì?
4. Truyện *Prô-mê-tê và loài người* giúp bạn hiểu thêm gì về nhận thức và cách lí giải nguồn gốc con người và thế giới muôn loài của người Hy Lạp xưa?
5. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra *Prô-mê-tê và loài người* là một truyện thần thoại?
6. Chỉ ra sự tương đồng và khác biệt giữa hai truyện *Thần Trụ Trời* và *Prô-mê-tê và loài người*.

Thần thoại Hy Lạp là tập hợp những câu chuyện của người Hy Lạp cổ đại về các vị thần, các anh hùng nhằm giải thích nguồn gốc của thế giới và ý nghĩa của các tín ngưỡng, nghi lễ tôn giáo.

Thần thoại Hy Lạp bắt đầu hình thành từ khoảng 2000 – 1100 năm trước Công nguyên. Trong quá trình tồn tại và phát triển, kho tàng thần thoại này đã trải qua nhiều biến đổi, pha trộn rất phức tạp. Vì thế, chắc chắn những gì còn lưu giữ được hiện nay về thần thoại Hy Lạp không phải ở dạng nguyên sơ nhất. Trong nền văn hoá nhân loại, nhiều lĩnh vực như: triết học, hội hoạ, điện ảnh, kiến trúc, văn học,... đã khai thác các đề tài, cốt truyện, nhân vật, sự việc,... của thần thoại Hy Lạp làm cho những câu chuyện ngàn năm tuổi ấy không cũ đi mà vẫn hiện diện tươi mới hằng ngày trong đời sống hiện tại. Điều này cho thấy giá trị quý báu cũng như sức sống bền bỉ của kho tàng thần thoại Hy Lạp cổ xưa.

Chân trời sáng tạo

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ĐI SAN MẶT ĐẤT

(Truyện của người Lô Lô, trích *Mẹ Trời, Mẹ Đất*)

Đọc văn bản

[...]
Ngày xưa, từ rất xưa
Người già không nhớ nổi
Mấy trăm, mấy nghìn đời
Ngày xưa, từ rất xưa
Người trẻ không biết tới
Mấy nghìn, mấy vạn năm
Người mặt đất ăn chung
Cùng đi và cùng ở
Trồng bắp trên núi cao
Uống nước từ bụng đá[1]
Người mặt đất sống chung
Cùng ở và cùng đi
[...]
Bầu trời nhìn chưa phẳng
Mặt đất còn nhấp nhô
Phải đi san bầu trời
Phải đi san mặt đất
Kiếm con trâu sừng cong
Chọn con trâu sừng dài
Đẽo cho trâu cái ách[2]
Đục lỗ ách luồn dây
Chão[3] dẻo làm dây cày
Thừng dài làm dây bừa
Trâu cày bừa san đất
Chẳng quản gì nhọc mệt
San đất là việc chung
Người tìm hang chuột chũi[4]

---

[1] *Nước từ bụng đá*: nước rỉ ra từ trong hang động đá.
[2] *Ách*: đoạn gỗ cong mắc trên vai trâu, bò để buộc dây kéo cày, kéo xe.
[3] *Chão*: dây thừng to, rất bền.
[4] *Chuột chũi*: động vật có vú, họ chuột, sống trong hang, đào bới đất để ăn côn trùng.

Chân trời sáng tạo

Gọi hắn, hắn rung râu
"Suốt ngày trong lòng đất
Tôi có thấy Trời đâu"
Người lại tìm cóc, ếch
Đứa tặc lưỡi ngồi nhìn
Đứa thì kêu ộp oạp:
"Chân tay tôi đều ngắn
San mặt đất sao nên?
Để chúng tôi gọi lên
Xin trời đổ nước xuống!"
Giống nào cũng không đi
Người gọi nhau làm lấy
Nhiều sức, chung một lòng
San mặt đất cho phẳng
Nhiều tay chung một ý
San mặt đất, làm ăn[1]
[...]

(In trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập VI, *Văn học dân tộc ít người*, quyển 1, Nông Quốc Chấn (Chủ biên), Tràng Thị Giàng, Lê Trung Vũ sưu tầm, dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1979, tr.432 – 438)

Sau khi đọc

1. Nêu nội dung bao quát của văn bản *Đi san mặt đất*.
2. Trong văn bản, người Lô Lô giải thích vì sao phải "đi san bầu trời", "đi san mặt đất"? Công việc ấy do ai đảm nhiệm?
3. Văn bản *Đi san mặt đất* (trích *Mẹ Trời, Mẹ Đất*) giúp bạn hiểu gì về quá trình tạo lập thế giới trong nhận thức của người Lô Lô xưa?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra lỗi thiếu mạch lạc trong những đoạn trích dưới đây và nêu cách sửa:

a. *Trong ca dao Việt Nam, những bài hát về tình yêu nam nữ là những bài nhiều hơn tất cả. Họ yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau chung sống, yêu nơi chôn nhau cắt rốn. Họ yêu người làng, người nước, yêu từ cảnh ruộng đồng, đến công việc trong xóm, ngoài làng. Tình yêu đó nồng nhiệt, đằm thắm và sâu sắc.* (Dẫn theo Bùi Minh Toán)

[1] Văn bản *Mẹ Trời, Mẹ Đất* khá dài, mô tả lại sự khai sinh ra trời, đất và muôn loài theo quan niệm của người Lô Lô xưa. Bài này trích giới thiệu một phần của văn bản đó.

b. *Qua truyện **Thần Trụ Trời**, ta thấy người thời cổ nhận thức và lí giải về cách hình thành thế giới rất giản đơn. Trời đất ban đầu dính vào nhau.*

c. *Hình tượng người nông dân trong văn học hiện thực phê phán có những nét đẹp truyền thống. Nếu đặt họ bên những nhân vật phản diện như Nghị Lại, Nghị Quế, thì họ hoàn toàn đối lập với bản chất kệch cỡm, nhố nhăng, tàn ác của bọn quan lại. Chị Dậu không như Thuý Kiều hay Kiều Nguyệt Nga khi gặp hoạn nạn thì vào cõi Phật để hưởng chút bình an, mà chị đã đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm.* (Dẫn theo Bùi Minh Toán)

2. Sắp xếp những câu văn dưới đây theo trình tự hợp lí để tạo thành đoạn văn mạch lạc.

a. *(1) Cần ghi nhớ tuyệt đối không được hứa cho qua chuyện để lấy lòng. (2) Trước hết, chúng ta phải biết coi trọng lời hứa, không gian dối với mình và với người. (3) Người xưa có câu: Một lần thất tín, vạn lần bất tin. (4) Nếu cảm thấy không chắc chắn hoặc lời hứa ấy vượt quá khả năng của mình, chúng ta không nên vội hứa hẹn. (5) Chúng ta nên làm gì để có thể giữ chữ tín của mình?*

b. *(1) Bản tên là Hua Tát. (2) Từ thung lũng Hua Tát đi ra bên ngoài có nhiều lối đi. (3) Xung quanh hồ, khi thu đến, hoa cúc dại nở vàng đến nhức mắt. (4) Ở Tây Bắc có một bản nhỏ người Thái đen nằm cách chân đèo Chiềng Đông chừng dặm đường. (5) Lối đi chính rải đá, vừa một con trâu. (6) Bản Hua Tát ở thung lũng hẹp và dài, ba bề bốn bên là núi cao bao bọc, cuối thung lũng có hồ nước nhỏ, nước gần như không bao giờ cạn. (7) Hai bên lối đi đầy những cây mè loi, tre, vầu, bứa, muỗm và hàng trăm thứ dây leo không biết tên gọi là gì.*

3. Chỉ ra và nêu cách sửa lỗi liên kết trong những trường hợp sau:

a. *Ngoài sân vang lên tiếng guốc khua lộp cộp. Và tôi không nghe thấy gì.*

b. *Trong quá trình tồn tại và phát triển, kho tàng thần thoại Hy Lạp đã trải qua nhiều biến đổi, pha trộn rất phức tạp. Tuy nhiên, những gì còn lưu giữ được đến hiện nay về thần thoại Hy Lạp không phải ở dạng nguyên sơ nhất.*

c. *Văn bản **Đi san mặt đất** giúp người đọc hiểu về quá trình tạo lập thế giới trong nhận thức của người Lô Lô xưa. Họ còn khá giản đơn. Họ cũng đã hiểu được vai trò của con người trong việc cải tạo thiên nhiên.*

d. *Hiếu rất thích đọc truyện **Mười hai sứ quân**. Em đã học được nhiều bài học quý giá ở họ.*

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) chia sẻ suy nghĩ về một truyện thần thoại mà bạn cho là đặc sắc.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CUỘC TU BỔ LẠI CÁC GIỐNG VẬT

(Thần thoại Việt Nam)

Ngọc Hoàng trước khi sáng tạo ra con người đã nặn ra vạn vật. Nhưng lúc sơ khởi, một phần vì thiếu nguyên liệu, một phần cũng vì vội vàng muốn có một thế giới ngay trong một sớm một chiều cho nên có một số động vật có thể cấu tạo chưa được đầy đủ: có con thiếu cánh, có con thiếu chân,...

Vì thế sau đó, có một hôm Ngọc Hoàng phái ba vị Thiên thần mang nguyên liệu xuống núi để làm công việc tu bổ, bù đắp cho những con vật nào mà cơ thể còn chưa được đầy đủ. Tin ấy ban bố ra, mọi giống vật đều tranh nhau tìm đến nơi ở của Thiên thần để xin những thứ mà mình cần thiết. Thiên thần cố lo làm tròn nhiệm vụ trong những ngày lưu lại ở hạ giới. Mọi giống vật khi ra về đều lấy làm thoả mãn.

Khi phân phát mọi nguyên liệu cho các giống vật vừa hết thì có con vịt và con chó cùng đến một lần xin cho mình mỗi con một cẳng[1] thiếu vì chó chỉ mới có ba cẳng mà vịt thì mới có một. Thấy họ đến, Thiên thần từ chối với lí do các nguyên liệu đều đã hết nhẵn.

Nhưng sau thấy hai con vật nài nỉ dữ quá, Thiên thần thương tình bèn tạm bẻ chân ghế chắp một chân cho con vịt và một chân sau bị thiếu cho con chó. Thiên thần dặn vịt và chó rằng:

– Khi nào ngủ chó để cẳng này xuống đất sợ nó dây phải bùn nước lâu ngày mục đi chăng. Vậy cần phải giơ lên cho nó khô ráo.

Vịt và chó đều nhất nhất vâng lời. Vì thế mà sau này hai giống vật ấy lúc nào ngủ đều có một cẳng giơ lên trên không.

Sau khi vịt và chó ra về, cả ba Thiên thần soạn sửa lên trời thì bỗng lại có mấy loại chim khác cùng đến một lúc như chiền chiện[2], đỏ nách[3] và ốc cau[4],...

Bọn chúng vì lúc mới được sáng tạo, Ngọc Hoàng làm vội nên con nào cũng thiếu cả hai chân. Thấy Thiên thần khoát tay từ chối, bọn chúng lấy có là vì nghe tin quá chậm lại vì không có chân nên không đi được nhanh mà cố vật nài Thiên thần giúp cho mình. Một trong số ba Thiên thần thấy chúng khẩn cầu mãi mới bẻ một nắm chân hương, gắn cho chúng mỗi con một đôi làm chân. Khi thấy chân mình quá yếu ớt, bọn chim kia kêu lên:

– Chết nỗi. Chân như thế này thì đậu thế nào cho vững được.

---

[1] *Cẳng:* chân.

[2] *Chiền chiện*: còn gọi là sơn ca. Đây là loài chim nhỏ hơn chim sẻ, thường sống ở ruộng, bãi quang đãng, có giọng hót vút cao và bay bổng.

[3,4] *Đỏ nách, ốc cau*: các giống chim thuộc bộ Rẽ, thường kiếm ăn ở vùng ngập nước xăm xắp ven sông rạch, bằng cách mò động thực vật nhỏ dưới nước.

Thiên thần trả lời:

– Hãy chịu khó giữ gìn một chút là được. Bao giờ muốn dùng nó thì hãy đặt nhóm chân xuống đất xem có vững không đã rồi hãy đậu. Sau này nếu có gẫy chúng ta lại sẽ thay thứ khác.

Vì thế mà từ đó dòng dõi các loại chim ấy còn giữ thói quen chới với ba lần để thử đặt chân trước khi đậu.

(Theo Nguyễn Đổng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 77 – 78)

Hướng dẫn đọc

1. Bạn hãy đọc văn bản *Cuộc tu bổ lại các giống vật* và tự kiểm tra kĩ năng đọc hiểu thể loại thần thoại bằng cách điền thông tin vào bảng sau (làm vào vở):

Cuộc tu bổ lại các giống vật

Những đặc điểm chính	Nhận xét (kèm bằng chứng, nếu có)
Nhân vật	
Không gian	
Thời gian	
Cốt truyện	
Nhận xét chung	

2. Truyện *Cuộc tu bổ lại các giống vật* có gì giống và khác với truyện *Prô-mê-tê và loài người*?

3. Bạn rút ra bài học gì về cách đọc thể loại thần thoại sau khi đọc truyện trên?

Chân trời sáng tạo



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TRUYỆN KỂ

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một truyện kể: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ đặc điểm, giá trị nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện kể như: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười,...

Yêu cầu đối với kiểu bài:

– Về nội dung nghị luận:

• Xác định chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề.

• Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như *cốt truyện, tình huống, sự kiện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn,...* và tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể.

– Về kĩ năng nghị luận, bài viết cần đáp ứng các yêu cầu:

• Lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.

• Lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.

• Sử dụng các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.

• Có các phần mở bài, thân bài, kết bài theo quy cách.

Mở bài: giới thiệu truyện kể (tên tác phẩm, tác giả,...). Nêu khái quát các nội dung chính hay định hướng của bài viết.

Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật ý nghĩa, giá trị của chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

Kết bài: khẳng định lại giá trị của chủ đề và hình thức nghệ thuật của truyện kể; nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con* (La Phông-ten)

Truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con* của La Phông-ten (La Fontaine, 1621 – 1695) rút ra từ tập truyện *Ngụ ngôn chọn lọc La Phông-ten*, được đánh giá là một trong những tác phẩm đặc sắc về chủ đề và hình thức nghệ thuật của một truyện kể bằng thơ. [1]

Đọc *Chó sói và chiên con* của La Phông-ten, ai cũng có thể nhận thấy rằng, giá trị của truyện trước hết thể hiện qua chủ đề và bài học cuộc sống mà tác phẩm nêu lên. Câu chuyện xoay quanh một sự việc đơn giản: một chú chiên con ("chiên con" là từ dùng để chỉ những con cừu non dưới một năm tuổi) ra suối uống nước, chẳng may gặp một con sói đói cũng đang uống nước suối phía đầu nguồn. Sói kiếm cớ để ăn thịt chiên, khịa ra nhiều chuyện để hạch tội chiên. Các lời hạch tội của sói đều bị chiên lần lượt vạch trần sự vô lí. Cuối cùng, sói lấy lí do là cả giống nhà chiên (giống chó, giống người nữa) đều không biết kiêng nể sói nên đáng bị "báo thù". Rồi sói bắt chiên con vào rừng ăn thịt. Toàn bộ câu chuyện, sự việc, hành động, lời nói của sói, lí lẽ và kết cuộc bi thảm của chiên,... được kể lại nhằm làm rõ chủ đề của truyện: "Kẻ mạnh cái lẽ vốn già...". "Cái lẽ vốn già" là nói tình trạng coi thường, bất chấp lẽ phải. Vậy "kẻ mạnh" đây là ai? Là con sói trong câu chuyện.

Nhưng hình ảnh con sói ở đây còn là biểu trưng cho tất cả những "kẻ mạnh", những cái ác tương tự. Qua đó, truyện đề cập đến vấn đề lẽ công bằng trong đời sống xã hội. Điều mà câu chuyện muốn cảnh tỉnh là: sẽ không thể có chân lí và lẽ công bằng nào hết trong xã hội, khi mà "kẻ mạnh" trơ tráo bẻ cong lẽ phải thao túng mọi quan hệ và tự cho mình cái quyền chà đạp lên tất cả bằng sức mạnh cơ bắp và thói hung hăng. Là một truyện ngụ ngôn, *Chó sói và chiên con* mượn chuyện loài vật để ám chỉ chuyện về con người và những quan hệ trong xã hội loài người. Chủ đề của truyện mang tính khái quát. Đó là một khái quát không chỉ đúng với một thời mà đúng với nhiều thời. Tác phẩm vì thế, không chỉ là tiếng nói phê phán một nhân vật cụ thể, trong một tình huống cụ thể mà còn là lời cảnh tỉnh sâu sắc: hãy lên án cái ác và coi chừng những "kẻ mạnh" bất chấp lẽ phải như con sói kia; hãy thương xót và tìm cách bảo vệ những kẻ yếu thế, ngây thơ, đơn độc như chú chiên con kia. [2]

Giá trị của chủ đề hay bài học trong *Chó sói và chiên con* không tách rời hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Chủ đề và bài học nêu trên càng trở nên sâu sắc, thấm thía hơn nhờ được thể hiện qua một hình thức nghệ thuật đặc sắc của truyện kể với tình huống truyện độc đáo, nhân vật giàu tính biểu trưng, kết cấu tương phản, lối kể chuyện bằng thơ hàm súc mà hấp dẫn,... [3]

[1]: Giới thiệu truyện kể và nêu định hướng của bài viết.

Luận điểm 1

[2]: Chủ đề và ý nghĩa của chủ đề.

Luận điểm 2

[3]: Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

Thông thường, khi muốn thể hiện lối ứng xử, tính cách của nhân vật nào đó, tác giả truyện ngụ ngôn sẽ đặt các nhân vật trước những tình huống thách thức khó khăn, nguy hiểm. [3a] Trong truyện *Chó sói và chiên con*, tình huống nguy hiểm ấy là chiên con đang uống nước thì gặp sói, sói kiếm cớ bắt tội để có lí do "trừng phạt" chú chiên tội nghiệp và hợp thức hoá hành động tàn bạo của mình. Tình huống tuy đơn giản, nhưng diễn biến lại rất mau lẹ và bất ngờ. Tình huống và diễn biến ấy khiến cho điều mà người kể chuyện đúc rút, khái quát công khai ở đầu truyện – cái lí luôn thuộc về kẻ mạnh – mỗi lúc một sáng tỏ thêm qua từng chi tiết, từng dòng thơ.

Cùng với cách tạo tình huống nói trên là cách xây dựng nhân vật giàu tính biểu trưng. [3b] Sói biểu trưng cho những "kẻ mạnh" tàn bạo trong xã hội. Chiên biểu trưng cho những kẻ yếu, đáng thương, đáng được chăm sóc và bảo vệ. Từng hành động, từng đoạn thoại của hai nhân vật này được đặt cạnh nhau trong thế tương phản, đã làm toát lên đặc điểm tính cách và ý nghĩa biểu trưng của mỗi nhân vật, qua đó mà tô đậm chủ đề và bài học.

Truyện ngụ ngôn là một trong những thể loại ngắn gọn bậc nhất trong các thể loại tự sự. Sự ngắn gọn của thể loại, cùng với ngôn ngữ kể chuyện bằng thơ, mang lại sự thú vị riêng trong tiếp nhận, nhưng cũng là một thách thức không nhỏ trong sáng tác [3c]. Các nhân vật cần được khắc hoạ bằng những nét chấm phá qua một vài hành vi, cử chỉ, lời thoại,... Tất cả đều phải rất chọn lọc, hàm súc. Trong trường hợp này, rõ ràng, việc đặt hai nhân vật cạnh nhau trong thế tương phản đã giúp cho tác giả *Chó sói và chiên con* bước qua thách thức ấy một cách khéo léo, nhẹ nhàng.

Việc trích dẫn lời đối thoại trực tiếp giữa các nhân vật đối với một truyện kể bằng thơ, hẳn là cũng khó khăn hơn so với truyện kể bằng văn xuôi. Qua bản dịch tiếng Việt bằng thơ song thất lục bát của Tú Mỡ, ta cũng cảm nhận được cuộc đối đáp giữa chó sói và chiên con là một cuộc đối đáp gay cấn có tính sinh tử. [3d] Chó sói nhiều lần buộc tội chiên con một cách vô lí, chiên con ra sức dùng lí lẽ để biện hộ cho sự vô tội của mình. Bản chất xấu xa, gian trá của sói được tập trung bộc lộ ở những lời lẽ vu khống trắng trợn và phi lí. Hễ chiên con "cãi" được điều này thì chó sói lại vu cho điều khác, khiến "tội" của chiên con mỗi lúc một nặng thêm, càng bị đẩy vào đường cùng không lối thoát. Chiên con, trong vị thế của kẻ yếu, đã cố gắng đáp trả từ tốn bằng lí lẽ giản dị của một đứa trẻ hoàn toàn vô tội. Lí lẽ ấy tuy là khó lòng cãi lại được, nhưng rốt cuộc đều bị vô hiệu hoá bởi cái lí sự cùn của chó sói. Như vậy, thông qua việc miêu tả, nói năng, đối đáp, lập luận, các nhân vật đều được bộc lộ tính cách nổi bật của mình, qua đó làm cho bài học từ truyện kể thêm phần sáng rõ, hiển nhiên hơn.

Những phân tích trên đây cho thấy *Chó sói và chiên con* là một truyện ngụ ngôn đặc sắc [4]. Tác phẩm tiêu biểu cho những câu chuyện ngụ ngôn bằng thơ của La Phông-ten. Về chủ đề, truyện là lời tố cáo, lên án sâu sắc xã hội bất công trong đó "kẻ mạnh" bất chấp lí lẽ để bắt nạt người yếu thế.

[3a]: Phân tích, đánh giá nghệ thuật tạo tình huống.

[3b]: Phân tích, đánh giá cách xây dựng nhân vật giàu tính biểu trưng và tác dụng trong việc thể hiện chủ đề.

[3c]: Phân tích, đánh giá cách kể chuyện bằng thơ.

[3d]: Phân tích, đánh giá cách khắc hoạ tính cách nhân vật thông qua đối thoại.

[4]: Nhận xét đặc sắc về chủ đề và hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

Về hình thức nghệ thuật, tác giả đã tạo được tình huống và lối kết cấu đặc sắc để các nhân vật tự bộc lộ tính cách thông qua thái độ, hành động và lời nói của mình. Tác phẩm mang lại lời nhắc nhở đối với mỗi người đọc chúng ta: cần phải can đảm và mạnh mẽ đấu tranh chống cái ác, bảo vệ lẽ phải và sự công bằng trong xã hội.

Một số bạn cho biết khi đọc *Chó sói và chiên con*, họ thường bị ám ảnh bởi hai hình ảnh tương phản nơi dòng suối êm đềm: một con sói đói khát và rất hung hãn đang gầm gừ uy hiếp một chú chiên con hiền lành, tội nghiệp, mắt nhìn ngơ ngác như đang khẩn cầu ai đó cứu giúp mình... [5] Phải chăng lời khẩn cầu về công lí ấy cũng là nỗi ám ảnh chung đối với số đông độc giả khi đọc truyện ngụ ngôn này.

(Nhóm biên soạn)

[5]: Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Mở bài, thân bài và kết bài của ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài viết phân tích, đánh giá một truyện kể chưa? Vì sao?
2. Các luận điểm trong ngữ liệu được sắp xếp theo trình tự nào, có hợp lí không?
3. Trong mỗi luận điểm, ngữ liệu đã có sự kết hợp giữa lí lẽ, bằng chứng như thế nào? Nêu ví dụ.
4. Bạn có nhận xét gì về cách người viết phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề?
5. Người viết đã phân tích, đánh giá những nét đặc sắc nghệ thuật nào của truyện kể? Chúng có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể?
6. Từ ngữ liệu trên, bạn rút ra được những lưu ý gì khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện kể?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một truyện kể (thần thoại, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện cổ tích) mà bạn yêu thích.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định tác phẩm truyện, mục đích viết, người đọc

• Lựa chọn một truyện kể cụ thể trong số các thể loại như thần thoại, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện cổ tích mà bạn yêu thích để làm bài. Nên chọn truyện có chủ đề xác định, hình thức nghệ thuật thú vị, thể hiện sâu sắc nội dung, ý nghĩa,... Chẳng hạn:

– Thần thoại: *Thần Trụ Trời, Cuộc tu bổ lại các giống vật,...*

– Truyền thuyết: *Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm,...*

– Truyện ngụ ngôn: *Thầy bói xem voi, Ếch ngồi đáy giếng,...*

Chân trời sáng tạo

– Truyện cười: *Đến chết vẫn hà tiện, Đất nứt con bọ hung* (truyện *Trạng Quỳnh*)

– Truyện cổ tích: *Sọ Dừa, Em bé thông minh,...*

• Trả lời các câu hỏi có tính định hướng cho bài viết:

– Mục đích viết của bạn là gì (thể hiện nhận thức, đánh giá của bạn về truyện kể, luyện tập phát triển kĩ năng, chia sẻ ý kiến với người khác,...)?

– Người đọc bài viết của bạn có thể là những ai (thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng lớp, phụ huynh,...)?

Thu thập tài liệu

• Tìm những nguồn tư liệu liên quan đến truyện kể từ các báo, tạp chí, sách chuyên luận, trên các trang mạng đáng tin cậy, thư viện,...

• Khi đọc, tham khảo tư liệu, cần ghi chép một số nhận xét, đánh giá về tác phẩm cần cho việc trích dẫn hoặc suy nghĩ tiếp để trao đổi thêm trong bài viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

• Để tìm ý cho việc phân tích, đánh giá chủ đề của một truyện kể, cần trả lời các câu hỏi: *Chủ đề của truyện này là gì? Chủ đề đó có gì sâu sắc, mới mẻ? Những tác phẩm nào gần gũi về chủ đề và giữa chúng có gì tương đồng, có gì khác biệt?,...*

• Để tìm ý cho việc phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, bạn cần trả lời các câu hỏi: *Tác phẩm thuộc thể loại thần thoại, truyện cổ tích, ngụ ngôn,... hay truyện cười?; Thể loại ấy có những điểm gì đáng lưu ý về nhân vật, cốt truyện, điểm nhìn, lời kể,...?; Các đặc điểm hình thức của truyện đã góp phần thể hiện chủ đề như thế nào...?*

• Bài viết cần có ít nhất mấy luận điểm? Sắp xếp các luận điểm theo trình tự nào?

• Lí lẽ, bằng chứng cần có cho mỗi luận điểm?

Lập dàn ý

Bạn hãy sắp xếp, trình bày các ý đã tìm thành một dàn ý. Riêng với dàn ý phần thân bài, bạn cần:

• Xây dựng hệ thống luận điểm cho bài viết.

• Tạo lập ít nhất hai luận điểm về nội dung và về nghệ thuật.

• Sắp xếp các luận điểm theo nhiều cách: a. hình thức nghệ thuật trước, chủ đề sau; b. chủ đề trước, hình thức nghệ thuật sau; c. kết hợp phân tích, đánh giá chủ đề và hình thức nghệ thuật trong từng luận điểm;...

Ví dụ: Trong ngữ liệu tham khảo, khi phân tích, đánh giá truyện ngụ ngôn *Chó sói và chiên con*, các luận điểm đã được sắp xếp theo trình tự b:

Luận điểm thứ nhất: *giá trị của chủ đề: tình trạng "kẻ mạnh" bất chấp lẽ phải, ức hiếp, sát hại kẻ yếu trong xã hội.* (Lí lẽ và bằng chứng)

Luận điểm thứ hai: *những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật: tình huống truyện độc đáo, nhân vật giàu tính biểu trưng, kết cấu tương phản, lối kể chuyện bằng thơ hàm súc mà hấp dẫn,...* (Lí lẽ và bằng chứng)

• Nêu rõ ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về những nét đặc sắc của tác phẩm.

• Lược dẫn từ truyện kể một số hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu để dàn ý phần thân bài cụ thể hơn.

Bước 3: Viết bài

• Phát triển các luận điểm thành những đoạn văn có câu chủ đề và các câu triển khai ý của câu chủ đề.

• Làm sáng tỏ các luận điểm phân tích, đánh giá về chủ đề và hình thức nghệ thuật bằng việc trích dẫn các hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

• Diễn đạt mạch lạc, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.

• Hình dung lại thật rõ về người đọc và mục đích viết để chọn lựa văn phong phù hợp.

• Sử dụng các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Bạn hãy đọc lại bài viết và tự đánh giá theo bảng kiểm:

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu truyện kể (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).		
	Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.		
Thân bài	Xác định chủ đề của truyện kể.		
	Phân tích, đánh giá các khía cạnh trong chủ đề của truyện kể.		
	Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện kể theo đặc trưng thể loại.		
	Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể.		
	Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về truyện kể.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.		

Kết bài	Khẳng định lại một cách khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của truyện kể.		
	Nêu ý nghĩa của truyện kể đối với bản thân và người đọc.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa lí lẽ với bằng chứng và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

Tiếp theo, hãy đọc lại bài viết, khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi từ ngữ, ngữ pháp để chỉnh sửa và hoàn tất bài viết.

Bạn có thể sử dụng các câu hỏi dưới đây để tự đánh giá lại những gì mình đã học được sau khi thực hiện bài viết này, chẳng hạn:

• Bạn rút ra lưu ý gì khi viết kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể?

• Bạn thấy hài lòng/ chưa hài lòng về điểm nào, bước nào khi viết kiểu bài nghị luận này? Lí do? Nếu thực hiện lại bài viết này, bạn sẽ điều chỉnh thế nào để bài viết thuyết phục, hấp dẫn hơn?



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TRUYỆN KỂ

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định tác phẩm truyện

Bạn có thể sử dụng đề tài là truyện kể đã phân tích, đánh giá trong bài viết hoặc đề tài là một truyện kể khác.

• *Xác định mục đích nói:* ngoài mục đích nói để thể hiện nhận thức của bạn và chia sẻ với người nghe về chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện kể mà mình đã chọn,... bài nói của bạn còn có mục đích nào khác nữa không?

• *Xác định đối tượng người nghe:* người nghe bài nói của bạn, ngoài thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng nhóm, cùng lớp, còn ai khác sẽ nghe bạn nói nữa không?

• *Xác định không gian và thời gian nói:* xác định xem về không gian nói, bạn có thể trình bày bài nói ở lớp học hay ở đâu; về thời gian, bạn được trình bày trong khoảng thời gian quy định cụ thể là bao lâu?

Chân trời sáng tạo

Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Trong trường hợp đề tài nói cũng là đề tài của bài viết, bạn có thể sử dụng lại các ý tưởng, thông tin, tư liệu đã có trong phần viết. Dựa vào bài viết, lựa chọn những ý cần nhấn mạnh khi nói, những ý có thể lược bỏ.

Nếu đề tài bài nói khác với đề tài bài viết, tức là bạn chọn giới thiệu một truyện kể khác, bạn cần đọc kĩ tác phẩm và ghi lại một số nội dung sau: tên truyện kể, thể loại, nội dung, chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi gắm thông qua tác phẩm, một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc và tác dụng của chúng; ý kiến, đánh giá của bạn về nội dung và nghệ thuật của truyện kể.

Lập dàn ý

Dàn ý của bài giới thiệu cơ bản cũng là dàn ý mà bạn đã chuẩn bị cho bài viết. Nếu bạn chọn giới thiệu một truyện kể khác, có thể phác thảo dàn ý dựa vào gợi ý sau đây:

Phiếu giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể

Tên truyện kể: ..... Thể loại: .....

Tên tác giả (nếu có): .....

1. Giới thiệu về chủ đề của truyện kể:

• *Tóm tắt nội dung, khái quát chủ đề:*.....

• *Ý nghĩa/ giá trị của chủ đề:*.....

2. Giới thiệu về hình thức của truyện kể:

• *Dựng bối cảnh/ tình huống/ cốt truyện*:

.....

• *Xây dựng nhân vật*:

.....

.....

• *Sự kết hợp lời của người kể chuyện và lời của nhân vật*:

.....

3. Ý kiến đánh giá:

(Có thể sử dụng những ý đã trình bày trong bài viết để đưa vào phiếu này)

.....

Chân trời sáng tạo

Luyện tập

Bạn nên đối chiếu dàn ý bài nói với bảng kiểm để tập cách trình bày cho khoa học. Lưu ý:

• Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, hấp dẫn, tạo ấn tượng với người nghe.

• Sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như: hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu,... để tăng tính trực quan và hấp dẫn cho bài nói.

• Luyện tập một mình bằng cách đứng trước gương hoặc luyện tập với bạn.

• Tập thói quen điều chỉnh giọng điệu (cao độ, âm lượng, tốc độ), kết hợp giọng điệu với ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... sao cho phù hợp.

• Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể thắc mắc và luyện tập trả lời sao cho thuyết phục.

Bước 2: Trình bày bài nói

• Tạo không khí và quan hệ giao tiếp như: tự giới thiệu họ tên, sử dụng ngôi phù hợp trong giao tiếp.

• Sử dụng cách diễn đạt phù hợp, linh hoạt. Cần dùng một số mẫu câu phù hợp để giới thiệu, đánh giá tác phẩm truyện kể.

• Đáp ứng được các yêu cầu về tính mạch lạc, thuyết phục, truyền cảm; tạo được tương tác với người nghe.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

• Lắng nghe với thái độ cầu thị và ghi chép tóm lược câu hỏi hoặc ý kiến của người nghe.

• Trả lời và giải thích ngắn gọn, rõ ràng các câu hỏi, ý kiến của người nghe.

Đánh giá

• Trong vai trò người nói, bạn hãy tự đánh giá phần trình bày của mình.

• Trong vai trò người nghe, bạn hãy đánh giá phần trình bày của người nói.

Trong cả hai vai trò ấy, khi đánh giá, bạn có thể sử dụng các gợi ý trong bảng sau đây:

Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu truyện kể: tên tác phẩm, thể loại, tác giả (nếu có).		
	Nêu khái quát nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính).		

Nội dung chính	Trình bày ý kiến đánh giá về nội dung của truyện kể.		
	Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của truyện kể.		
	Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của truyện kể.		
	Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận của người nói về truyện kể.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ truyện kể.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung trình bày về truyện kể.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

Chân trời sáng tạo

NGHE VÀ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG, HÌNH THỨC BÀI NÓI GIỚI THIỆU MỘT TRUYỆN KỂ

Bước 1: Chuẩn bị nghe

• Tìm đọc truyện kể mà người nói sẽ giới thiệu, đánh giá.

• Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của truyện kể, dự kiến những điều cần trao đổi với người trình bày.

• Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.

Bước 2: Lắng nghe và ghi chép

• Lắng nghe để nắm bắt ý kiến đánh giá của người nói về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể (bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...).

• Sắp xếp các thông tin thu nhận được trong khi nghe và ghi chép những đánh giá của người nói về nội dung và nghệ thuật của truyện kể.

• Ghi những câu hỏi, ý kiến muốn trao đổi với người nói về nội dung và nghệ thuật của truyện kể.

Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá

• Khẳng định sự đồng tình với những ý kiến trong bài nói.

• Trao đổi những điều bạn chưa rõ hoặc chưa thống nhất với ý kiến, quan điểm của người nói.

• Dùng giọng điệu nhẹ nhàng để nhận xét bài nói của bạn và đưa ra những góp ý cụ thể để bài nói tốt hơn.

Bảng kiểm kĩ năng nghe giới thiệu, đánh giá về nội dung, hình thức của một truyện kể

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Tìm đọc truyện kể mà người nói sẽ giới thiệu, đánh giá.		
	Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của truyện kể.		
	Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.		
Lắng nghe và ghi chép	Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khoá, sơ đồ.		
	Ghi chép tóm tắt đánh giá của người nói về nội dung và nghệ thuật của truyện kể.		
	Ghi lại câu hỏi liên quan đến nội dung và nghệ thuật của truyện kể nảy sinh trong quá trình nghe.		
	Dự kiến những điều cần trao đổi về nội dung và nghệ thuật của truyện kể		
Trao đổi, nhận xét, đánh giá	Xác nhận lại quan điểm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân.		
	Khẳng định sự đồng tình với những ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói.		
	Nhận xét về cách trình bày bài nói.		
Thái độ và ngôn ngữ	Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá.		
	Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói.		

ÔN TẬP

1. Bạn đã đọc hiểu các văn bản truyện thần thoại *Thần Trụ Trời, Prô-mê-tê và loài người, Cuộc tu bổ lại các giống vật*. Hãy so sánh các văn bản và rút ra nhận xét chung bằng cách điền vào *Phiếu học tập* được kẻ vào vở theo mẫu sau:

So sánh các văn bản

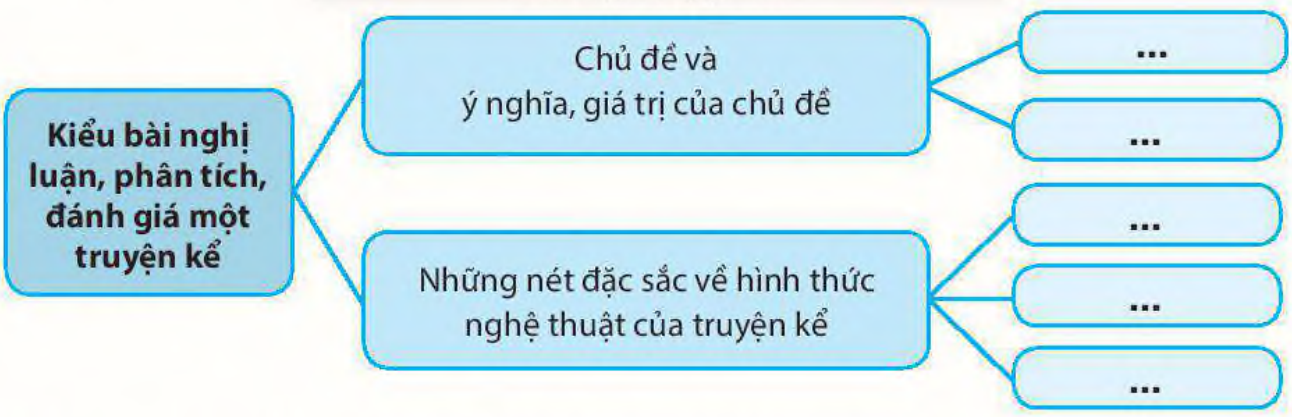
Văn bản / Các đặc điểm chính		*Thần Trụ Trời*	*Prô-mê-tê và loài người*	*Cuộc tu bổ lại các giống vật*
Không gian, thời gian				
Nhân vật				
Cốt truyện				
Nhận xét chung	Không gian, thời gian			
	Nhân vật			
	Cốt truyện			

2. Không gian, thời gian, nhân vật và cốt truyện trong thần thoại có những điểm nào khác so với các thể loại truyện dân gian mà bạn đã học?

3. Hãy kể lại một trong những truyện thần thoại mà bạn đã học và nhận xét về cách xây dựng nhân vật trong truyện đó.

4. Kẻ vào vở sơ đồ theo mẫu sau và điền những đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể.

Đặc điểm của kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể



5. a. Qua bài học này, bạn rút ra kinh nghiệm gì khi giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể?

b. Khi nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, hình thức của bài nói giới thiệu một truyện kể, bạn cần lưu ý những điều gì?

BÀI 2

SỐNG CÙNG KÍ ỨC CỦA CỘNG ĐỒNG

(SỬ THI)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của sử thi như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài,... và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo và giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản sử thi.
- Biết cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm của mình, hệ thống luận điểm, lí lẽ được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ, các bằng chứng có sức thuyết phục.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Trân trọng những đóng góp của cá nhân đối với đất nước, quê hương và có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Sử thi là một thể loại tự sự dân gian ra đời từ thời cổ đại, thường kết hợp lời thơ với văn xuôi, kể lại những sự kiện quan trọng trong đời sống của cộng đồng thông qua việc tôn vinh, ca ngợi chiến công, kì tích của người anh hùng.

Thời gian – không gian sử thi

Thời gian sử thi thuộc về quá khứ "một đi không trở lại" của cộng đồng, thường gắn với xã hội cổ đại hoặc xã hội phong kiến. *Không gian sử thi* thường mở ra theo những cuộc phiêu lưu gắn với các kì tích của người anh hùng.

Nhân vật anh hùng sử thi

Nhân vật người anh hùng sử thi hiện thân cho cộng đồng, thường hội tụ những đặc điểm nổi bật như: *a. Sở hữu sức mạnh, tài năng, lòng dũng cảm phi thường; b. Luôn sẵn sàng đối mặt với thách thức, hiểm nguy; c. Lập nên những kì tích, uy danh lẫy lừng.*

Cốt truyện sử thi được tổ chức theo quan hệ xung đột giữa con người với thần quyền, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác. Các sự kiện xoay quanh cuộc phiêu lưu và những kì tích của nhân vật chính. Yếu tố kì ảo có tác dụng tạo ra tình huống, vừa thử thách vừa tô đậm phẩm chất của người anh hùng.

Chân trời sáng tạo

Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật sử thi

Trong văn bản sử thi, lời của người kể chuyện thường ở ngôi thứ ba, thể hiện thái độ tôn vinh, ngợi ca người anh hùng có công với cộng đồng. Lời của nhân vật người anh hùng thể hiện hành động, tính cách anh hùng, thường là lời đối thoại (với thần linh hoặc với nhân vật khác). Cả lời kể và lời thoại trong sử thi đều giàu chất thơ.

Thái độ, cảm xúc của người kể chuyện

Người kể chuyện sử thi thể hiện sự trang nghiêm, thành kính đối với sự kiện, nhân vật. Sự trang nghiêm, thành kính bộc lộ cụ thể qua cách sử dụng ngôn từ, giọng điệu, hình ảnh trong văn bản sử thi.

Cảm hứng chủ đạo của sử thi

Trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm văn học gọi là cảm hứng chủ đạo. Cảm hứng chủ đạo của sử thi gắn liền với tư tưởng chống thần quyền trong cuộc đấu tranh chinh phục tự nhiên và chống các thế lực đe doạ sự sống của cộng đồng. Lập trường của người kể đứng hẳn về phía nhân vật anh hùng để ngợi ca sức mạnh của cộng đồng mà sử thi tôn vinh.

Bối cảnh lịch sử – văn hoá

Một văn bản luôn gắn liền với một bối cảnh lịch sử – văn hoá nhất định. Sử thi ra đời chủ yếu trong giai đoạn xung đột giữa con người với thần quyền, giữa các cộng đồng với nhau, giữa tinh thần tự do của con người và các trật tự của luân lí xã hội. Những vấn đề về thể chế, tập tục, nghi lễ trong kiến tạo văn hoá của các cộng đồng xưa thể hiện khá sâu sắc trong sử thi.

Cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản

Khi tạo lập văn bản, người viết có thể sử dụng một số cách thức dưới đây để đánh dấu *phần bị tỉnh lược* trong văn bản:

- Dùng kí hiệu dấu chấm lửng đặt trong ngoặc đơn (...) hoặc móc vuông [...].
- Dùng cụm từ chỉ báo về sự tỉnh lược như: lược dẫn, lược một đoạn,...
- Dùng một đoạn ngắn tóm tắt nội dung phần bị tỉnh lược.
- Kết hợp một số cách nêu trên.

Cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú

Chú thích trích dẫn là ghi rõ nguồn / xuất xứ của tài liệu (tên tác giả, tên tài liệu, nhà xuất bản, năm xuất bản, trang được trích dẫn,...) mà người viết sử dụng. Khi trích dẫn nguyên văn, phần trích dẫn cần chính xác từng câu, từng chữ,... và phải được đặt trong dấu ngoặc kép. Khi trích dẫn ý tưởng, chúng ta không sử dụng dấu ngoặc kép; có thể diễn đạt theo cách viết của mình nhưng cần đảm bảo đúng nội dung của bản gốc.

Cước chú là chú thích thường đặt ở cuối trang trong một quyển sách hoặc văn bản. Một cước chú gồm hai phần:

- Phần *con số đánh dấu* đặt trong trang, ngay sau đoạn văn bản cần được chú thích.
- Phần *chú thích* đặt ở chân trang mở đầu bằng con số tương ứng.

ĐỌC

Từ xa xưa, trong đời sống cũng như trong lịch sử, có nhiều sự việc, câu chuyện không chỉ liên quan đến một vài cá nhân mà liên quan đến cả một tộc người, một quốc gia, một dân tộc,... Vận mệnh của cá nhân khi ấy trở thành hiện thân cho vận mệnh của cộng đồng. Đó chính là nguồn cảm hứng dạt dào cho các sáng tác sử thi cổ đại.

Trong bài học này, khi làm quen với những người anh hùng trong sử thi như Đăm Săn (sử thi *Đăm Săn*), Ô-đi-xê (sử thi *Ô-đi-xê*), bạn sẽ hiểu vì sao có sự gắn bó mật thiết giữa đời sống của những anh hùng với cộng đồng mà họ là người đại diện.

VĂN BẢN 1

ĐĂM SĂN CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY

(Trích *Đăm Săn*, sử thi Ê-đê)



Hình: *Rộn tiếng cồng chiêng bên nhà dài truyền thống*

(Nguồn: https://baodaklak.vn/channel/9803/202011/ cong-chieng-am-vang-tro-lai-buon-lang-5708548/)

Đăm Săn *(Bài ca chàng Đăm Săn; Klei khan Đăm Săn)*, dài 2077 câu, gồm 7 chương, là sử thi truyền miệng lâu đời của dân tộc Ê-đê, thể hiện đậm nét truyền thống lịch sử, văn hoá của đồng bào Tây Nguyên.

Theo tục nối dây trong chế độ mẫu hệ, Đăm Săn được hỏi làm chồng hai chị em Hơ Nhị và Hơ Bhị và trở thành một tù trưởng giàu mạnh. Đăm Săn đã làm nên nhiều kì tích anh hùng như: thuần phục voi dữ, xin Trời giống lúa, bày cho dân làng cách làm rẫy, bắt cá tôm,... Lẫy lừng hơn cả là việc chiến thắng hai tù trưởng thù địch Mtao Grự (tù trưởng Kên Kên) và Mtao Mxây (tù trưởng Sắt). Sau mỗi lần chiến thắng, Đăm Săn lại thu nhận được thêm nhiều tôi tớ, dân làng và của cải. Nhờ đó chàng càng thêm giàu mạnh.

Với khát vọng vươn tới cuộc sống phóng khoáng và sự hùng cường, Đăm Săn đi cầu hôn nữ thần Mặt Trời nhưng thất bại và bị chết trong đầm lầy. Hồn chàng biến thành con ruồi, chui vào miệng chị gái mình. Người chị này sinh con trai, cũng đặt tên là Đăm Săn. Đăm Săn cháu lớn lên, lại tiếp tục làm chồng Hơ Nhị, Hơ Bhị và trở thành một tù trưởng giàu mạnh.

Đoạn trích *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* thuộc chương IV của sử thi *Đăm Săn*.

Trước khi đọc

Hãy nhớ lại một vài nhân vật lịch sử hoặc nhân vật văn học thường được mọi người gọi là anh hùng và cho biết: do đâu mà họ được tôn xưng như thế?

Đọc văn bản

(Lược dẫn: Hơ Nhị, vợ Đăm Săn bị Mtao Mxây bắt cóc. Đăm Săn cùng dân làng đi đánh Mtao Mxây để cứu vợ mình và chàng đã giành chiến thắng oanh liệt. Phần văn bản dưới đây kể về sự kiện này).

Nhà Mtao Mxây cột sàn hiên đẽo hình mặt trăng, đầu cầu thang đều đẽo hình chim ngói. Ngôi nhà của lão tù trưởng nhà giàu này quả là đẹp thật. Cầu thang rộng một lá chiếu, người nối đuôi nhau lên xuống mà khiêng một ché đuê[1] vẫn không sợ chật.

ĐĂM SĂN: – Ơ *diêng*[2], ơ *diêng*, xuống đây! Ta thách ngươi đọ đao với ta đấy!

MTAO MXÂY: – Ta không xuống đâu *diêng* ơi! Tay ta đang còn bận ôm vợ (của) hai chúng ta[3] ở trên nhà này cơ mà.

---

[1] *Ché đuê*: tên một loại ché (ché: vò ủ rượu bằng gốm).

[2] *Diêng*: người bạn kết nghĩa; *diêng* có nghĩa vụ bảo vệ, tương trợ nhau (trong trường hợp này, cách xưng hô mang hàm ý giễu cợt).

[3] *Vợ hai chúng ta*: chỉ Hơ Nhị. Cách nói này nhằm chọc tức Đăm Săn.

ĐĂM SĂN: – Xuống, *diêng*! Xuống, *diêng*! Ngươi không xuống ư? Ta sẽ lấy cái sàn hiên của nhà ngươi ta bổ đôi, ta sẽ lấy cái cầu thang của nhà ngươi chẻ ra kéo lửa, ta hun cái nhà của ngươi cho mà xem!

MTAO MXÂY: – Khoan, *diêng*, khoan! Để ta xuống. Ngươi không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó, nghe!

ĐĂM SĂN: – Sao ta lại đâm ngươi khi đang đi xuống nhỉ? Ngươi xem, đến cả con lợn nái của nhà ngươi dưới đất, ta cũng không thèm đâm nữa là!

MTAO MXÂY: – Ta sợ ngươi đâm ta khi ta đang đi lắm.

ĐĂM SĂN: – Sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi nhỉ? Ngươi xem, đến con trâu của nhà ngươi trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Thế là Mtao Mxây phải đi ra. Bà con xem, khiên[1] hắn tròn như đầu cú. Gươm hắn óng ánh như cái cầu vồng. Trông hắn dữ tợn như một vị thần. Hắn đóng một cái khố sọc gấp bỏ múi, mặc một cái áo dày nút, đi từ nhà trong ra nhà ngoài, dáng tần ngần do dự, mỗi bước mỗi đắn đo, giữa một đám đông mịt mù như trong sương sớm.

ĐĂM SĂN: – Ngươi múa trước đi, ơ *diêng*!

MTAO MXÂY: – Ngươi mới là người múa trước, ơ *diêng*! Ta như gà làng mới mọc cựa[2] *kliê*, như là gà mới mọc cựa *êchăm*, chưa ai giẫm phải mà đã gãy mất cánh.

ĐĂM SĂN: – Ngươi cứ múa đi, ơ *diêng*!

Mtao Mxây rung khiên múa vậy. Khiên hắn kêu lạch xạch như quả mướp khô. Hắn múa một mình, Đăm Săn không nhúc nhích.

ĐĂM SĂN: – Ngươi múa một mình, múa kêu lạch xạch như quả mướp khô. Miếng múa ấy ngươi học ai vậy? Ngươi múa chơi đấy phải không, *diêng*?

MTAO MXÂY: – Ta học ai à? Có cậu, ta học cậu. Có bác, ta học bác. Có thần Rồng, ta học thần Rồng[3].

ĐĂM SĂN: – Thế ư? Ta thì đâu có cậu mà học cậu, đâu có bác mà học bác! Chỉ có hai ta đây, ngươi múa đi ta xem nào!

MTAO MXÂY: – Thế ngươi không biết ta đây là một người đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, xéo nát đất đai thiên hạ hay sao?

ĐĂM SĂN: – Vậy thì ngươi hãy xem ta đây! 1

Liên hệ

1 Lời văn ở đoạn này gần với truyện hay với kịch?

---

[1] *Khiên (còn gọi là mộc hay lá chắn)*: vũ khí che mình bằng gỗ, kim khí,... của người chiến binh khi ra trận.

[2] *Cựa*: mấu sừng mọc ở phía sau chân gà, vũ khí lợi hại của gà trống khi chọi nhau.

[3] *Thần Rồng (tiếng Ê-đê: ana krai)*: theo người Ê-đê, thần Rồng là biểu tượng của sức mạnh phi thường và vẻ đẹp về hình thể nhưng mang tính gian hùng.

Đăm Săn rung khiên múa. Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới nữa, chàng vượt một đồi lồ ô[1]. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước cao bước thấp chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hắn vung đao chém phập một cái, nhưng chỉ vừa trúng một cái chão cột trâu.

ĐĂM SĂN: – Sao ngươi lại chém cái chão cột trâu? Còn khoeo chân ta, ngươi dành làm gì?

Đến lúc này Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hắn một miếng trầu[2], nhưng Đăm Săn đã đớp được miếng trầu. Chàng nhai trầu, sức chàng tăng lên gấp bội.

ĐĂM SĂN: – Bớ *diêng*, bây giờ ngươi lại chạy, ta đuổi coi!

Thế là Đăm Săn lại múa. Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lăn lóc. Cây cối chết rụi. Khi chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên[3] đồng. Khi chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên *kênh*[4]. Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. 2

Suy luận

2 Lưu ý những hình ảnh được sử dụng để miêu tả Đăm Săn. Những hình ảnh đó có điểm gì độc đáo?

Cây giáo thần, cây giáo dính đầy những oan hồn của chàng nhằm đùi Mtao Mxây phóng tới, nhưng không thủng. Chàng đâm vào người Mtao Mxây, cũng không thủng.

Đến lúc này, Đăm Săn đã thấm mệt. Chàng vừa chạy vừa ngủ, mộng thấy ông Trời.

ĐĂM SĂN: – Ôi chao! Chết mất thôi, ông ơi! Cháu đâm mãi mà không thủng hắn!

ÔNG TRỜI: – Thế ư, cháu? Vậy thì cháu lấy một cái chày mòn[5] cháu ném vào vành tai hắn là được.

Đăm Săn bừng tỉnh, chộp ngay một cái chày mòn, ném trúng vành tai kẻ địch. Cái giáp của Mtao Mxây tức thì rơi loảng xoảng. Mtao Mxây tháo chạy. Hắn tránh quanh chuồng lợn, Đăm Săn phá tan chuồng lợn. Hắn tránh quanh chuồng trâu, Đăm Săn phá tan chuồng trâu. Cuối cùng hắn ngã lăn quay ra đất.

[...]

(*Lược một đoạn: Đăm Săn giết Mtao Mxây. Sau trận đánh, tôi tớ và dân làng của Mtao Mxây mang của cải, tài sản về theo Đăm Săn rất đông*).

Đoàn người đông như bầy cà tong[6], đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Bà con xem 3, thế là Đăm Săn nay càng thêm giàu có, chiêng lắm, la[7] nhiều. Tôi tớ mang của cải về nhiều như ong đi chuyển nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, như bầy trai gái đi giếng làng cõng nước.

Theo dõi

3 Chú ý sự xuất hiện của cụm từ "bà con xem..." và ý nghĩa, tác dụng của nó trong lời kể.

---

[1] *Lồ ô*: một loại tre rừng, thân thẳng, đốt dài, có thành mỏng.

[2] *Miếng trầu*: ở đây hiểu là miếng trầu có sức mạnh siêu nhiên.

[3] *Đĩa khiên*: miếng kim loại tròn, đường kính hơn gang tay, giữa khiên có hai miếng cột lông ở giữa mặt ngoài của khiên, dùng để tăng sức chắn.

[4] *Khiên kênh*: tên một loại khiên.

[5] *Chày mòn*: chày của người Ê-đê bằng gỗ, giã vào cối cũng bằng gỗ, khi mòn, đầu chày thường nhọn.

[6] *Cà tong*: một giống hươu sao, chân cao, chạy rất nhanh.

[7] *La*: thanh la, nhạc khí bằng đồng, hình đĩa tròn, thuộc bộ gõ.

Họ đến bãi ngoài làng, rồi vào làng.

ĐĂM SĂN: – Ơ các con, ơ các con, hãy đi lấy rượu bắt trâu! Rượu năm ché, trâu dâng một con để cúng thần, cáo tổ tiên, cầu sức khoẻ cho ta mới đi đánh kẻ thù, bắt tù binh, giẫm nát đất đai một tù trưởng nhà giàu về. Rượu bảy ché, trâu bảy con để cúng thần, cầu cho ta được bình yên vô sự, nạn khỏi tai qua, lớn lên như sông nước, cao lên như cây rừng, không còn ai bì kịp. Hỡi anh em trong nhà, hỡi bà con trong làng, xin mời tất cả đến với ta! Chúng ta sẽ mở tiệc ăn mừng năm mới, chúng ta sẽ ăn lợn ăn trâu, đánh lên các chiêng cái, trống to, đánh lên các cồng *hlong*[1], hoà nhịp cùng chũm choẹ, sao cho kêu lên rộn rã, để voi đực voi cái ra vào sàn hiên không ngớt, dây cồng dây chiêng không lúc nào vắng bớt trên giá treo chiêng, các chuỗi thịt trâu, thịt bò treo đen cả nhà, chậu thau âu[2] đồng nhiều không còn chỗ để.

TÔI TỚ: – Đánh chiêng nào, thưa ông?

ĐĂM SĂN: – Hãy đánh lên các chiêng có tiếng âm vang, những chiêng có tiếng đồng tiếng bạc! Từ gùi quý hãy lấy ra các vòng nhạc rung lên! Hãy đánh lên tất cả cho ở dưới võ toác các cây đòn ngạch, cho ở trên gãy nát các cây xà ngang, cho tiếng chiêng vang vọng khắp đó đây, khiến voi, tê giác trong rừng quên không cho con bú, ếch nhái dưới gầm sàn, kì nhông ngoài giữa bãi phải ngừng kêu, tất cả đều ngày đêm lặng thinh để nghe tiếng chiêng ăn đông uống vui như mừng mùa khô năm mới của ta vậy.

Thế là, bà con xem, nhà Đăm Săn đông nghịt khách, tôi tớ chật ních cả nhà ngoài. Các khách tù trưởng đều từ phương xa đến. Còn Đăm Săn, bà con xem, chàng nằm trên võng, tóc thả trên sàn, hứng tóc chàng ở dưới đất là một cái nong hoa. Chàng mở tiệc ăn uống linh đình, thịt lợn thịt trâu ăn không ngớt, thịt lợn ăn đến cháy đen hết ống le[3], thịt dê ăn đến cháy đen hết ống lồ ô[4], tiết[5] bò tiết trâu đọng đen khắp sàn hiên, dây cồng dây chiêng giăng như mạng nhện, chỉ vàng chỉ đỏ như hoa dam piết[6]. Cảnh đó thời ông bác, ông cậu xưa kia làm gì có!

Bà con xem, Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán. Cả một vùng nhão ra như nước. Lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm trên cao sưởi nắng. Ếch nhái dưới gầm nhà, kì nhông ngoài giữa bãi thì kêu lên inh ói suốt ngày đêm. Các chàng trai đi lại ngực đụng ngực. Các cô gái đi lại vú đụng vú. Cảnh làng một tù trưởng nhà giàu sao mà vui thế! Rõ ràng là tù trưởng Đăm Săn đang giàu lên, chiêng lắm la nhiều. Rõ ràng là Đăm Săn có chiêng đống voi bầy, có bè bạn như nêm, như xếp. Làm sao mà có được một tù trưởng, đầu đội khăn nhiễu vai mang nải hoa, đánh đâu đập tan đó, vây đâu phá nát đó như chàng? 4

Suy luận

4 Cảnh tiệc tùng trong đoạn này được miêu tả qua lời của ai? Điều đó giúp ích gì trong việc thể hiện hình tượng nhân vật Đăm Săn?

---

[1] *Cồng hlong*: một loại cồng trong dàn cồng của đồng bào Tây Nguyên, âm thanh có âm vực cao.

[2] *Âu*: đồ đựng thường làm bằng kim loại, giống cái chậu nhỏ.

[3] *Le*: một loại cây rừng, hình dạng giống cây trúc, thân nhỏ và cứng.

[4] Cả câu, theo nghĩa khoa trương, nói "ăn đến cháy đen hết ống le", "... đến cháy đen hết ống lồ ô" là ý nói: thịt lợn, thịt dê ăn nhiều đến mức không còn ống le, ống lồ ô để nấu.

[5] *Tiết*: máu (bản dịch của Nguyễn Hữu Thấu dùng từ "máu").

[6] *Hoa dam piết*: một loài hoa đỏ thường mọc ngoài bìa rừng.

Vì vậy, danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nghe danh tiếng Đăm Săn. Từ khắp mọi miền, người ta khiêng rượu, khiêng lợn đến. Cả miền Ê-đê Ê-ga[1] ai ai cũng ca ngợi Đăm Săn là một trang dũng tướng chắc chết mười mươi vẫn không lùi bước. Ngực quấn chéo một tấm mền chiến, mình khoác một tấm áo chiến, tai đeo nụ, sát bên mình nghênh ngang đủ giáo gươm, đôi mắt linh lợi như mắt chim *ghếch*[2] ăn hoa tre, chàng Đăm Săn hiện ra là một trang tù trưởng mới giàu lên, đang tràn đầy sức trai, tiếng tăm lừng lẫy. Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang, bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực, hơi thở chàng ầm ầm tựa sấm dậy, chàng nằm sấp thì gãy rầm sàn, chàng nằm ngửa thì gãy xà dọc: Đăm Săn vốn đã ngang tàng từ trong bụng mẹ. 5

Suy luận

5 Việc miêu tả ngoại hình nhân vật Đăm Săn có gì khác thường và có tác dụng như thế nào?

Tiệc tùng linh đình, ăn uống đông vui kéo dài suốt cả mùa khô. Đến đây, rượu đã nhạt, ché đã phai, ai đâu về đấy, khách lần lượt ra về.

(Trích *Đăm Săn*, in trong *Sử thi Ê-đê*, Nhiều tác giả, Nguyễn Hữu Thấu dịch và chú thích, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 190 – 196)

Sau khi đọc

1. Tóm tắt các sự kiện chính trong văn bản trên.
2. Đăm Săn đã gặp khó khăn gì vào thời điểm cuối cuộc giao chiến với Mtao Mxây? Nhờ đâu mà chàng vượt qua được khó khăn ấy để giành chiến thắng?
3. Đăm Săn và Mtao Mxây đều là những tù trưởng tài giỏi, nhưng văn bản trên đã cho thấy, người xứng đáng được xem là anh hùng của cộng đồng chỉ có thể là Đăm Săn. Hãy so sánh hai nhân vật để làm rõ điều đó.
4. Trong sử thi, lời nói của nhân vật thường góp phần quan trọng trong việc thể hiện tính cách, vị thế xã hội của mình. Hãy chọn và phân tích một số lời thoại của Đăm Săn trong văn bản trên để làm rõ điều đó.
5. Cho biết:
   a. Tác dụng của lối nói quá và cách ví von trong văn bản; nhận xét về ngôn ngữ sử thi.
   b. Cụm từ *"bà con xem..."* trong văn bản trên là lời của ai hướng đến ai? Theo bạn, việc sử dụng những cụm từ như thế trong văn bản sử thi có tác dụng gì?
6. Cảnh tiệc tùng và hình ảnh Đăm Săn ở nửa sau của văn bản gợi cho bạn suy nghĩ gì về phong tục và không khí hội hè của người Ê-đê?
7. Có người cho rằng văn bản *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* có đủ yếu tố của truyện, kịch và thơ. Cho biết ý kiến của bạn về nhận định trên.

---

[1] *Ê-đê Ê-ga*: tộc danh ghép chỉ người Ê-đê; người Ê-đê còn dùng từ này để gọi chung các dân tộc ở Trường Sơn – Tây Nguyên.

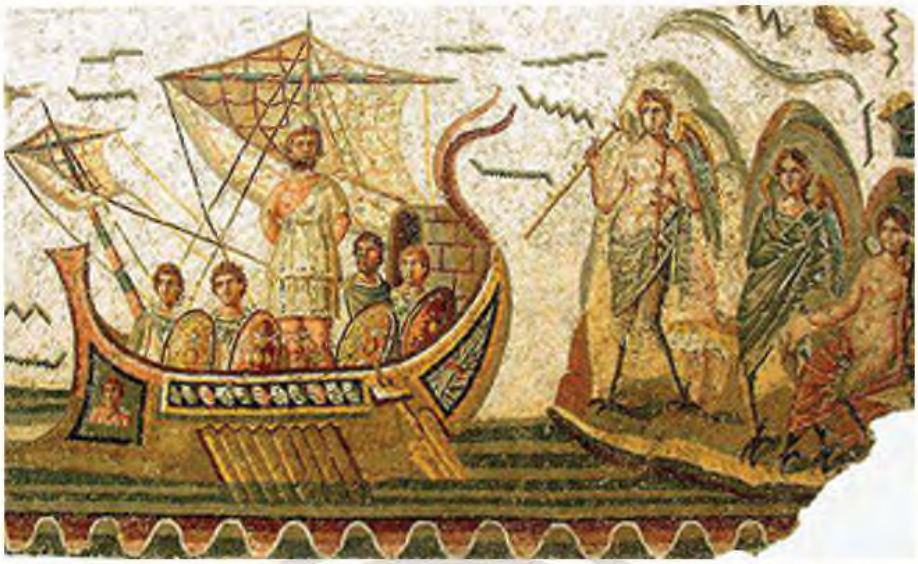
[2] *Chim ghếch*: một loài chim rừng.

VĂN BẢN 2

GẶP KA-RÍP VÀ XI-LA

(Trích *Ô-đi-xê*, sử thi Hy Lạp)

Hô-me-rơ[1]



Hình: *Ô-đi-xê (Odysseus) và các Xi-ren (Seiren) (tranh khảm ngọc Ô-đi-xê tại Bảo tàng quốc gia Bác-đô (Bardo) ở Tuy-nít (Tunis), Tuy-ni-di-a (Tunisia), thế kỉ thứ II sau Công nguyên)*

(Nguồn: https://www.wikiwand.com/vi/Odysseus)

Ô-đi-xê *(Odyssêy)* là một tác phẩm sử thi lớn của Hy Lạp cổ đại, gồm 12 110 câu thơ, chia thành 24 khúc ca. Qua việc kể lại cuộc hành trình trở về quê hương của Ô-đi-xê (Odysseus) sau chiến thắng tại thành Tơ-roa (Troy), tác phẩm ca ngợi trí tuệ, dũng khí, nghị lực của con người với khát vọng chinh phục thế giới và niềm mơ ước về một cuộc sống hoà bình, yên vui, hạnh phúc; ca ngợi tình yêu quê hương, tình vợ chồng, cha con, tình bạn cao cả, thuỷ chung.

Nội dung tác phẩm có thể tóm tắt như sau:

Chiến tranh thành Tơ-roa kết thúc với mưu "con ngựa gỗ" của Ô-đi-xê. Chàng trở về quê hương theo đường biển. Thuỷ thủ đoàn lênh đênh trên biển cả mênh mông, qua nhiều quốc đảo xa lạ, chịu đựng và vượt qua muôn vàn tai hoạ, thử thách do thiên nhiên và thần linh mang lại. Cuối cùng, chỉ một mình Ô-đi-xê sống sót. Chàng trôi dạt đến một quốc đảo xa xôi – xứ Phê-a-xi (Phaiakian). Nhờ sự giúp đỡ của công chúa Nô-đi-ca (Nausikaa) cùng phụ vương của nàng – đức vua An-ki-nô-ốt (Alcinous), Ô-đi-xê về được quê hương.

Ô-đi-xê cùng với con trai là Tê-lê-mác (Telemakhos) dùng mưu đánh bại 108 vị cầu hôn – những kẻ hằng ngày đến vây hãm, ép buộc vợ của Ô-đi-xê tái giá với một người trong số họ, vì cho rằng Ô-đi-xê đã chết. Bọn cầu hôn bị triệt hạ. Sau 20 năm xa cách, Ô-đi-xê đoàn tụ cùng vợ và gia đình. Chàng tiếp tục trị vì vương quốc của mình.

Đoạn trích *Gặp Ka-rip*[2] *và Xi-la*[3] thuộc khúc ca XII của sử thi *Ô-đi-xê*, nói về những thử thách đối với Ô-đi-xê và các bạn đồng hành khi gặp các quái vật biển.

---

[1] *Hô-me-rơ*: Homer.

[2] *Ka-rip (Charybclis):* quái vật biển hung dữ có nhiều đầu, chặt đầu này sẽ mọc ngay đầu khác.

[3] *Xi-la (Scylla):* quái vật biển hung ác có nhiều đầu, nhiều tay chuyên rình bắt ăn thịt các tay chèo.

Trước khi đọc

Theo bạn, người giữ vai trò đứng đầu, lãnh đạo một tập thể cần phải có những điểm ưu trội nào về phẩm chất và năng lực?

Đọc văn bản

(Lược một đoạn: Về đến đảo Ai-ai-ê (Aiaie), chôn cất En-pê-no (Elpenor) và lại lên đường vượt biển cả tìm về quê nhà, Ô-đi-xê[1] được Xi-ếc-xê[2] (Circe) báo trước chàng còn phải gặp những nỗi gian nan khác nữa đồng thời căn dặn chàng cách vượt thoát những hiểm nguy).

Nàng[3] nói vậy, và liền khi đó Rạng đông ngự ngai vàng xuất hiện. Vị thần lừng danh đi vào đảo, còn tôi thì trở lại thuyền, cổ vũ các bạn đồng hành cởi buộc lái ra đi. Họ vội vã lên thuyền, ngồi xuống trước những cọc chèo, ngang hàng thẳng lối, rồi đập mái chèo xuống mặt biển làm bọt nước sôi lên. Từ sau chiếc thuyền mũi đen của chúng tôi 1, một ngọn gió thổi tới, làm căng những cánh buồm, và đây là một người bạn đường tốt, do Xi-ếc-xê tóc quăn xinh đẹp, vị nữ thần khủng khiếp nói tiếng người, đưa lại. Thế là chúng tôi sắp đặt các dụng cụ trên thuyền, rồi ngồi xuống vì đã có gió thuận, và người hoa tiêu đưa thẳng chúng tôi tới đích. Lòng bồn chồn lo lắng, tôi nói với các bạn đồng hành:

Theo dõi

1 "Tôi" ở đây là ai? Chi tiết nào giúp bạn nhận ra điều đó?

– Các bạn ơi! Xi-ếc-xê lừng danh đã tiên đoán cho ta một điều, và điều này không nên chỉ để cho một người biết. Vậy ta xin nói lại với các bạn, để chúng ta đều rõ điều gì có thể dẫn chúng ta đến một nạn diệt vong, điều gì có thể khiến ta thoát được các yêu nữ[4] hung ác. Xi-ếc-xê bảo ta trước hết phải coi chừng các nàng Xi-ren[5] quyến rũ, coi chừng giọng hát và cánh đồng cỏ đầy hoa của họ. Nàng khuyên chỉ nên để một mình ta nghe hát mà thôi. Nhưng các bạn phải lấy dây trói chặt ta vào cột buồm, để buộc ta phải đứng yên một nơi. Nếu ta van xin hoặc ra lệnh cho các bạn cởi trói cho ta, thì các bạn cứ việc trói chặt thêm nữa vào.

Tôi giải thích mọi việc tỉ mỉ như vậy cho các bạn tôi hiểu rõ ngọn ngành; trong lúc đó, nhờ gặp gió thuận chiếc thuyền vững chắc của chúng tôi đi rất nhanh và đã đến gần đảo của các nàng Xi-ren, mặc dù chúng tôi chẳng phải bỏ ra một chút công phu nào hết. Vừa lúc đó, gió bỗng tắt hẳn, cảnh vật yên lặng, không một hơi gió thoảng qua; một vị thần đã khiến sóng êm phăng phắc. Các bạn tôi đứng lên

---

[1] *Ô-đi-xê*: bố của Tê-lê-mác, chồng của Pê-nê-lốp (Penelope), vua đảo I-ta-ke (Ithake).

[2] *Xi-ếc-xê*: nữ chúa xinh đẹp, tóc quăn, cai quản một quốc đảo nơi thuỷ thủ đoàn lạc vào, vì mê đắm Ô-đi-xê nên tìm cách giam giữ, chung sống với chàng, nhưng cũng chỉ dẫn và giúp đỡ chàng trong hành trình trở về quê hương.

[3] *Nàng*: tức Xi-ếc-xê.

[4] *Yêu nữ*: các yêu tinh quỷ quyệt, hung ác thường đội lốt người con gái đẹp (Bản dịch của Phan Thị Miến dùng cụm từ "nàng Ke-rơ hung ác" chỉ giống yêu nữ trên biển nói chung, chúng xinh đẹp mà hung ác, thường tìm cách mê hoặc người đi biển, rồi giết hại họ).

[5] *Xi-ren*: các yêu nữ xinh đẹp, mặt người, mình chim, có giọng hát mê hoặc.

cuốn buồm lại, bỏ vào khoang thuyền, rồi ngồi xuống, đập mái chèo bằng gỗ thông láng bóng xuống biển, làm bọt nước trào lên trắng xoá. Còn tôi, với thanh kiếm đồng mài sắc, tôi cắt lấy một bánh sáp to rồi nhào nhuyễn trong đôi tay vạm vỡ. Chẳng bao lâu sáp mềm ra dưới sức mạnh và ánh nắng rực rỡ của Hê-li-ôx (Helios), con trai quyền thế của Hi-pê-ri-ông[1] (Hyperion). Tôi lần lượt nút chặt tai cho các bạn đồng hành, còn họ thì buộc tay chân tôi lại. Tôi đứng dưới cột buồm, và họ lấy dây thừng trói tôi vào đấy. Thế rồi họ ngồi xuống, đập mái chèo xuống mặt biển ngầu bọt xám. Khi chúng tôi chỉ còn cách đảo nọ khoảng chừng một tiếng hú, các bạn tôi hối hả chèo nhanh hơn nữa, nhưng vì thuyền chúng tôi nhấp nhô trên sóng đi gần đảo quá nên không lọt khỏi mắt các nàng Xi-ren. Họ bèn cất tiếng du dương lên hát:

– Hỡi Ô-đi-xê nức tiếng gần xa, quang vinh vô tận của người A-cai[2] (Achae), mời chàng hãy lại đây, dừng thuyền nghe chúng em hát đã. Xưa nay chưa từng có người nào đi thuyền đen qua đây mà không dừng lại nghe tiếng hát dịu dàng êm ái của chúng em; khi ra đi ai cũng say mê và cảm thấy mình thông thái hơn. Vì chúng em biết, do ý muốn của thần linh, quân Tơ-roa và quân Ác-gốt[3] (Argos) đã phải đau khổ như thế nào trên đất Tơ-roa bao la, và chúng em cũng biết mọi sự xảy ra trên mặt đất nuôi sống muôn loài.

Họ cất tiếng du dương hát lên như vậy. Và tôi, lòng nao nức muốn nghe họ quá, tôi nhích lông mày ra hiệu để các bạn đồng hành cởi trói cho tôi, nhưng họ càng ra sức cúi rạp xuống mái chèo, trong khi Pê-ri-mét (Perimedes) và Ơ-ri-lô-cốt[4] (Eurylochus) vội vàng đứng lên, lấy thêm dây trói tôi càng chặt hơn nữa. Khi đã đi khỏi các nàng Xi-ren, không nghe thấy tiếng nói và giọng hát của họ nữa, các bạn trung thành của tôi mới rút sáp ở tai ra và cởi trói cho tôi.

Vừa đi khỏi đảo, tôi bỗng thấy bụi nước bắn lên như một màn sương từ những ngọn sóng lớn và nghe tiếng sóng đập ầm ầm. 2

Dự đoán

2 Chi tiết "bụi nước bắn lên" và "tiếng sóng đập ầm ầm" cho thấy điều gì sắp xảy ra?

---

[1] *Hi-pê-ri-ông*: một trong 12 vị thần Ti-tan (Titan) của thần thoại Hy Lạp. Hi-pê-ri-ông là con của thần U-ra-nôx (Uranus) (Bầu trời) và nữ thần Gai-a (Gaia) (Đất Mẹ). Vị thần Ti-tan này kết hôn với nữ thần Thê-i-a (Theia) và sinh ra một nam thần và hai nữ thần. Nam thần là Hê-li-ôx (thần của Mặt Trời); các nữ thần là Sê-lê-nê (Selene) (thần đại diện cho Mặt Trăng) và Ê-rốt (Eros) (thần của Rạng đông). Thê-i-a là nữ thần của "sắc xanh lóng lánh bầu trời". Hi-pê-ri-ông mang nghĩa là "người quan sát từ phía trên" hay "người đi lên phía trên".

[2] *Người A-cai*: người Hy Lạp, một trong những cái tên chung của người Hy Lạp trong sử thi *I-li-át* và *Ô-đi-xê* của Hô-me-rơ.

[3] *Quân Tơ-roa và quân Ác-gốt*: tức đội quân của thành Tơ-roa và đội quân của Hy Lạp (Ác-gốt: tên một đô thị cổ Hy Lạp, ở đây chỉ người Hy Lạp) trong chiến tranh thành Tơ-roa. Cuộc chiến này nổ ra vì Pa-rít (Paris) – con Pri-am (Priam), vua thành Tơ-roa đã quyến rũ nàng Hê-len (Helen) – vợ Mê-nê-lốt (Menelaus), vua một tiểu bang Hy Lạp. Mê-nê-lốt nhờ anh trai là A-ga-mem-nông (Agamemnon) và kêu gọi các vị vua khác ở khắp Hy Lạp thực hiện lời cam kết lúc trước, đòi lại nàng Hê-len để khôi phục danh dự nên đem quân trừng phạt Tơ-roa. Thần linh cũng chia thành hai phe tham dự và sai khiến hai bên tham chiến. Chiến tranh kéo dài 10 năm. Cả hai bên đều tổn thất nặng nề, hi sinh nhiều binh sĩ và các dũng tướng lừng lẫy. Cuối cùng nhờ vào mưu của Ô-đi-xê: Người Hy Lạp giả vờ rút quân, để lại con ngựa gỗ lớn tế thần. Người Tơ-roa lấy ngựa và đưa vào thành. Trong đêm đó, quân Hy Lạp từ bụng ngựa chui ra trong thành Tơ-roa. Từ ngoài đánh vào, từ trong đánh ra, chẳng mấy chốc thành Tơ-roa đã bị triệt hạ. Người Hy Lạp chiến thắng, kết thúc trận chiến thành Tơ-roa. Các nàng Xi-ren nhắc đến sự kiện này khi dùng lời ca quyến rũ Ô-đi-xê và thuỷ thủ đoàn.

[4] *Pê-ri-mét và Ơ-ri-lô-cốt*: hai trong số những thuỷ thủ, bạn đồng hành của Ô-đi-xê.

Các bạn tôi sợ quá, đánh tuột cả mái chèo, khiến chúng rơi tõm xuống biển và trôi là là mặt nước. Thuyền đứng ngay lại, vì họ không điều khiển những mái chèo thon dài nữa. Tôi bèn đi từ đầu đến cuối thuyền, dừng lại bên mỗi người, lựa lời dịu ngọt khuyến khích họ:

– Các bạn ơi! Chúng ta chẳng phải là những người chưa qua thử thách. Tai hoạ đang chờ chúng ta chưa hẳn đã ghê gớm hơn hồi tên Xi-clốp[1] (Cyclop) đem cả sức mạnh hung tàn của hắn, nhốt chúng ta trong hang. Nhưng nhờ có lòng dũng cảm, với lời khuyên và mưu trí của ta, nên chúng ta cũng đã thoát nạn, chắc các bạn vẫn còn nhớ rõ. Và bây giờ các bạn hãy can đảm lên, tất cả hãy nghe ta. Các bạn ngồi bên cọc chèo, hãy đập sâu mái chèo xuống nước, thử xem may ra Dớt[2] (Zeus) có cho ta qua được bước nguy nan này và thoát chết chăng. Còn bạn hoa tiêu, hãy nghe lệnh ta và nhớ cho kĩ, vì bạn cầm lái chiếc thuyền trũng này. Bạn phải lái tránh màn sương và những ngọn sóng kia, cẩn thận cho thuyền ven theo dãy đá ngầm nọ, kẻo nó đi chệch hướng trong lúc bạn sơ tâm[3] không biết, rồi trôi ào tới đằng kia mà đẩy chúng ta vào chỗ chết đó. 3

Suy luận

3 Cách nói "lựa lời dịu ngọt" của Ô-đi-xê trong tình huống này, theo bạn có thực sự cần thiết không và nó có tác dụng gì?

Tôi nói vậy, và họ vội vã tuân theo. Tôi không đả động gì tới Xi-la, tai hoạ không sao tránh khỏi, vì e họ sợ quá, không chèo thuyền nữa mà trốn cả xuống khoang chăng. Thế là tôi quên khuấy mất lời dặn dò ác nghiệt của Xi-ếc-xê. Nàng cấm tôi không được cầm khí giới, nhưng tôi đã mặc bộ áo giáp quang vinh của tôi và nắm trong tay hai ngọn lao dài, ra đứng ở mũi thuyền, tưởng rằng đứng đấy tôi có thể nhận được ngay Xi-la khi nó ở núi đá hiện lên, xông vào các bạn tôi để hãm hại. Nhưng tôi mỏi mắt nhìn khắp dãy núi đá mờ mịt hơi sương mà vẫn không thấy nó đâu.

Chúng tôi vừa than vãn vừa chèo thuyền tiến thẳng vào eo biển hiểm nghèo, một bên là Xi-la, một bên là Ka-ríp ùng ục ngốn nước biển. Mỗi lần nó nhả nước ra, cả biển khơi đều chuyển động, sôi lên như nước trong chảo đặt trên một bếp lửa hồng, bọt nước phun lên cao và rơi xuống cả hai dãy núi. Rồi khi nó lại nuốt nước vào thì làm biển sùng sục cuộn lên; vách đá xung quanh kêu réo ghê sợ, và đáy biển lộ ra với mặt cát đen thẫm. Các bạn đồng hành của tôi hoảng hốt, sợ tái xanh cả mặt.

Trong lúc sợ chết, chúng tôi chỉ chú ý đến Ka-ríp, nhưng lúc đó, Xi-la bỗng bắt mất trong thuyền sáu tay chèo khoẻ nhất của tôi. Khi tôi quay nhìn lại chiếc thuyền nhanh nhẹn và các bạn đồng hành, thì chỉ còn thấy chân tay họ giãy giụa trên không.

---

[1] *Xi-clốp*: giống người khổng lồ có một mắt giữa trán. Trong đó, Xi-clốp đầu đàn to lớn hung dữ nhất, chuyên ăn thịt người là Pô-li-phem (Polyphemus). Người khổng lồ này đã bắt giam Ô-đi-xê và thuỷ thủ đoàn trong hang của hắn chờ ăn thịt. Ô-đi-xê phải dùng mẹo đâm mù con mắt độc nhất của hắn, giúp mọi người trốn thoát.

[2] *Dớt*: vua của các vị thần, thần của sấm và chớp, cai quản đỉnh Ô-lem-pơ (Olympia).

[3] *Sơ tâm*: sơ ý, thiếu tập trung.

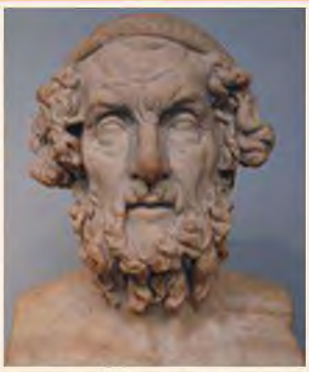
Họ hoảng sợ kêu thét lên, gọi tên tôi lần chót. Cũng như người đi câu ngồi trên mỏm đá cao, từ đầu cần câu dài tung xuống biển cái sừng bò hoang đựng mồi cho cá nhỏ rồi quăng lên bờ những con cá câu được, còn giãy đành đạch; các bạn đồng hành của tôi bị lôi vào đá cũng giãy lên như vậy, và Xi-la ăn thịt họ ở cửa hang, trong khi họ đang kêu gào, hoảng hốt giơ tay về phía tôi cầu cứu. Đó chính là cảnh thương tâm nhất mà mắt tôi thấy được trong thời gian lênh đênh trên mặt biển tìm đường[1].

(Theo *Ô-đi-xê* – Hô-me-rơ, Phan Thị Miến dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1983, tr. 85 – 89)

Sau khi đọc

1. Tóm tắt các sự kiện chính được kể trong văn bản trên và cho biết: theo lời tiên đoán của Xi-ếc-xê, Ô-đi-xê đã căn dặn thuỷ thủ phải làm những gì để tránh sự quyến rũ nguy hiểm của các nàng Xi-ren?
2. Dù đã có những dự liệu khôn ngoan, đề phòng khả năng xấu nhất, Ô-đi-xê và bạn đồng hành vẫn phải đối mặt với nhiều thử thách bất ngờ. Các chi tiết nào cho thấy điều đó?
3. Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong văn bản trên có ưu thế gì so với ngôi thứ ba?
4. Hình tượng những quái vật biển như Ka-rip, Xi-la được xây dựng từ hiện tượng tự nhiên nào? Các hiện tượng ấy giúp bạn hình dung như thế nào về không gian, thời gian sử thi?
5. Phân tích một số chi tiết thể hiện bản lĩnh của Ô-đi-xê trong vai trò một người lãnh đạo trước những khó khăn, thử thách mà chàng và các bạn đồng hành phải đối mặt.
6. Nêu cảm hứng chủ đạo của đoạn trích.

Chân trời sáng tạo



Hô-me-rơ

Hô-me-rơ (khoảng thế kỉ VIII – VII trước Công nguyên) là nhà thơ Hy Lạp, tác giả của hai tác phẩm sử thi: *I-li-át* (Iliad) và *Ô-đi-xê*. Ra đời từ thời cổ đại, hai tác phẩm này mang đầy đủ các đặc điểm thể loại của sử thi cổ điển.

[1] *Phần tiếp theo*: đến đảo của thần Hê-li-ôx, các bạn chàng vì quá đói, giết đàn bò của thần ăn thịt. Thần Dớt trừng phạt, làm đắm thuyền khiến thuyền viên chết hết. Ô-đi-xê một mình lênh đênh trên biển 9 ngày, trôi dạt đến đảo Ô-gi-ghi (Ogygia) của Ca-líp-xô (Calypso). Sử thi khép lại phần tự thuật của nhân vật "tôi".

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

NGÔI NHÀ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ

Đọc văn bản

(VOV5) – Nhà dài là ngôi nhà lớn của một đại gia đình và là nét đặc trưng của chế độ mẫu hệ của người Ê-đê. Đây là nơi ở chung của nhiều thế hệ, có khi là của cả một dòng họ. Nhà dài thường xuyên được nối dài thêm mỗi khi có một thành viên nữ trong gia đình xây dựng gia thất. Sử thi Đăm Săn đã mô tả chiều dài của ngôi nhà này bằng hình ảnh: "Nhà dài như một tiếng chiêng…".

Nhà dài của người Ê-đê là nhà sàn, làm bằng tre nứa, gỗ, mặt sàn và vách tường bao quanh nhà làm bằng thân cây bương hay thân tre già đập dập, mái lợp có tranh. Tranh lợp từng cụm, ngọn thả xuôi mái, gốc bẻ gập xuống vào bên trong. Người Ê-đê thường làm nhà theo hướng bắc – nam. Nhìn từ xa ngôi nhà có hình dáng một cái thuyền. Độ dài của nhà thường ước tính bằng số lượng dầm ngang (*đê*), tương ứng với một đôi cột. Nhà có bao nhiêu *đê* là có bấy nhiêu gian. Tiến sĩ Nguyễn Duy Thiệu, Phó Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, cho biết: "Chiều dài ngôi nhà dài của người Ê-đê cho thấy chủ nhân của nó thịnh vượng đến mức nào. Trước đây, đã từng có những nhà rất là dài. Đến thế hệ thứ ba, con của các cô con gái trong nhà, tức là cháu của bà chủ nhà ấy lấy chồng, ngôi nhà tiếp tục được nối dài ra. Thậm chí, chắt của bà chủ nhà lấy chồng, ngôi nhà vẫn được nối dài ra thêm nữa. Vì thế mà ngôi nhà dài của bà chủ cứ dài ra mãi. Theo như tài liệu của người Pháp mô tả lại mà tôi có, thì cho đến thời Pháp xâm chiếm nước ta, vẫn còn những ngôi nhà dài hơn 200m, như ngôi nhà của ông Ama Ha…".

Trong mỗi ngôi nhà dài, người Ê-đê chạm khắc rất nhiều hình con vật như voi, cua, cá,... lên xà nhà. Sự giàu có của chủ nhà cũng được thể hiện trên những hoa văn đó. Chị Đàm Thị Họp, cán bộ Phòng Bảo tàng ngoài trời, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cho biết thêm: "Chỉ những gia đình nào sở hữu những con voi thật thì mới có quyền chạm khắc hoa văn hình con voi ở trên đấy. Những hoa văn khác như hoa văn con kì đà, con rồng, cua, rùa,… thường là những con vật xuất hiện trong tín ngưỡng của người Ê-đê. Người ta khắc những con kì đà trên xà ngang với mong muốn sẽ mang đến cho gia đình mình những điều may mắn, ngăn chặn, mang đi những rủi ro. Hoa văn con rồng có vây hình con cá, râu, sừng nhô lên,... theo các chuyên gia, là hoa văn nguyên thuỷ, rất đặc trưng của người Ê-đê, không trộn lẫn với các dân tộc khác.".

Cầu thang là một điểm nhấn của nhà dài người Ê-đê gắn với hai cửa của nhà dài, cửa phía trước dành cho khách và nam giới, cửa phía sau dành cho phụ nữ. Chị Đàm Thị Họp khẳng định: "Thường nhà người Ê-đê có hai cầu thang, cầu thang phía trước và cầu thang phía sau. Cầu thang phía trước thường hướng về phía bắc và được gọi là cầu thang chính. Đối với những gia đình giàu có ngày xưa, cầu thang chính bao giờ cũng có hai cầu thang để lên xuống, cầu thang đực và cầu thang cái.

Trên cầu thang cái bao giờ cũng có hình ảnh bầu sữa mẹ và vầng trăng khuyết, còn cầu thang đực không có hoa văn chạm khắc nhiều, thường chỉ là một cây gỗ sau đó chạm khắc những bậc để lên xuống...".



Hình: *Nhà dài Ê-đê*
(Nguồn: https://vovworld.vn/vi-VN/sac-mau-cac-dan-toc-viet-nam/nha-truyen-thong-cua-nguoi-ede-nha-dai-nhu-tieng-chieng-ngan-204343.vov)

Nhà dài không chỉ là không gian sống mà còn là nơi gắn kết bao thế hệ dòng tộc của người Ê-đê. Khi người con gái lấy chồng, căn nhà được nối dài để làm nơi ở cho đôi vợ chồng mới. Rồi đến đời cháu gái, ngôi nhà lại tiếp tục nối. Cứ như thế, nhà cứ dài ra, mãi che chở cho cuộc sống của nhiều thế hệ. Trong không gian ấy, đêm đêm cả đại gia đình quây quần sum họp bên bếp lửa. Đàn bà con gái dệt vải, thêu thùa; đàn ông sửa lại cái cày, cái cuốc; người già thì kể sử thi, đọc truyện thơ cho con trẻ. Cũng trong không gian ấy, các lễ nghi, tập tục của người Ê-đê được thể hiện trọn vẹn như hồn cốt đại ngàn của dân tộc này.

(Theo Lan Anh, *Nhà truyền thống của người Ê-đê: Nhà dài như tiếng chiêng ngân*, Báo VOV5, ngày 23-12-2013)

Sau khi đọc

1. Từ hình minh hoạ, bạn hãy chỉ ra những chi tiết mà văn bản đề cập (nhà dài, cầu thang, hoa văn chạm khắc,...).

2. Ngôi nhà và sinh hoạt của người Ê-đê được miêu tả trong văn bản trên gợi nhớ những chi tiết nào trong văn bản *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*?

3. Vì sao ngôi nhà nói đến trong văn bản được gọi là "ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê"?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Đọc ba văn bản trên đây và thực hiện các yêu cầu sau:

   – Xác định cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong mỗi văn bản (nếu có).

   – Giải thích ý nghĩa thông tin của các kí hiệu đánh dấu.

   – Chỉ ra những chỗ đánh dấu sự tỉnh lược trong văn bản 1 và 2.

2. Ở một số trường hợp, nếu người viết chỉ sử dụng kí hiệu đánh dấu phần văn bản bị lược bỏ mà không viết đoạn tóm tắt phần văn bản này thì sẽ gây khó khăn gì cho người đọc?

3. Người viết về nhà dài Ê-đê đã trích dẫn mấy lần, các trích dẫn đã được chú thích rõ ràng hay chưa? Hãy trao đổi với các bạn ý kiến của mình.

4. Biện pháp so sánh được sử dụng trong các trường hợp sau có điểm gì khác nhau?

   a. *Cũng như người đi câu ngồi trên mỏm đá cao, từ đầu cần câu dài tung xuống biển cái sừng bò hoang đựng mồi cho cá nhỏ rồi quăng lên bờ những con cá câu được, còn giãy đành đạch; các bạn đồng hành của tôi bị lôi vào đá cũng giãy lên như vậy, và Xi-la ăn thịt họ ở cửa hang, trong khi họ đang kêu gào, hoảng hốt giơ tay về phía tôi cầu cứu. Đó chính là cảnh thương tâm nhất mà mắt tôi thấy được trong thời gian lênh đênh trên mặt biển tìm đường.* (Trích *Gặp Ka-ríp và Xi-la*, sử thi *Ô-đi-xê*)

   b. *Nhà dài như một hơi chiêng, sàn hiên rộng như một hơi ngựa chạy.* (Trích sử thi *Đăm Săn*)

   c. *Tôi tớ mang của cải về nhiều như ong đi chuyển nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, như bầy trai gái đi giếng làng cõng nước.* (Trích sử thi *Đăm Săn*)

5. Phân tích tác dụng của biện pháp nói quá trong đoạn văn sau:

Bà con xem, Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán. Cả một vùng nhão ra như nước. Lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm trên cao sưởi nắng. Ếch nhái dưới gầm nhà, kì nhông ngoài giữa bãi thì kêu lên inh ỏi suốt ngày đêm. Các chàng trai đi lại ngực đụng ngực. Các cô gái đi lại vú đụng vú. Cảnh làng một tù trưởng nhà giàu sao mà vui thế! (Trích sử thi *Đăm Săn*)

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Từ việc đọc hai văn bản sử thi trên đây, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về một phẩm chất của người anh hùng sử thi, trong đó có đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản hoặc chú thích trích dẫn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

ĐĂM SĂN ĐI CHINH PHỤC NỮ THẦN MẶT TRỜI

(Trích *Đăm Săn*, sử thi Ê-đê)

(Lược dẫn: Sau một chuyến đi dài phiêu lưu, mạo hiểm, bất chấp mọi lời can ngăn, vượt qua bao nhiêu thử thách, Đăm Săn cũng đến được nhà của nữ thần Mặt Trời).

Thế là Đăm Săn ra đi. Chàng đi hết rừng rậm đến núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân, không màng ăn uống. Chàng đi, đi mãi, rừng núi quạnh hiu, vắng như không, không như vắng. Nhưng rồi chàng cũng đến được bãi thả trâu bò, rồi bãi thả diều làng ông Đu, ông Điê.

Chàng nhác thấy bóng đàn ông[1] một người, bóng đàn bà[2] một người. Sau đó là cảnh người đi lại như trong sương mù. Chàng liền đến giếng làng xem, thì thấy dưới giăng dây đồng, trên giăng dây vàng, ở giữa là những máng nước son nước Grư ửng lên một màu đỏ rực. Cảnh làng của người anh giữ mặt trời, người em giữ mặt trăng này[3] Đăm Săn thấy quả là đẹp. Chỗ anh em họ ở là một cánh núi ngăn một dòng nước đục chảy cho đến nơi đất giáp với trời. Chàng đi đến nhà cô gái không chồng, nàng Hơ Kung của chàng Y Đu. Nàng thì đã vào ở giữ mặt trăng, còn chàng thì đã vào ở giữ mặt trời. Ở đây sấm nổ ầm ầm, mưa đổ ào ào, tiếng vó ngựa ngày đêm rầm rập. Từ đây Đăm Săn đứng ngắm ngôi nhà của nữ thần Mặt Trời. Cầu thang trông như cái cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng, chày cũng bằng vàng. Chày nhà tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh.

Đăm Săn xuống ngựa, tháo yên. Chàng vươn bước lên cầu thang thì trong nhà người ta đã nghe. Chàng vươn người trên sàn hiên thì trong nhà người ta đã nghe. Chàng dậm chân bước trên sàn hiên thì người ta đã thấy. Chàng vào nhà. Toà nhà dài dằng dặc, voi đứng vây chặt sàn hiên, chiêng xếp đầy nhà ngoài, cồng chất đầy nhà trong, tôi trai tớ gái như con ong đi lấy nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, các xà ngang xà dọc đều dát vàng. Quả thật chàng chưa hề thấy một ngôi nhà nào như vậy cả.

Đăm Săn gác chà gạc lên rồi đến ngồi trên ghế. Người đi ra đi vào nhà trong nhà ngoài đưa mắt nhìn chàng, thấy chàng oai như một vị thần. Tiếng xì xào ca ngợi chàng đã vọng tới tai nữ thần Mặt Trời ở nhà trong.

NỮ THẦN: – Ơ các con, ơ các con, khách nào ở ngoài ấy?

NGƯỜI HẦU: – Thưa bà, chúng con không được quen. Khách này mặc một áo lụa đẹp, thêm một áo chiến cũng thật là đẹp. Lông chân như chải, lông đùi

---

[1] *Bóng đàn ông*: bóng chàng Y Đu.

[2] *Bóng đàn bà*: bóng nàng Hơ Kung.

[3] *Sự tích Hơ Kung – Y Đu*: hai anh em, kẻ con nuôi, người con đẻ, lớn lên yêu nhau. Họ bị xã hội xua đuổi, cho là phạm tội loạn luân. Để chấm dứt tình duyên tội lỗi, Hơ Kung bày ra một cuộc thi tài, nếu nàng thắng họ sẽ chia tay. (Hơ Kung sẽ phải dệt xong một tấm khố, Y Đu đắp xong cái đập ngăn một con sông. Hơ Kung tin mình sẽ thắng). Nhưng Hơ Kung đã thua (vì Y Đu, với sự giúp sức của muông thú, đã hoàn thành con đập trước). Hơ Kung chạy trốn lên núi vừa lúc mặt trăng lên nên nàng trốn luôn vào mặt trăng. Y Đu đuổi theo, lên đến đầu núi, vừa lúc mặt trời lên nên chàng vào luôn mặt trời. Từ đó, một người canh giữ mặt trăng, một người canh giữ mặt trời, họ chỉ có thể gặp nhau khi có nhật thực, nguyệt thực. Theo đó, nơi mà sử thi gọi là "làng của người anh giữ mặt trời, người em giữ mặt trăng" thực ra là nơi diễn ra cuộc thi tài giữa hai anh em Hơ Kung – Y Đu.

như chuốt. Tiếng nghe như chong chóng gõ mõ[1]. Khắp các tù trưởng đầu làng không có một ai như khách cả.

Nữ thần bỏ váy cũ mặc váy mới. Chưa hài lòng với váy này, nàng lấy váy kia. Nàng mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp. Mái tóc nàng vén bên tai trông thật là đẹp. Nàng từ trong buồng đi ra, cửa buồng liền bừng sáng. Nàng đi trông như diều bay ó liệng, như nước lững lờ trôi cũng không bằng. Khi lỡ chân hụt bước, nàng dừng lại đứng yên. Đầu nghiêng cúi xuống, hay nàng ngồi thụp xuống, đầu nhè nhẹ ngẩng lên. Tiếng nàng lanh lảnh, người chưa tới mà tiếng đã vẳng lại. Thật không thấy có một ai như nàng cả. Trước mặt Đăm Săn là người con của thần Đất và thần Trời, với một thân hình như cái nụ tai, với một cái cổ như cổ con công.

NỮ THẦN: – Hỡi người con của trần thế, ngươi muốn gì?

ĐĂM SĂN: – Tôi đến đây, tôi muốn có người nấu cơm canh tôi ăn, dệt khố áo tôi mặc.

NỮ THẦN: – Thế phải chăng ngươi còn là lưỡi dao chưa tra cán, còn là cái then chưa tra chốt, là gái còn ở không, là trai còn ở rỗi?

ĐĂM SĂN: – Tôi là lưỡi dao đã vướng cán, là lưỡi giáo đã có tay cầm. Dưới trần gian, trai gái nào mà không có đôi có lứa.

NỮ THẦN: – Thế sao bây giờ ngươi còn ưa đẵng lưng, còn ưng đẵng bụng, còn nói nói cười cười? Ngươi nghĩ gì vậy?

ĐĂM SĂN: – Tôi muốn có hai vợ lẽ, tôi muốn cả ba vợ tôi đều là những nàng tiên xinh đẹp. Tôi muốn đưa nàng xuống trần làm *juê*, làm *êngai*[2], làm chị làm em với Hơ Nhị, Hơ Bhị.

NỮ THẦN: – Ủa, sao ta lại đi? Tạo hoá đã định quê hương đất tổ của Mặt Trời, Mặt Trăng là nơi cuối đất chân trời này rồi cơ mà.

ĐĂM SĂN: – Nàng dù không đi thì tôi cũng đã rẽ đất đến đầu gối, lội bùn đến ngang hông, đội đất đội bùn để đến nhà nàng rồi.

NỮ THẦN: – Nhưng nếu ta đi thì lợn dưới gà trên, cọp, tê giác, ngựa, trâu sẽ chết hết. Chết cả người Kho-me, người Lào vì hết đất làm nương. Chết cả người Ê-đê Ê-ga vì không còn nước uống. Chết cả gầm ghì cu xanh vì không còn trái ăn. Nếu ta đi, cây trong rừng sẽ tuyệt diệt, cây trên rú sẽ chết khô, lau lách sẽ ngừng đâm chồi, có cây sẽ tàn lụi, đất đai sẽ nứt nẻ, sông suối sẽ cạn khô. Thôi, ngươi hãy đi lấy gùi nước[3] về đi! Ta sắp ra đi đây.

ĐĂM SĂN: – Tôi không về. Tôi đã cầm cây chà gạc phát rẫy mới này, tôi rạch rừng, tôi giết tê giác trong thung, giết cọp beo trên núi, giết kên kên, quạ dữ trên ngọn cây, chém ma thiêng quỷ ác trên đường đi. Tôi thương nàng da diết, lòng dạ tôi không nguôi, vì vậy tôi đã đến đây với nàng, muốn cùng nàng nên nghĩa vợ chồng, có lấy được nàng tôi mới về.

---

[1] *Chong chóng gõ mõ*: công cụ của người Ê-đê tự động đuổi chim bằng tiếng động. Trục chong chóng được gắn một số búa gỗ. Chong chóng quay, các búa gỗ này đập vào một cái mõ tre, tạo nên những tiếng kêu lóc cóc.

[2] *Juê (duê) và êngai*: hai giống chuối rừng, được dùng ở đây để ví với những người là chị em của nhau.

[3] *Gùi nước*: cái gùi đựng bầu nước. Đường xa, trời nắng nên nữ thần nhắc Đăm Săn phải đem theo nhiều nước uống.

NỮ THẦN: – Thôi, ngươi hãy xuống khỏi cái sàn nhà này ra về đi! Ta là con của Trời, dù ngươi mới chỉ được ăn cơm, tắm nước lã, hương nghệ chưa vương[1] cũng mặc!

ĐĂM SĂN: – Tôi nghĩ tôi thương nàng, hỡi người con của thần Trời. Nhưng cho đến bây giờ đằng lưng nàng đã không ưa, đằng bụng nàng cũng không ưng, cả tiếng nói tiếng cười với tôi nàng cũng tiếc. Tôi đành quay về làng hoang nhà cũ của tôi vậy. Tôi quay về ăn thịt trâu thịt bò của tôi vậy.

NỮ THẦN: – Ấy, ngươi đừng ra về vội! Ta ra đi đây. Ngươi chết mất.

ĐĂM SĂN: – Mặc, sống được chết đành! Tôi về đây.

Thế là Đăm Săn ra về. Chàng nhảy lên ngựa ra đi.

Lúc này, mặt trời mới ló lên ở đầu núi, ngựa của Đăm Săn kiệu vẫn còn êm. Khi ngựa đến giữa Rừng Đen thì mặt trời đã lên cao, mỗi lúc một thêm cao, ngựa bắt đầu bị dính ở chân. Mặt trời lên cao nữa, khi nó chấm ngang cây xà dọc phía đông thì đất loãng ra. Ngựa tuy nhiên vẫn còn chạy được, nó tiếp tục chạy nhưng lún dần, cho đến khi ngập ngang đầu gối. Từ đó, nó phải đi bước một, cứ bước một đi mãi. Khi mặt trời đã chênh chếch cây xà dọc phía đông thì ngựa đã lún đến sát bẹn, nhưng nó vẫn ráng bước tới. Cho đến khi mặt trời đứng bóng thì ngựa không sao bước tới được nữa[2].

(Trích *Đăm Săn*, in trong *Sử thi Ê-đê*, Nhiều tác giả, Nguyễn Hữu Thấu dịch và chú thích, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 210 – 214)

Hướng dẫn đọc

1. Những đặc điểm nào của cốt truyện sử thi đã được thể hiện trong văn bản *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời*? (Có thể trả lời bằng cách lập bảng gồm hai cột, một cột nêu tóm tắt các đặc điểm, một cột dành để đánh dấu vào đặc điểm tương ứng đã được thể hiện trong văn bản).
2. Những đặc điểm nào của nhân vật sử thi đã được thể hiện trong văn bản *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời*? (Có thể trả lời theo cách gợi ý ở câu hỏi 1).
3. Nêu một số dẫn chứng thể hiện tình cảm, cảm xúc của người kể chuyện đối với các nhân vật sử thi trong văn bản *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời*.

❋**Bài tập sáng tạo:** Hình tượng Mặt Trời trong thần thoại, sử thi hoặc một số tác phẩm thơ ca nổi tiếng thường là biểu tượng cho những gì cao quý, tốt đẹp như sự khai sáng, sự tái sinh, vẻ đẹp hoàn hảo, vĩnh hằng,... Lấy cảm hứng từ một trong những ý nghĩa biểu tượng ấy, bạn hãy làm một bài thơ, vẽ một bức tranh hoặc dựng một hoạt cảnh,...

---

[1] *Hương nghệ chưa vương*: người phụ nữ Ê-đê sau khi tắm thường xoa nghệ. Do vậy cách nói "hương nghệ chưa vương" có ngụ ý là chưa chung chăn gối với người phụ nữ nào.

[2] Phần tiếp theo: vì không nghe lời nữ thần, Đăm Săn ra về ngay giữa lúc mặt trời lên cao nắng nóng nên cả người và ngựa chết chìm trong đất sáp đen (đầm lầy, Rừng Bà Sun Y Rit). Hồn Đăm Săn hoá thành con ruồi bay vào miệng Hơ Ăng. Người chị có mang và sinh ra Đăm Săn cháu, tiếp tục nối dây (lấy Hơ Nhị, Hơ Bhị). Đăm Săn cháu lại trở thành vị tù trưởng giàu mạnh. Tác phẩm kết thúc bằng cảnh ngày hội mừng năm mới, ăn uống linh đình và lời khuyến dụ hào sảng của Đăm Săn cháu.



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Văn bản nghị luận một vấn đề xã hội là kiểu văn bản dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội (một ý kiến, một tư tưởng đạo lí hay một hiện tượng xã hội), giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề đó.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nêu và giải thích được vấn đề nghị luận.
- Trình bày ít nhất hai luận điểm về vấn đề xã hội; thể hiện rõ ràng quan điểm, thái độ (khẳng định/ bác bỏ) của người viết; hướng người đọc đến một nhận thức đúng và có thái độ, giải pháp phù hợp trước vấn đề xã hội. Liên hệ thực tế, rút ra ý nghĩa của vấn đề.
- Sử dụng được các bằng chứng thực tế tin cậy nhằm củng cố cho lí lẽ.
- Sắp xếp luận điểm, lí lẽ theo trình tự hợp lí.
- Diễn đạt mạch lạc, khúc chiết, có sức thuyết phục.
- Có các phần: *mở bài, thân bài, kết bài* theo quy cách của kiểu bài.

Mở bài: nêu vấn đề xã hội cần nghị luận; sự cần thiết bàn luận về vấn đề.

Thân bài: trình bày ít nhất hai luận điểm chính nhằm làm rõ ý kiến và thể hiện quan điểm, thái độ của người viết (trước các biểu hiện đúng/ sai/ tốt/ xấu); sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

Kết bài: khẳng định lại tầm quan trọng hay ý nghĩa của vấn đề cùng thái độ, lập trường của người viết.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Quan niệm về thần tượng

Thời gian gần đây, vấn đề quan niệm về thần tượng và sự tôn sùng thần tượng do ngộ nhận của nhiều người trong giới trẻ chúng ta là rất đáng quan tâm. Vì thế, việc tìm hiểu, trao đổi hướng đến một nhận thức chung về vấn đề này để có ứng xử phù hợp trong cuộc sống là rất cần thiết.[1]

Xung quanh vấn đề này, theo tôi, có mấy câu hỏi cần được trả lời thoả đáng.[2]

Thứ nhất: thần tượng là gì, một hình mẫu như thế nào thì được xem là thần tượng? [2a] Thông thường [*], từ "thần tượng" được dùng để chỉ "cái được tôn thờ, chiêm ngưỡng" nói chung. Thần tượng có thể là thần hoặc

[1]: Nêu vấn đề xã hội cần nghị luận; sự cần thiết có nhận thức đúng về vấn đề.

[2]: Chuyển dẫn vào các nội dung nghị luận ở thân bài; lần lượt trình bày các luận điểm.

là người; là có thật hay hư cấu tưởng tượng; là thần tượng chung của một cộng đồng, hay thần tượng riêng của một vài cá nhân,... Hiểu rộng và linh hoạt hơn [*] thì thần tượng là hình mẫu lí tưởng, trong quan niệm của ai đó, về một phương diện nào đó. Chẳng hạn, con cái, em út có thể xem cha mẹ, anh chị của mình là thần tượng, khi những người này có phẩm chất, năng lực vượt trội. Tương tự, học trò có thể xem thầy cô giáo giỏi của mình là thần tượng; người khởi nghiệp có thể xem các doanh nhân thành đạt là thần tượng; khán, thính giả có thể xem ca sĩ, diễn viên nổi tiếng mà mình yêu thích là thần tượng; độc giả có thể xem nhà văn, thậm chí nhân vật nổi tiếng trong văn học là thần tượng; các bạn đồng môn, cùng trang lứa cũng có thể xem một người bạn học xuất sắc của mình là thần tượng,... Nói chung, bất cứ người nào có phẩm chất, tài năng vượt trội đáng được "tôn thờ, chiêm ngưỡng", thì đều có thể trở thành thần tượng.

Tuy nhiên, dù theo nghĩa nào, thì mọi hình mẫu được xem là thần tượng đều phải thoả mãn hai điều kiện: có giá trị thực vượt trội (điều kiện cần) và được ai đó hâm mộ, quý trọng, muốn noi theo (điều kiện đủ). Hai điều kiện này có quan hệ rất mật thiết với nhau. [*]

Thứ hai: vì sao có tình trạng ngộ nhận về thần tượng? [2b] Khi một hình ảnh, nhân vật nào đó không có "giá trị thực" mà vẫn được hâm mộ, quý trọng, muốn noi theo thì đó là ngộ nhận. Trên thực tế, sự ngộ nhận về thần tượng thường là do nhiều nguyên nhân. Chẳng hạn: do người ta bị chi phối bởi những cảm xúc nhất thời; do bồng bột chạy theo một thị hiếu đáng ngờ nào đó của đám đông; do bị mê hoặc bởi cái vẻ hào nhoáng bề ngoài của một nhân vật nào đó khi người này được ai đó đề cao quá mức. Trong những trường hợp ấy, một thái độ tỉnh táo cảnh giác với các giá trị ảo hay thị hiếu lệch lạc là rất cần thiết.

Thứ ba: chúng ta cần đến thần tượng để làm gì? Con người, nhất là người trẻ, cần đến thần tượng, là để tôn thờ hay để vươn lên? [2c] Câu trả lời, theo tôi, phải là cả hai. Thần tượng, không phải chỉ để nhìn ngắm, tôn thờ mà còn là để tạo cảm hứng cho hành động của mỗi người, vẫy gọi chúng ta không ngừng vươn lên. Khi cố gắng "vươn lên" theo thần tượng thì chúng ta sẽ chuyển hoá được các giá trị của thần tượng thành giá trị của chính mình. Từ đó ta tự nâng mình lên ngang với thần tượng, thậm chí, cao hơn thần tượng, để lại trở thành thần tượng của ai đó. Thực tế cho thấy không hiếm trường hợp, những người vốn từ vô danh đã trở thành thần tượng nhờ sự vươn lên không ngừng như thế.

Với nhận thức như trên, theo tôi, mỗi người trẻ chúng ta cần và nên có thần tượng. Điều quan trọng là phải chọn thần tượng sao cho đích đáng, tránh cảm tính, ngộ nhận. Có như thế, chúng ta mới dành được nhiều thời gian, tâm lực hơn cho việc trải nghiệm, tu dưỡng, tự nâng cao giá trị của bản thân mình. [3]

(Nhóm biên soạn)

[2a]: Luận điểm thứ nhất dựa trên các lí lẽ:

– Thần tượng là gì?;

– Hình mẫu như thế nào thì được xem là thần tượng?

[*]: Quan niệm về thần tượng được nhìn từ nhiều góc độ (*"Thông thường..."*, *"Hiểu rộng và linh hoạt hơn..."*) và dựa trên nhiều bằng chứng thực tế (*"Chẳng hạn..."*; *"Tương tự..."*).

[2b]: Luận điểm thứ hai được triển khai theo trình tự: *lí lẽ – bằng chứng – lí lẽ.*

[2c]: Luận điểm thứ ba triển khai theo trình tự: *lí lẽ – bằng chứng – lí lẽ.*

[3]: Khẳng định lại tầm quan trọng/ ý nghĩa của vấn đề, và hướng giải quyết.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu về bố cục đối với kiểu bài *nghị luận về một vấn đề xã hội* hay chưa?
2. Việc tác giả dành đoạn đầu trong thân bài để đưa ra cách hiểu về khái niệm "thần tượng" có tác dụng như thế nào trong cách triển khai vấn đề?
3. Nhận xét về cách người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm chính trong văn bản.
4. Nêu một số từ ngữ, câu văn cho thấy người viết đã chú ý thể hiện quan điểm của mình, nhận xét về cách thể hiện ấy.
5. Bạn rút được kinh nghiệm hay lưu ý gì trong cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống từ ngữ liệu trên?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết văn bản nghị luận trình bày ý kiến về một trong những vấn đề sau:

– Tầm quan trọng của động cơ học tập;

– Ứng xử trên không gian mạng;

– Quan niệm về lòng vị tha;

– Thị hiếu của thanh niên ngày nay,...

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài: Bạn có thể chọn một đề tài cụ thể trong hoặc ngoài các vấn đề được gợi ý trong đề bài. Chẳng hạn: bàn luận về động cơ, đức tính trung thực, tinh thần vượt khó,... trong học tập của lớp trẻ; vấn đề thị hiếu của thanh niên ngày nay; ứng xử trên không gian mạng; sự tương trợ đối với người gặp khó khăn, hoạn nạn,... Tuy vậy, nên chọn đề tài theo các tiêu chí:

- Vấn đề mà bạn quan tâm, có hứng thú trong việc trình bày ý kiến.
- Vấn đề quen thuộc, gần gũi với bạn và những người cùng độ tuổi.
- Vấn đề thuận lợi cho bạn trong việc tìm hiểu thực tế, chia sẻ trải nghiệm hay bày tỏ quan điểm, thái độ,... trong bài viết.
- Vấn đề đang có những ý kiến khác biệt, thậm chí trái ngược nhau.

Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc

Bạn cần trả lời một số câu hỏi như: *Mục đích viết bài này là gì? Người đọc bài viết này có thể là ai?*

Đó là cơ sở giúp bạn lựa chọn nội dung, cách viết cho phù hợp với mục đích viết và đối tượng người đọc.

Thu thập tư liệu

Để viết được văn bản đáp ứng yêu cầu của đề bài, bạn hãy tự hỏi:

- Vấn đề liên quan đến các khái niệm nào?
- Xung quanh vấn đề nghị luận có những ý kiến, quan niệm khác biệt nào?
- Việc giải quyết vấn đề có ích lợi gì và nên giải quyết thế nào?

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Bạn nên tìm ý bằng cách nêu và trả lời một số câu hỏi dưới đây:

- Vấn đề cần được khẳng định hay bác bỏ hoặc kết hợp khẳng định với bác bỏ?

Từ các câu trả lời đầu tiên này, lại đặt các câu hỏi cụ thể hơn để phát triển ý. Chẳng hạn, tìm ý cho vấn đề ứng xử trên không gian mạng, trước hết bạn cần phân ra các kiểu ứng xử của cư dân mạng thành hai loại hành vi: hành vi đúng đắn, hợp pháp và hành vi sai trái, quá khích, bất hợp pháp; với loại hành vi đúng thì khẳng định, với hành vi sai thì cần bác bỏ. Nhưng từ đây bạn lại đặt và trả lời tiếp các câu hỏi: *Thế nào là hành vi đúng đắn, hợp pháp và ngược lại? Khi mọi người hành xử đúng đắn thì có ích lợi gì cho cộng đồng? Có cách nào để tránh được những sai lầm, vi phạm luật pháp trên không gian mạng?*

- Cần có ít nhất mấy luận điểm? Sắp xếp luận điểm theo trình tự nào?
- Lí lẽ, bằng chứng nào cần có cho mỗi luận điểm?

Lập dàn ý

Bạn sắp xếp nội dung các phần mở bài, thân bài, kết bài; các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong thân bài theo gợi ý trong mục Yêu cầu đối với kiểu bài (trang 54). Trong đó, cần tập trung phát triển dàn ý phần thân bài.

Ví dụ: Cũng với đề bài trên, nếu chọn vấn đề *Quan niệm về thần tượng* như ở ngữ liệu tham khảo trên đây, dàn ý phần thân bài có thể là:

1. Luận điểm thứ nhất: Thần tượng là gì, một hình mẫu như thế nào thì được xem là thần tượng? hoặc: Xác định cách hiểu đúng về thần tượng. (*Lí lẽ; bằng chứng*)

2. Luận điểm thứ hai: Vì sao có tình trạng ngộ nhận về thần tượng? hoặc: Giải thích lí do dẫn đến sự ngộ nhận về thần tượng. (*Lí lẽ; bằng chứng*)

3. Luận điểm thứ ba: Chúng ta cần đến thần tượng để làm gì? hoặc: Mục đích của việc tìm kiếm thần tượng: không phải chỉ để nhìn ngắm, tôn thờ mà còn để tự vươn lên. (*Lí lẽ; bằng chứng*)

Chân trời sáng tạo

Bước 3: Viết bài

• Triển khai dàn ý thành đoạn, thành bài.

• Mỗi luận điểm nên trình bày thành một đoạn với lí lẽ và bằng chứng.

• Trong mỗi đoạn văn, cần có câu chủ đề nêu rõ nội dung luận điểm.

• Về trình tự, có thể đưa lí lẽ trước, bằng chứng sau hoặc nêu lí lẽ đến đâu, đưa bằng chứng đến đấy.

• Dùng các từ ngữ liên kết câu, liên kết đoạn để tạo sự mạch lạc cho bài viết, giúp người đọc dễ theo dõi các ý của bài viết.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

• Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo những gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu vấn đề xã hội cần nghị luận.		
	Nêu ý nghĩa/ tính cấp thiết/ tầm quan trọng của vấn đề.		
Thân bài	Trình bày và làm rõ ý kiến qua ít nhất hai luận điểm chính.		
	Xem xét vấn đề từ nhiều phía.		
	Thể hiện nhận thức, quan niệm, thái độ, lập trường của người viết về vấn đề nghị luận (trước các biểu hiện đúng/ sai/ tốt/ xấu,...).		
	Làm sáng tỏ vấn đề bằng các lí lẽ và bằng chứng.		
	Hướng đến nhận thức chung hoặc nêu giải pháp cho vấn đề.		
Kết bài	Khẳng định lại về vấn đề, ý kiến đã trình bày.		
	Nêu ý nghĩa thực tiễn của vấn đề.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng hợp lí.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

• Chỉnh sửa xong, chia sẻ bài viết của mình với các bạn trong lớp. Lưu ý ghi chép lại ý kiến đóng góp cũng như những câu hỏi của họ và xem xét.

• Bạn tự nêu bài học kinh nghiệm về việc viết một bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (kinh nghiệm có thể nêu khái quát hoặc dựa theo các bước trong quy trình viết).



NÓI VÀ NGHE

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ KẾT HỢP SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ

Đề bài:

Thuyết trình về một trong những vấn đề sau (có sử dụng kết hợp phương tiện giao tiếp ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ):

– Tầm quan trọng của động cơ học tập;

– Ứng xử trên không gian mạng;

– Quan niệm về lòng vị tha;

– Thị hiếu của thanh niên ngày nay,...

Bước 1: Chuẩn bị nói

Bước chuẩn bị nói gồm: *Xác định đề tài; Xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói; Tìm ý và lập dàn ý; Luyện tập.*

Xác định đề tài

Bạn cần xác định rõ: Đề tài bài nói (trong trường hợp này chính là đề tài của bài viết).

Xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

Bạn thực hiện khâu này theo hướng dẫn ở Bài 1.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Trong trường hợp này, ý tưởng và các thông tin, tài liệu chính đã được bạn xác định khi thực hiện bài viết. Bạn có thể sử dụng các ý tưởng, thông tin, tài liệu đã có sao cho việc nói có hiệu quả nhất. Tuy vậy, nói là trình bày giao tiếp trực tiếp với người nghe cụ thể trong không gian, thời gian xác định. Vì thế, bạn cần:

• Tìm những cách mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe.

• Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính; hình ảnh, video clip, sơ đồ, bảng biểu;...

• Dự kiến trước một số điểm nghi vấn, băn khoăn, thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên để tìm cách trả lời, giải đáp.

Lập dàn ý

Dàn ý của bài nói cơ bản cũng là dàn ý mà bạn đã chuẩn bị cho bài viết. Có thể chỉnh sửa lại dàn ý dùng cho phù hợp với bài nói của bạn.

Luyện tập

Bạn có thể luyện nói theo nhiều cách:

• Tập trình bày với bạn cùng nhóm.

• Thu hình, thu âm bài nói, sau đó xem lại, tự phân tích ưu, nhược điểm từng nội dung trình bày của mình để rút kinh nghiệm lần trình bày chính thức.

Bước 2: Trình bày bài nói

• Khi trình bày, có thể dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị từ trước. Có thể sử dụng những tờ giấy nhỏ để viết, ghi chú ngắn gọn, súc tích nội dung nói dưới dạng từ, cụm từ,...

• Về trình tự, nên trình bày từ khái quát đến cụ thể; nêu các luận điểm, sau đó mới trình bày cụ thể từng luận điểm, nhằm giúp người nghe dễ dàng và chủ động hơn trong việc theo dõi phần trình bày.

• Những nội dung đã trình bày trong phần viết ở trên mang đặc điểm của ngôn ngữ viết. Vì vậy, khi chuyển thành bài nói, nên lựa chọn những từ ngữ thích hợp của ngôn ngữ nói và quen thuộc với người nghe, tránh dùng ngôn ngữ viết và đọc lại bài viết.

• Kết hợp sử dụng tranh ảnh, video clip, sơ đồ, số liệu, biểu bảng, điệu bộ sao cho phù hợp với nội dung bài nói.

• Để thuận lợi trong việc tương tác với người nghe, nên chọn vị trí đứng thuận lợi nhất, có thể di chuyển trong lúc trình bày để tiếp cận khán giả ở nhiều vị trí khác nhau. Chú ý tương tác bằng mắt, giọng điệu; cần trình bày tự tin, nói rõ ràng, rành mạch, có cảm xúc.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

• *Trong vai trò là người nói*: Sau khi trình bày xong, hãy lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về nội dung, hình thức bài trình bày; giải thích và làm rõ những điều các bạn chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình. Những ý kiến chưa được phản hồi trực tiếp, nếu cần, bạn có thể tiếp tục trao đổi sau buổi trình bày thông qua một số phương tiện như thư điện tử, tin nhắn, mạng xã hội,...

• *Trong vai trò là người nghe*: Sau khi lắng nghe bài trình bày của bạn mình, bạn có thể nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý cho bạn về nội dung, hình thức của bài trình bày. Cũng có thể yêu cầu bạn giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc có ý kiến khác với người trình bày. Dù trong vai người nói hay người nghe thì khi trao đổi, bạn cần tôn trọng các ý kiến khác biệt.

Đánh giá

- Trong vai trò người nói, bạn hãy tự đánh giá phần trình bày của mình.
- Trong vai trò người nghe, bạn hãy đánh giá phần trình bày của người nói.

Trong cả hai vai trò ấy, khi đánh giá, bạn có thể sử dụng các gợi ý trong bảng sau đây:

Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình về một vấn đề xã hội

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Người nói chào người nghe và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu nội dung khái quát của bài nói.		
Nội dung chính	Giải thích các khái niệm từ ngữ quan trọng liên quan đến cách hiểu vấn đề.		
	Lần lượt trình bày và làm rõ ý kiến qua ít nhất hai luận điểm chính.		
	Thể hiện nhận thức, quan niệm, thái độ, lập trường của người viết về vấn đề nghị luận (trước các biểu hiện đúng/ sai/ tốt/ xấu,...).		
	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ thực tiễn đời sống.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung chính đã trình bày.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP

1. Hãy tóm tắt thật ngắn gọn nội dung chính của mỗi văn bản sử thi đã đọc theo mẫu dưới đây (làm vào vở):

Bảng tóm tắt nội dung chính của các văn bản

TT	Văn bản	Nội dung chính
1	*Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* (Trích sử thi *Đăm Săn*)	
2	*Gặp Ka-ríp và Xi-la* (Trích sử thi *Ô-đi-xê*)	
3	*Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời* (Trích sử thi *Đăm Săn*)	

2. Ô-đi-xê trong đoạn trích *Gặp Ka-ríp và Xi-la* và Đăm Săn trong *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* đã thể hiện những đặc điểm nào của nhân vật anh hùng trong sử thi?

3. So sánh tác dụng của việc sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất trong *Gặp Ka-ríp và Xi-la* và người kể chuyện ngôi thứ ba trong *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*.

4. Bạn rút ra được những lưu ý gì về cách trình bày ý kiến (viết và nói) về một vấn đề xã hội?

5. Theo bạn, sức sống của một cộng đồng được nuôi dưỡng từ đâu?

BÀI 3

GIAO CẢM VỚI THIÊN NHIÊN

(THƠ)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.
- Nhận biết và sửa chữa được các lỗi dùng từ.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ.
- Biết yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm hồn con người.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Chủ thể trữ tình là khái niệm chỉ người thể hiện thái độ, cảm xúc, tư tưởng của mình trong suốt văn bản thơ. Đọc thơ trữ tình, trước mắt ta không chỉ xuất hiện những cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt, những con người, sự kiện mà còn gợi lên hình tượng một ai đó đang ngắm nhìn, đang rung động, suy tưởng về chúng, về cuộc sống nói chung. Hình tượng ấy chính là *chủ thể trữ tình* trong thơ. Chủ thể trữ tình thường xuất hiện trực tiếp với các đại từ nhân xưng: "tôi", "ta", "chúng ta", "anh", "em",... hoặc nhập vai vào một nhân vật nào đó, cũng có thể là "chủ thể ẩn". Các hình thức xuất hiện nêu trên của chủ thể trữ tình cũng có thể thay đổi, xen kẽ trong một bài thơ.

Vần và nhịp là những yếu tố quan trọng tạo nên nhạc điệu trong thơ.

Vần tạo nên sự kết nối, cộng hưởng âm thanh giữa các dòng thơ, đồng thời làm cho thơ dễ nhớ, dễ thuộc hơn. Cách gieo vần phụ thuộc vào yêu cầu và quy cách riêng của mỗi thể thơ. Nhưng nói chung, xét về vị trí xuất hiện, có *vần chân* (cước vận) là vần giữa các chữ ở cuối dòng thơ; *vần lưng* (yêu vận) là vần giữa chữ cuối của dòng trước với chữ ở gần cuối hay ở khoảng giữa của dòng thơ sau, hoặc giữa các chữ ngay trong một dòng thơ. Xét về thanh điệu, có vần thanh *trắc* (T) và vần thanh *bằng* (B).

Nhịp (hay ngắt nhịp) là cách tổ chức sắp xếp sự vận động của lời thơ, thể hiện qua các chỗ dừng, chỗ nghỉ khi đọc bài thơ. Cách ngắt dòng, ngắt nhịp trong từng dòng thơ, câu thơ tạo nên hình thức của nhịp thơ. Nhịp thơ là nhân tố tạo nên bước đi của thơ với âm vang nhanh, chậm, dài ngắn, nhặt, khoan...

Trước hết, ngắt nhịp liên quan đến cách xuống dòng. Điều này phụ thuộc vào số lượng chữ của dòng thơ. Ví dụ: thơ lục bát luân phiên ngắt dòng 6 – 8, thơ song

thất lục bát luân phiên ngắt dòng 7 – 7 – 6 – 8; các thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ,... đều có nhịp ngắt dòng riêng. Với thơ tự do, cách ngắt nhịp theo dòng rất đa dạng, bởi số tiếng trong mỗi dòng thơ không bị ràng buộc chặt chẽ.

Thứ đến, nhịp thơ còn toát ra từ cách ngắt nhịp trong từng dòng thơ, câu thơ. Ví dụ: thơ 7 chữ thường ngắt nhịp 4/3; thơ 5 chữ thường ngắt nhịp 2/3; việc thay đổi cách ngắt nhịp quen thuộc trong dòng thơ thường là có dụng ý: cũng là câu thơ lục bát nhưng cách ngắt nhịp khác nhau tạo nên hiệu quả khác nhau.

Từ ngữ, hình ảnh trong thơ mang lại sức gợi cảm lớn, có khả năng chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa. Hình ảnh trong thơ có thể được miêu tả trực quan, các hình thức láy, điệp làm cho đường nét, màu sắc trở nên lung linh, sống động; hoặc có thể gợi tả gián tiếp bằng liên tưởng, tưởng tượng, các biện pháp tu từ như *so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ,...* làm cho cái vô hình trở nên hữu hình, ấn tượng, cái vô tri, vô giác trở nên có hồn và giàu ý nghĩa. Hình ảnh trong thơ luôn chứa đựng tâm hồn của nhà thơ.

Lỗi dùng từ và cách sửa

Có thể phân loại một số lỗi dùng từ như sau:

• *Lỗi lặp từ*

Ví dụ: ***Truyện thần thoại*** *có rất nhiều yếu tố tưởng tượng kì thú nên em rất thích đọc* ***truyện thần thoại****.*

Cách sửa: Lược bỏ hoặc thay thế từ ngữ bị lặp bằng từ ngữ khác. Chúng ta có thể sửa câu trên như sau: *Truyện thần thoại có rất nhiều yếu tố tưởng tượng kì thú nên em rất thích đọc thể loại này.*

Lưu ý: Cần phân biệt lỗi lặp từ với biện pháp lặp từ để liên kết văn bản (phép lặp) hoặc để nhấn mạnh một nội dung nào đó (phép điệp).

• *Lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm*

Ví dụ: *Anh ấy đã kịp thời khắc phục những* ***thiếu xót*** *của mình.*

Cách sửa: Sửa lại từ cho đúng với hình thức ngữ âm. Trong câu trên, chúng ta phải dùng từ "thiếu sót".

• *Lỗi dùng từ không đúng nghĩa*

Ví dụ: *Những kiến thức về thơ thầy giáo* ***truyền tụng****, chúng em đều rất hứng thú.*

Từ "truyền tụng" thường dùng với ý nghĩa "truyền miệng cho nhau với lòng ngưỡng mộ". Trong trường hợp này, chúng ta không dùng từ "truyền tụng".

Cách sửa: Thay thế từ đúng nghĩa. Trong ví dụ trên, chúng ta thay từ "truyền tụng" bằng "truyền đạt".

• *Lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp*

Ví dụ: *Chúng tôi rất quan tâm vấn đề ô nhiễm môi trường.*

Trong ví dụ trên, từ "quan tâm" không thể kết hợp trực tiếp với "vấn đề ô nhiễm môi trường" mà cần có thêm một quan hệ từ "đến" hoặc "tới".

Cách sửa: Thêm, bớt, thay thế từ ngữ cho phù hợp với khả năng kết hợp của từ. Trong câu trên, chúng ta cần thêm từ "đến" hoặc "tới" sau từ "quan tâm": *Chúng tôi rất quan tâm đến vấn đề ô nhiễm môi trường.*

• *Lỗi dùng từ không phù hợp với kiểu văn bản*

Ví dụ: Trong bản kiểm điểm, học sinh viết: *Nhỏ Lan đã méc cô giáo vụ em và Nam gây lộn trong giờ giải lao*. Trong câu trên, các từ ngữ "nhỏ", "méc", "vụ", "gây lộn" không phù hợp với kiểu văn bản.

Cách sửa: Thay thế từ ngữ phù hợp. *Bạn Lan đã nói với cô giáo chuyện em và Nam tranh cãi trong giờ giải lao.*



ĐỌC

Từ bao đời nay, thiên nhiên vẫn là người bạn thân thiết và hào phóng của nhân loại. Người bạn lặng lẽ ấy vẫn âm thầm khơi gợi trong tâm hồn con người, đặc biệt là những tâm hồn thi nhân, bao rung động diệu kì, cùng những xúc cảm, suy tư sâu lắng.

Với bài học này, qua việc đọc hiểu một số văn bản thơ trữ tình, bạn sẽ được nâng cao khả năng đọc hiểu văn bản thơ, đồng thời bồi dưỡng cảm quan về thiên nhiên của mình.

VĂN BẢN 1

HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH

Chu Mạnh Trinh



Hình: *Động Hương Tích*

(Nguồn: https://dreamtravel.com.vn/cam-nang-du-lich/dong-huong-tich–thang-canh-ky-thu-o-ha-noi-6159-2136.html)

Trước khi đọc

Hãy giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về một cảnh đẹp của quê hương, đất nước mà bạn đã có dịp đến thăm hoặc biết qua sách vở.

Đọc văn bản

1. Bầu trời cảnh Bụt[1]
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây,
"Đệ nhất động"[2] hỏi nơi đây có phải? 1
5. Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lững lờ khe Yến[3] cá nghe kinh.
Vẳng bên tai một tiếng chày kình[4],
Khách tang hải[5] giật mình trong giấc mộng.
Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Võng,
10. Này hang Phật Tích, này động Tuyết Quynh.
Nhác trông lên ai khéo hoạ hình,
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Chập chờn mấy lối uốn thang mây[6]. 2
15. Chừng giang sơn còn đợi ai đây,
Hay tạo hoá khéo ra tay xếp đặt.
Lần tràng hạt[7] niệm "Nam mô Phật",
Cửa từ bi[8] công đức biết là bao!
Càng trông phong cảnh càng yêu. 3

Theo dõi

1 Lưu ý tìm những từ ngữ diễn tả cảm xúc của chủ thể trữ tình khi đến Hương Sơn.

Tưởng tượng

2 Bạn hình dung thế nào về phong cảnh Hương Sơn qua đoạn thơ này?

Theo dõi

3 Chú ý số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp và cách kết thúc bài thơ.

(In trong *Việt Nam ca trù biên khảo*, Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1995; có tham khảo một số văn bản khác)

---

[1] *Cảnh Bụt*: phong cảnh mang không khí riêng của xứ Phật, nơi tu hành.

[2] *Đệ nhất động*: trên cửa động Hương Tích có khắc dòng chữ: "Nam thiên đệ nhất động" (động số một của trời Nam), tương truyền là chữ của chúa Trịnh Sâm.

[3] *Khe Yến*: tức suối Yến, nằm trong quần thể Hương Sơn.

[4] *Chày kình*: chày giống hình con cá kình, dùng để đánh chuông.

[5] *Khách tang hải*: khách đến từ cõi trần tục. Thành ngữ đầy đủ: Tang điền thương hải (ruộng dâu biến thành biển xanh), chỉ cuộc đời biến thiên, thay đổi, thịnh suy khôn lường.

[6] *Thang mây*: lối đi lên Hương Sơn có mây phủ, gập ghềnh, uốn lượn giống như thang bằng mây.

[7] *Tràng hạt*: vòng chuỗi hạt các Phật tử thường lần từng hạt mỗi khi đọc kinh, niệm Phật.

[8] *Cửa từ bi*: cửa nhà Phật (thương yêu chúng sinh; thông cảm sâu sắc với nỗi khổ của chúng sinh).

Sau khi đọc

1. Xác định bố cục của bài thơ.
2. Nêu một số từ ngữ để khái quát vẻ đẹp của phong cảnh Hương Sơn được gợi tả qua các đoạn thơ.
3. Chủ thể trữ tình của bài thơ là ai? Đó là chủ thể ẩn, chủ thể xuất hiện trực tiếp với một đại từ nhân xưng, hay chủ thể nhập vai vào một nhân vật trong bài thơ?
4. Phân tích diễn biến tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bài thơ.
5. Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Phân tích hiệu quả của cách xây dựng hình ảnh, sử dụng từ ngữ, biện pháp tu từ đối với việc thể hiện cảm hứng ấy.
6. Nhận xét về vai trò của vần và nhịp trong bài thơ.
7. Hãy chia sẻ cảm nhận về một cảnh đẹp khác trên đất nước ta mà bạn có dịp tìm hiểu qua sách báo hoặc đến thăm.



Chu Mạnh Trinh

Chu Mạnh Trinh (1862 – 1905), tự Cán Thần, hiệu Trúc Vân, người làng Phú Thị, huyện Đông Yên, nay là huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Ông đỗ Tiến sĩ năm 1892, làm quan đến chức Án sát. Năm 1903, ông từ quan về quê.

Ông là người thạo cầm, kì, thi, hoạ, am hiểu nghệ thuật kiến trúc, đã vẽ kiểu chùa Thiên Trù (Hương Sơn) khi trùng tu. Ông đoạt giải nhất thơ Nôm trong cuộc thi vịnh Kiều năm 1905 tại Hưng Yên.

Hương Sơn phong cảnh được viết theo thể hát nói, một thể loại thơ ca dân tộc. Bài hát nói chính thể có 11 câu. Bố cục gồm ba phần:

– Khổ đầu: Mở lời (4 câu: câu 1 – câu 4).

– Khổ giữa: Nội dung bài hát nói (4 câu: câu 5 – câu 8).

– Khổ xếp: Phần kết bài (3 câu: câu 9 – câu 11).

Bài hát nói biến thể thì số khổ giữa có thể tăng (gọi là dôi khổ), hoặc giảm (gọi là thiếu khổ).

Trong bài hát nói, quy định về số tiếng, cách gieo vần và ngắt nhịp tương đối tự do.

VĂN BẢN 2

THƠ DUYÊN

Xuân Diệu

Trước khi đọc

1. Bạn hãy chia sẻ những cảm xúc đặc biệt, hoặc những quan sát, phát hiện thú vị của bản thân về thiên nhiên quanh ta.
2. Trong hình dung của bạn, bức tranh mùa thu có những hình ảnh, sắc màu, đường nét đặc trưng nào?

Đọc văn bản

Chiều mộng hoà thơ trên nhánh duyên,
Cây me ríu rít cặp chim chuyền.
Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá,
Thu đến – nơi nơi động tiếng huyền[1]. 1

Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoang nắng trở chiều;
Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn
Lần đầu rung động nỗi thương yêu.

Em bước điềm nhiên không vướng chân,
Anh đi lững đững chẳng theo gần
Vô tâm – nhưng giữa bài thơ dịu
Anh với em như một cặp vần.

Mây biếc về đâu bay gấp gấp
Con cò trên ruộng cánh phân vân 2
Chim nghe trời rộng giang thêm cánh
Hoa lạnh chiều thưa sương xuống dần.

Ai hay tuy lặng bước thu êm
Tuy chẳng băng nhân[2] gạ tỏ niềm
Trông thấy chiều hôm ngơ ngẩn vậy,
Lòng anh thôi đã cưới lòng em.

(In trong *Tuyển tập Xuân Diệu (thơ)*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 100 – 101)

Theo dõi

1 Lưu ý những từ ngữ chỉ mối quan hệ giữa các sự vật trong khổ 1. Đó là mối quan hệ như thế nào?

Suy luận

2 Trong khổ 4, cảnh vật có sự thay đổi như thế nào so với khổ 1, 2?

[1] *Tiếng huyền*: *huyền* là dây đàn; *tiếng huyền* là tiếng đàn.
[2] *Băng nhân*: người làm mai mối.

Chân trời sáng tạo

Sau khi đọc

1. Bạn hiểu thế nào về từ "duyên" trong nhan đề "Thơ duyên"?

2. Phân tích, so sánh tác dụng của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp,... trong việc gợi tả cảnh sắc thiên nhiên chiều thu ở khổ 1 và khổ 4.

3. Trước những sắc thái và thời khắc khác nhau của bức tranh thiên nhiên chiều thu, duyên tình giữa "anh" và "em" có sự thay đổi như thế nào theo các khổ thơ? Có thể trả lời dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Khổ thơ	Sắc thái thiên nhiên	Duyên tình "anh" – "em"
Khổ...		
Khổ...		
...		

4. Cảm xúc của "anh" / "em" trước thiên nhiên chiều thu giữ vai trò như thế nào trong việc hình thành, phát triển duyên tình gắn bó giữa "anh" và "em"?

5. Xác định chủ thể trữ tình và nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

6. Chỉ ra nét độc đáo trong cách cảm nhận và miêu tả thiên nhiên mùa thu của Xuân Diệu qua *Thơ duyên* (có thể so sánh với một vài bài thơ khác để làm rõ nét độc đáo ấy).



Xuân Diệu

Xuân Diệu (1916 – 1985), tên đầy đủ là Ngô Xuân Diệu, một trong những nhà thơ lớn của dân tộc. Quê nội ông ở làng Trảo Nha (nay thuộc xã Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Quê ngoại ông là vạn Gò Bồi, xã Tùng Giản, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Những miền đất này đều là nguồn nuôi dưỡng, ảnh hưởng mạnh mẽ đến hồn thơ ông. Xuân Diệu làm thơ khi còn rất trẻ, sớm nổi tiếng trong phong trào Thơ mới. Thơ ông dồi dào những rung động tươi mới, tràn trề tình yêu và niềm khát khao giao cảm với đời. *Thơ duyên* được in trong tập *Thơ thơ* (1933 – 1938), tập thơ đầu tay của tác giả.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

LỜI MÁ NĂM XƯA

(Trích)

Trần Bảo Định

Đọc văn bản

Ở quê tôi, trai gái đều thuộc lòng câu hò:

Chim thằng chài[1] có ngày mắc bẫy
Em cho anh hay anh hãy tránh xa
Mẹ cha không thể chịu hoà
Em đâu dám cãi để mà theo anh!

Mái không ấp trứng, không nuôi con. Con chào đời, tự thích nghi môi trường và rèn kĩ năng sống. Lúc trưởng thành, chúng nhìn nhau, tụ quần bảo vệ nhau và cứ thế tiếp tục trong cõi trần gian. Thằng chài chia sẻ con mồi nếu bạn tình hoặc đồng loại thiếu cái ăn. Nó nhường mặt nước ao hồ, sông rạch nhiều tôm cá cho những thằng chài già yếu bịnh tật.

Vậy mà, hồi nhỏ đám trẻ tụi tôi khoái rình bắn thằng chài đậu rình cá trên đầu bặp dừa nước bằng cái ná thun, đạn đất sét vo tròn. Thiệt là, chim rình cá, người rình chim... Có sự từ cái rình theo cuộc!

Tôi bị má đánh đòn khi bắn thằng chài rớt bến sông. "Sao con cướp đi sự sống của nó? Rồi, ai cướp sự sống của con?". Má bảo tôi ra bến vớt nó lên. Tôi rửa mặt và làm theo lời má. Thằng chài rớt khi nãy đã được hai thằng chài khác dùng mỏ quắp qua bên kia mé rạch. Nó gãy cánh không chết, nằm sải lai[2]. Tôi đem nó về nhà nuôi và trị thương. Đút cá nó không ăn, đút thứ gì cũng chẳng thèm. Tôi hối hận và bối rối. Mấy hôm, vết thương lành, thằng chài ốm nhom chỉ chớp cánh, không thể bay vì đuối sức. Tôi mang nó ra vườn để dưới gốc mận gần cầu nước.

Trời tinh mơ, buổi sáng nhà quê dịu và mát. Bầy thằng chài bu quanh bạn đút mồi, thấy nó ăn tôi bắt thèm theo. Nó vươn đôi cánh như vươn vai, hót mấy tiếng chắc là cảm ơn và chào tôi.

Gió rung nắng, hương hoa mận bay khắp vườn. Tôi tần ngần nhìn bầu trời xanh và ngẫm nghĩ, thằng chài chính cống "thú diện nhơn tâm[3]"!

Gần bảy mươi năm, từ lúc tôi dùng ná thun bắn thằng chài rớt bến sông; tôi không thể nào quên câu hỏi của má: "Sao con cướp đi sự sống của nó? Rồi, ai cướp sự sống của con?". Đồng thời, tận đáy lòng, tôi cũng không thể rút ra được sự hối hận và bối rối mỗi khi nhớ lại câu chuyện cũ.

(Trích *Tương hợp Phật tính dân gian và môi trường sinh thái*, in trong *Thương những ngày...*, Trần Bảo Định, tập truyện, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2020, tr. 170 – 172. Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt)

---

[1] *Chim thằng chài*: chim ăn cá, cỡ bằng sáo, mỏ đỏ, lông xanh, ngực nâu; còn gọi là chim bói cá.

[2] *Sải lai*: nằm dài, không muốn cử động tay chân.

[3] *Thú diện nhơn tâm*: mặt của loài cầm thú nhưng lòng dạ của con người.

Sau khi đọc

1. Tìm những từ ngữ, câu văn thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của nhân vật "tôi" khi kể lại "câu chuyện cũ" và cho biết nội dung bao quát của văn bản.
2. Theo bạn, trong câu chuyện trên, ai là người thực sự đã cứu sống chim thằng chài? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?
3. Việc lặp lại câu hỏi của người má: "Sao con cướp đi sự sống của nó? Rồi, ai cướp sự sống của con?" có ý nghĩa gì?
4. Từ nội dung "câu chuyện cũ" của nhân vật "tôi", bạn có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, loài vật?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm và sửa lỗi dùng từ trong các trường hợp sau:
   a. *Thời cơ đã chín mùi nhưng họ lại không biết nắm bắt.*
   b. *Nó không giấu giếm với ba mẹ chuyện gì.*
   c. *Ngày mai, lớp em sẽ đi thăm quan động Hương Tích.*
   d. *Những bài hát bất tử ấy sẽ còn lại mãi với thời gian.*
   đ. *Tôi rất thích bài "Thơ duyên" của Xuân Diệu vì bài "Thơ duyên" của Xuân Diệu rất hay.*
   e. *Tôi xin phiền Ban Giám hiệu xem xét và giải quyết vấn đề này giúp tôi.* (Trích *Đơn đề nghị*)
2. Lựa chọn từ ngữ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B.

A	B
đề xuất	đưa một người giữ chức vụ cao hơn
đề cử	trình bày ý kiến, nguyện vọng lên cấp trên
đề đạt	giới thiệu ra để lựa chọn mà bầu
đề bạt	đưa ra một ý kiến, giải pháp

3. Đặt câu với các từ sau để thấy rõ sự khác biệt về ý nghĩa của chúng:
   a. *Làm bộ, làm dáng, làm cao.*
   b. *Nhẹ nhàng, nhè nhẹ, nhẹ nhõm.*
   c. *Nho nhỏ, nhỏ nhoi, nhỏ nhen, nhỏ nhặt.*

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) thể hiện niềm giao cảm với thiên nhiên và con người, trong đó có sử dụng các từ ngữ gọi cảm xúc.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

NẮNG ĐÃ HANH RỒI

Vũ Quần Phương

Nắng đã vàng hanh như phấn bay
Đã nghe tiếng sếu vọng sông gày[1]
Trước sân mây trắng về đông lắm
Em ở xa nhà, em có hay.

Em có hình dung những mái tranh
Nắng lên khói ủ mộng yên lành
Vườn sau tre mía xôn xao lá
Anh chẳng là cây cũng trĩu cành

Em có cùng anh lên núi không
Có nghe thầm thĩ tiếng rừng thông
Nắng chiều ngả bóng thông in đất
Anh ngả vào đâu nỗi nhớ mong

Xuân sắp sang rồi, xuân sắp qua
Một năm năm tới, lại năm qua
Mà sao nắng cứ như tơ ấy
Rung tự trời cao xuống ngõ xa.

Chân trời sáng tạo

(In trong *Hoa trong cây, Những điều cùng đến, Vết thời gian*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014, tr. 33)

Hướng dẫn đọc

1. Thiên nhiên trong bài thơ được quan sát, miêu tả ở thời điểm nào? Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh thể hiện điều đó.
2. Bài thơ là lời của ai nói với ai? Điều đó có tác dụng thế nào trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình?
3. Nhận xét về cách gieo vần và tác dụng của cách gieo vần đó trong bài thơ.
4. Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh có tác dụng quan trọng trong việc thể hiện chủ đề và cảm hứng ấy.

[1] *Gày*: gầy (ốm).



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT BÀI THƠ

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một bài thơ: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ ấy.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

– Về nội dung:

• Xác định được chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề bài thơ.

• Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình, kết cấu, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...

– Về kĩ năng:

• Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về bài thơ.

• Có bằng chứng tin cậy từ bài thơ.

• Diễn đạt mạch lạc, sử dụng được các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.

• Bố cục bài viết gồm 3 phần:

Mở bài: giới thiệu bài thơ và tác giả; nêu nhận xét khái quát về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

Thân bài: lần lượt phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

Kết bài: khẳng định lại giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ; tác động của bài thơ đối với bản thân hoặc cảm nghĩ về tác phẩm.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Sức gợi tả của hình ảnh trong bài thơ *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến)[1]

Mở đầu bài thơ, tác giả đã cho thấy một cảnh câu cá với ao thu và thuyền câu.[1a]

Chiếc thuyền bé tẻo teo làm cho ao trở nên rộng:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo

[1a], [1b], [1c]: Giới thiệu và trích dẫn lần lượt từng cặp câu thơ để phân tích, đánh giá.

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Nhưng cái đáng chú ý trong cảnh này là không khí "lạnh lẽo" của mùa thu và làn nước "trong veo", gợi ra một khung cảnh thật tinh khiết [2a]. Cả ao và thuyền như chỉ gợi ra cảnh câu cá, đúng hơn là một biểu trưng câu cá, tưởng như cảnh câu cá xinh xắn giữa một hòn non bộ nào [2b]. Nghĩa là nước trong, thuyền bé, gợi ra một cái thú chơi thanh tao, thoát tục, chứ không phải cuộc làm ăn kiếm lợi của ngư ông. [2c]

Phong cảnh ao thu thật tươi tắn và yên tĩnh: [1b]

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo

Hai câu thơ dùng nét động để miêu tả cảnh tĩnh. [1c]

"Sóng biếc" tương phản với "lá vàng" làm cho màu sắc sáng tươi, nổi bật, mĩ lệ.

Nhưng đáng chú ý hơn là không khí vắng lặng ngự trị cả không gian.[3a] Sóng biếc theo làn gió nhẹ chỉ hơi gợn một tí, một cái gợn rất mơ hồ, phải chú ý lắm mới thấy rõ. Có lẽ do thuyền câu bất động. Còn chiếc lá vàng rơi vừa khẽ, vừa nhanh ("khẽ đưa vèo"), không gây được một xao động nhỏ nào trong cái tĩnh mịch chung quanh. [3b]

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo

"Tầng mây lơ lửng" ở giữa trời, chứng tỏ trời trong xanh, yên tĩnh cao vút thăm thẳm như mở ra chiều cao sâu vô tận. [4a] "Ngõ trúc quanh co", chứng tỏ ngõ dài, uốn khúc, có chiều sâu, và vẫn "vắng teo". Cả hai chiều không gian cao, rộng đều vắng lặng hầu như tuyệt đối. [4b]

"Khách" là người khác, đối lại với chủ. "Khách vắng teo" là biểu trưng cho khung cảnh thanh tao, thoát tục như trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm: "Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ. Người khôn, người đến chốn lao xao". "Khách vắng teo" chứng tỏ ông câu cá hình như hoàn toàn làm chủ khung cảnh nên thơ, vắng lặng của mình. [4c] [...]

(Trần Đình Sử, *Thu điếu* (trích), in trong *Đọc văn học văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr.172)

[2a], [2b], [2c]: Phân tích, đánh giá nét đặc sắc của hình ảnh trong hai câu *đề*.

[3a], [3b]: Phân tích, đánh giá cách miêu tả hình ảnh: dùng "động" tả "tĩnh" trong hai câu *thực*.

[4a], [4b]: Phân tích, đánh giá các hình ảnh gợi mở không gian cao rộng, thanh vắng ở hai câu *luận*.

[4c]: Liên hệ, so sánh làm rõ thêm sức gợi tả của hình ảnh.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài, trả lời các câu hỏi sau:

1. Ngữ liệu trên có phải là một bài viết hoàn chỉnh không? Căn cứ vào đâu để nhận định như vậy?
2. Nội dung phân tích, đánh giá được trình bày theo cách tách riêng chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật hay kết hợp hai nội dung? Cách trình bày như vậy có ưu điểm gì?
3. Xác định các ý chính được trình bày trong ngữ liệu.
4. Để làm sáng tỏ sức gợi tả của hình ảnh trong bài thơ *Thu điếu*, tác giả đã dùng những dẫn chứng, lí lẽ nào?
5. Việc đánh giá chủ đề và hình thức nghệ thuật có xuất phát từ đặc trưng thể loại của tác phẩm không?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về chủ đề và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một bài thơ (thơ lục bát, thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt).

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc

Nên chọn phân tích, đánh giá bài thơ đáp ứng những tiêu chí như:

- Được bản thân và nhiều bạn khác yêu thích.
- Có chủ đề và những điểm đặc sắc về hình thức nghệ thuật dễ nhận thấy.
- Có độ dài phù hợp.

Trả lời các câu hỏi sau để xác định mục đích viết, người đọc: *Việc viết văn bản này nhằm mục đích gì? Ai sẽ là người đọc văn bản?*

Thu thập tư liệu

Phạm vi lựa chọn của bạn khá rộng. Đó có thể là:

- Một bài ca dao.
- Một bài thơ bát cú, một bài thơ tứ tuyệt (hay thơ bốn câu).

Bạn cần quyết định chọn một bài thơ, đoạn thơ trong các trường hợp trên làm đối tượng phân tích đánh giá, đồng thời tìm đọc một số bài viết liên quan.

Khi đọc tư liệu, bạn cần:

- Ghi chép, đánh dấu những ý kiến nhận xét, đánh giá liên quan đến văn bản mình sẽ phân tích.
- Xem xét các ý kiến đã đề cập đến những phương diện nào, chưa đề cập phương diện nào của văn bản thơ mà bạn sẽ phân tích? Bản thân mình đồng tình với ý kiến nào hoặc có ý kiến khác không?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

- Trả lời các câu hỏi:

– Bài thơ đề cập đến vấn đề gì? Tác giả đề cập đến vấn đề đó với thái độ, tình cảm như thế nào?

– Đưa ra một số dẫn chứng quan trọng (trích dẫn từ bài thơ) có thể minh hoạ cho các ý tưởng.

- Khi tìm ý cho việc phân tích, đánh giá chủ đề của một bài thơ, bạn cần đặt và trả lời các câu hỏi: *Chủ đề của bài thơ này là gì? Chủ đề đó có gì sâu sắc, mới mẻ? Chủ đề đó bao gồm các khía cạnh nào?,...*

Chân trời sáng tạo

• Khi tìm ý cho việc phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một bài thơ, bạn cần đặt và trả lời các câu hỏi phù hợp với đặc trưng thể loại của bài thơ ấy. Các câu hỏi có thể là: *Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào, thể thơ ấy có những điểm gì đáng lưu ý? Các yếu tố hình thức như vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, kết cấu bài thơ có gì đặc sắc và đã góp phần thể hiện chủ đề như thế nào?*

Lập dàn ý

Xây dựng hệ thống luận điểm bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm; lần lượt chi tiết hoá từng luận điểm.

Chẳng hạn, nếu chọn phân tích bài thơ *Cảnh khuya* (Hồ Chí Minh), thân bài có thể triển khai:

1. Nét đặc sắc về chủ đề của bài thơ *Cảnh khuya:* Kết hợp hài hoà tình yêu thiên nhiên với trách nhiệm của vị lãnh tụ kháng chiến. (Lí lẽ và bằng chứng)

2. Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ *Cảnh khuya:* Bố cục chặt chẽ, ngôn ngữ hàm súc, bút pháp gợi tả, so sánh độc đáo. (Lí lẽ và bằng chứng)

Một ví dụ khác: Trong ngữ liệu tham khảo, khi phân tích, đánh giá *Sức gợi tả của hình ảnh trong bài "Thu điếu"*, luận điểm (lí lẽ và bằng chứng) được tác giả sắp xếp như sau:

1. Ấn tượng về không gian "trong" và "lạnh" từ các hình ảnh: ao thu, mặt nước, thuyền câu (ở hai câu đề).

2. Ấn tượng về không gian tĩnh lặng từ các hình ảnh: "sóng biếc", "lá vàng".

3. Ấn tượng về không gian cao rộng, thanh vắng từ các hình ảnh "tầng mây", "ngõ trúc"; các tính từ "lo lửng ... xanh ngắt", "vắng teo",...

Bước 3: Viết bài

• Cách thức tiến hành viết bài như đã thực hiện khi viết bài nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể (Bài 1).

• Tập trung phân tích, đánh giá sức biểu cảm của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong bài thơ.

• Nêu rõ ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về những nét đặc sắc của tác phẩm.

• Làm sáng tỏ các ý kiến nhận xét, đánh giá về chủ đề và nghệ thuật bằng việc trích dẫn các hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Đọc lại bài viết và tự đánh giá theo bảng kiểm.

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu bài thơ (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).		
	Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.		
Thân bài	Xác định chủ đề của bài thơ.		
	Phân tích, đánh giá chủ đề của bài thơ.		
	Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ.		
	Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ.		
	Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về bài thơ.		
	Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
Kết bài	Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của bài thơ.		
	Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức bài thơ.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm (lí lẽ và bằng chứng) hợp lí.		
	Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng đúng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng được các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ.		



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT BÀI THƠ

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài: Đề tài của bài nói là bài thơ mà bạn chọn để giới thiệu. Bạn có thể sử dụng bài thơ mình đã thực hiện bài viết. Nếu chọn bài thơ khác, bạn sử dụng tiêu chí lựa chọn như với bài viết.

Việc xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói; tìm ý, lập dàn ý và luyện tập: bạn có thể thực hiện như đã tiến hành khi giới thiệu một truyện kể (Bài 1).

Bước 2: Trình bày bài nói

Bạn thực hiện bước này như khi trình bày bài nói giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một truyện kể. Nhưng lưu ý:

- Thể hiện được cảm nhận riêng của mình về bài thơ.
- Giọng đọc, giọng nói cần truyền cảm, nhất là khi đọc bài thơ và các trích dẫn thơ.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi: Khi trao đổi với người nghe, bạn cần:

- Lắng nghe với thái độ cầu thị và ghi chép tóm lược ý kiến, những vấn đề cần trao đổi thêm.
- Dành thời gian phù hợp để trao đổi những nội dung cần thiết.

Đánh giá: Trong vai trò người nói cũng như vai trò người nghe, bạn có thể đánh giá phần trình bày dựa vào bảng kiểm dưới đây.

Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một bài thơ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu (nếu cần).		
	Giới thiệu bài thơ: tên tác phẩm, thể loại, tác giả (nếu có).		
	Nêu khái quát nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính).		
Nội dung chính	Trình bày ý kiến đánh giá về nội dung của bài thơ.		
	Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của bài thơ.		

	Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.		
	Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận của người nói về bài thơ.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ bài thơ.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung trình bày về bài thơ.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

ÔN TẬP

1. Điền thông tin phù hợp vào bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Chủ đề	Hình thức nghệ thuật đặc sắc
Hương Sơn phong cảnh		
Thơ duyên		
Lời má năm xưa		
Nắng đã hanh rồi		

2. Xác định dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình ở mỗi bài thơ trong bài học này.
3. Từ việc đọc hiểu các văn bản thơ trong bài học này, bạn rút ra được những lưu ý gì trong cách đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình?
4. Hãy rút ra những điều cần lưu ý khi:
   – Viết bài văn phân tích, đánh giá một bài thơ.
   – Giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ.
5. Viết bài văn phân tích, đánh giá tình cảm của tác giả với thiên nhiên trong một bài thơ bạn đã đọc.

Chân trời sáng tạo

BÀI 4

NHỮNG DI SẢN VĂN HOÁ

(VĂN BẢN THÔNG TIN)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó vào văn bản.
- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được mục đích của người viết.
- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản một cách sinh động, hiệu quả; phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin; nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân.
- Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, chú thích và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.
- Biết thuyết trình kết quả nghiên cứu có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- Trân trọng giữ gìn, phát huy các di sản văn hoá của quê hương, đất nước.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản thông tin tổng hợp là một dạng của văn bản báo chí được viết theo lối tổng hợp nhiều thông tin, nhiều phương thức giao tiếp. Tiêu biểu cho dạng này là văn bản thuyết minh có lồng ghép các yếu tố như *miêu tả, tự sự, biểu cảm*,... Mục đích của việc lồng ghép các yếu tố như trên nhằm giúp việc truyền tải thông tin của văn bản thêm sinh động, hiệu quả hơn.

Bản tin là thể loại cơ bản của văn bản báo chí nhằm truyền đạt, phản ánh về một sự kiện mới xảy ra được công chúng quan tâm. Bản tin có chức năng thông báo sự kiện một cách nhanh và ngắn gọn trên báo chí, đặc biệt là báo giấy, báo điện tử, đài phát thanh và đài truyền hình. Bản tin có nhiều loại *bản tin ảnh, bản tin chữ*. Riêng bản tin chữ lại có *tin vắn, tin thường, tin tường thuật, tin tổng hợp, tin dự báo,...* mà với mỗi dạng có thể thức riêng. Chẳng hạn: *Tin vắn* là tin không có đầu đề, dài dưới 100 chữ. *Tin thường* thì có đầu đề và độ dài từ 100 đến 350 chữ,...

Chất lượng của bản tin thể hiện ở tính thời sự, xác thực, hàm súc,...

Quan điểm của người viết: Người viết bản tin phải bảo đảm tính khách quan, chuẩn xác trong việc đưa tin, nhưng khi cần cũng thể hiện rõ lập trường nhân văn, bảo vệ đạo lí và thuần phong mĩ tục, tôn trọng pháp luật, khẳng định, biểu dương cái thiện, phủ định, phê phán cái ác,...

Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là những hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,... góp phần chuyển tải ý tưởng, quan điểm trong giao tiếp. Đây là phương tiện thường được sử dụng kết hợp với phương tiện ngôn ngữ trong văn bản thông tin tổng hợp, giúp thông tin được truyền tải hiệu quả, sinh động hơn.

Việc sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ cần đáp ứng được yêu cầu:

- Lựa chọn hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,... liên quan trực tiếp đến các luận điểm của bài viết.
- Sử dụng các phương tiện này đúng thời điểm.
- Đưa ra các chỉ dẫn cần thiết.
- Chú thích cho các hình ảnh, sơ đồ,... trong bài viết: giải thích rõ về vị trí, ý nghĩa của hình ảnh, sơ đồ; nêu nguồn dẫn (nếu là dẫn lại từ nguồn khác, bài khác).



ĐỌC

Trên đất nước chúng ta, mỗi vùng miền, dù là nông thôn hay thành thị, đều có những truyền thống văn hoá giàu giá trị nhân văn và thực tiễn. Điều đáng lo ngại là hiện nay, không ít di sản văn hoá lâu đời và quý giá ấy đang có nguy cơ xuống cấp, mai một dần đi. Trước tình hình ấy, chúng ta cần có giải pháp khắc phục thế nào?

Qua việc đọc hiểu một số văn bản thông tin trong bài học này, bạn sẽ hiểu và ý thức hơn trong việc giữ gìn, phát huy những di sản văn hoá của quê hương mình.

VĂN BẢN 1

TRANH ĐÔNG HỒ – NÉT TINH HOA CỦA VĂN HOÁ DÂN GIAN VIỆT NAM



Hình 1: *Trâu sen* (bản khắc)

Trước khi đọc

1. Theo bạn, thế nào là một di sản văn hoá? Hãy nói về giá trị một di sản văn hoá của địa phương hoặc đất nước mình mà bạn quan tâm.
2. Đã bao giờ bạn xem tranh Đông Hồ và tìm hiểu về cách thức, quá trình chế tác nên những bức tranh ấy chưa? Kể tên một số bức tranh và chia sẻ những điều bạn biết với bạn cùng nhóm.

Đọc văn bản

Tranh dân gian Đông Hồ hấp dẫn người xem ở màu sắc, bố cục, khuôn hình với các chất liệu hoàn toàn tự nhiên. Vẻ đẹp của tranh Đông Hồ gần gũi, ấm áp nhưng cũng rất độc đáo. Đó là một di sản quý giá cần được gìn giữ, phát huy. 1

Theo dõi

1 Đoạn văn in nghiêng này có vai trò thế nào đối với việc truyền tải thông tin chính của văn bản?

1. Đề tài dân dã, hình tượng sinh động, ngộ nghĩnh



Hình 2: *Lợn đàn*

Từ những hình ảnh mộc mạc, bình dị của làng quê như gà, lợn, trâu, bò, tôm, cá,... các nghệ nhân Đông Hồ đã vẽ nên những bức tranh ngộ nghĩnh, tràn đầy sức sống và gửi gắm nhiều ước mong. Khi vào tranh, gà thì thành *Gà đại cát*, *Gà thư hùng*[1]; trâu thành *Trâu sen*[2], lợn thành *Lợn đàn*[3], *Lợn độc*[4]; em bé âu yếm, đùa nghịch với con gà, con tôm thì thành các hình tượng *Bé ôm gà*[5], *Bé ôm tôm*[6],... Những mặt trái, những góc khuất của đời sống nông thôn vào tranh trở thành những câu chuyện hài hước được kể bằng đường nét màu sắc trong *Đám cưới chuột*, *Trạng chuột vinh quy*, *Thầy đồ Cóc*, *Truyện Trê – Cóc*, *Hứng dừa*, *Đánh ghen*[7],...

---

[1] *Gà đại cát, Gà thư hùng*: Hai bức tranh gà Đông Hồ. Tranh *Gà đại cát*: vẽ một chú gà trống tốt mã, biểu trưng cho điều tốt đẹp, may mắn (*đại*: rất, lớn; *cát*: tốt lành); tranh *Gà thư hùng* mô tả gia đình nhà gà quây quần, no đủ với lời đề tựa: "No vợ đủ chồng, họ nhà tông không giống lông cũng giống cánh".

[2] *Trâu sen*: tên khác: *Chăn trâu thổi sáo*.

[3] *Lợn đàn*: tên khác: *Đàn lợn âm dương*.

[4] *Lợn độc*: tranh mô tả một chú lợn đứng trước chiếc máng ăn mập mạp, giống tốt với những chiếc khoáy âm dương nổi bật.

[5] *Bé ôm gà*: còn có tên *Vinh Hoa*, tranh mô tả một em bé bụ bẫm, hồng hào hai tay ôm con gà trống.

[6] *Bé ôm tôm*: tranh mô tả một em bé bụ bẫm, hồng hào, chân khoanh tròn, hai tay ôm một con tôm lớn.

[7] *Đám cưới chuột, Trạng chuột vinh quy, Thầy đồ Cóc, Truyện Trê – Cóc, Hứng dừa, Đánh ghen*: tên các bức tranh Đông Hồ.

2. Chất liệu tự nhiên, sắc màu bình dị, ấm áp

Phong vị dân gian của tranh Đông Hồ thấm nhuần trong ý tưởng, cảm hứng nghệ thuật, đường nét, bố cục cũng như chất liệu giấy, màu sắc, quá trình chế tác,...

Giấy in tranh Đông Hồ được gọi là giấy điệp: vỏ con điệp (sò biển) được nghiền nát, trộn với hồ[1] rồi dùng chổi lá thông quét lên mặt giấy dó. Màu sắc sử dụng trong tranh là màu tự nhiên lấy từ cây có: màu đen từ than xoan hay than lá tre; màu xanh từ gỉ đồng, lá chàm; màu vàng từ hoa hoè; màu đỏ từ sỏi son, gỗ vang,... Bốn gam màu cơ bản này tương ứng với một bộ thường gồm bốn bản khắc gỗ để in tranh Đông Hồ. 2

Đọc lướt

2 Trong số những màu sắc được nhắc tới ở đoạn này, tranh "Lợn đàn" đã sử dụng những màu sắc nào?

3. Chế tác khéo léo, công phu



Hình 3: *Đám cưới chuột*

Các nghệ nhân đã lấy đề tài và ý tưởng ngay trong cuộc sống hằng ngày hoặc từ các truyện dân gian (truyện cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười,...) để vẽ mẫu. Khi đã hoàn chỉnh bản thảo, người sáng tác can lại rõ ràng, mạch lạc từng nét, từng bảng màu bằng mực nho lên giấy bản mỏng và sắp xếp đưa vào bản khắc gỗ. Mỗi màu được tách riêng thành một bản khắc, một tranh có bao nhiêu màu là có bấy nhiêu bản khắc.

Khi in, người làm tranh đặt cả xấp giấy in thành từng chồng trước mặt, tay phải cầm "tay co"[2] đóng sau lưng ván in, úp ván xuống "bìa" đã quét đẫm màu, được làm theo kiểu hộp mực dấu để lấy màu vào bản khắc, rồi úp mặt ván khắc đã thấm màu đó lên mặt giấy như cách đóng triện, xong lật ngửa ván khắc lên, tờ giấy đã dính vào ván khắc vì màu được pha bằng hồ nếp đặc quánh.

---

[1] *Hồ*: chất dính nấu bằng bột và nước. Hồ có nhiều loại như hồ trộn bột điệp được nấu từ bột gạo tẻ hoặc gạo nếp, có khi nấu bằng bột sắn; hồ dùng để quét nền tranh thường được nấu loãng từ bột gạo tẻ hoặc bột sắn, hồ nấu từ bột nếp thường dùng để dán.

[2] *Tay co*: cán dùng để cầm ván khắc khi in.

Thợ in lấy xơ mướp xoa đều lưng mặt giấy để mực màu thấm đều mặt giấy, sau đó nhẹ nhàng bóc tờ giấy khỏi ván in, sẽ được một lần in. Tranh bao nhiêu màu, in bấy nhiêu lần. 3

Theo dõi

3 Tóm tắt các công đoạn chính để làm nên một bức tranh Đông Hồ.

4. Rộn ràng tranh Tết

Cứ khoảng tháng 7, tháng 8 hằng năm, là cả làng đã tất bật để chuẩn bị cho mùa tranh Tết, khắp làng rực rỡ sắc màu của giấy điệp, không một mảnh đất trống nào không được người dân làng Hồ tận dụng để phơi giấy: từ sân nhà, sân đình, ven các ngõ xóm, đường làng, dọc theo triền đê cho đến các nóc nhà, nóc bếp,... Mỗi năm một lần, chợ tranh họp vào tháng Chạp trong các ngày 6, 11, 16, 21, 26. Chợ tranh đông vui, sầm uất được tổ chức ngay trong đình làng. Người buôn tranh mua ở chợ và còn vào từng gia đình đặt và chọn mua. Họ mang cả những đặc sản địa phương tới bán và đổi tranh. Người dân thôn quê mua tranh về dán trên tường, hết năm lại lột bỏ, dùng tranh mới.

5. Lưu giữ và phục chế

Làng tranh Đông Hồ từng có một thời cực thịnh: vào khoảng cuối thế kỉ XIX đến những năm 40 của thế kỉ XX. Tuy nhiên, xu thế thương mại hoá thời kinh tế thị trường gần đây đặt dòng tranh Đông Hồ cũng như các dòng tranh dân gian khác trước nguy cơ mai một, thất truyền. Rất may là ở Đông Hồ, còn có những nghệ nhân, những dòng họ vẫn giàu tâm huyết[1] với nghề. Họ đã cố gắng vượt qua nhiều khó khăn, chật vật của đời sống thường ngày để duy trì, nuôi dưỡng nghề tranh mà bao thế hệ đã góp công gây dựng. Đặc biệt, việc kịp thời thu mua lại, lưu giữ cả trăm bản khắc cổ, đồng thời phục chế hàng trăm bản khắc gỗ khác,... là một trong những cách đầu tiên và hiệu quả để cứu nghề tranh Đông Hồ. 4

Theo dõi

4 Đoạn cuối này hé mở thêm điều gì trong quan điểm và cách đưa tin của người viết?

(Nhóm biên soạn tổng hợp từ *Tranh dân gian Đông Hồ – Đông Hồ Folk Paintings* của An Chương, NXB Mĩ thuật, 2010, tr. 13 – 22, và *Tranh Đông Hồ – Nét tinh hoa văn hoá dân gian Việt Nam* của Khánh An, http://thinhvuongvietnam.com/Content tranh-dong-ho--net-tinh-hoa-van-hoa-dan-gian-viet-nam-521022)

Sau khi đọc

1. Hãy chỉ ra các công đoạn chính của quá trình chế tác một bức tranh Đông Hồ được nêu trong văn bản.
2. Xác định đề tài của văn bản trên. Chỉ ra một số đoạn, mục có lồng ghép yếu tố miêu tả hoặc biểu cảm trong văn bản và nêu mục đích của việc lồng ghép ấy.

[1] Theo PGS. Chu Quang Trứ, trong bài *Đông Hồ, làng tranh, làng mã*, hiện ở Đông Hồ có nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế, dòng họ Nguyễn Đăng, nghệ nhân Trần Nhật Tuấn là hai trong các nghệ nhân, vẫn giữ tâm huyết với nghề tổ tranh Đông Hồ.

3. Theo bạn, nội dung của các mục 1, 2, 3 của văn bản trên đã bổ sung thông tin cho nhau và góp phần thể hiện thông tin chính của văn bản như thế nào?

4. Nhan đề, sa-pô, đề mục có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện thông tin chính trong văn bản trên?

5. Xác định mục đích viết và quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản trên. Bạn có đồng tình với quan điểm đó hay không? Vì sao?

6. Kể tên một số di sản văn hoá ở địa phương và phát biểu suy nghĩ của bạn về việc bảo tồn, phát huy các di sản ấy.

VĂN BẢN 2, 3

✓ Trước khi đọc

Tin tức cần cho cuộc sống và công việc của mọi người như thế nào? Một bản tin có gì khác với một văn bản thuyết minh?

✓ Đọc văn bản

NHÀ HÁT CẢI LƯƠNG TRẦN HỮU TRANG KHÁNH THÀNH PHÒNG TRUYỀN THỐNG



Hình: *Một góc trưng bày của Phòng truyền thống Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang*
(Nguồn: https://www.hcmcpv.org.vn/)

1. Hoạt động thiết thực

(Thanhuytphcm.vn) – Ngày 29-4, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang đã tổ chức khánh thành Phòng truyền thống (giai đoạn 1) giới thiệu những hình ảnh, hiện vật, tư liệu quý về quá trình hình thành và hoạt động của Nhà hát. Đây là hoạt động thiết thực chào mừng 46 năm ngày thống nhất đất nước (30-4-1975 – 30-4-2021), kỉ niệm 135 năm ngày Quốc tế lao động (1-5-1886 – 1-5-2021).

2. Bề dày truyền thống

Phòng truyền thống nằm bên phải sảnh Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang, trưng bày hơn 200 bức ảnh và nhiều hiện vật quý được các nghệ sĩ Đoàn Cải lương Nam Bộ và Đoàn Văn công Giải phóng (tiền thân của Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang) trao tặng. Trong đó, nổi bật là các kịch bản được viết tay và đánh máy của các vở diễn: *Hồn chinh phụ, Yêu trên xóm biển, Lá ngọc cành vàng, Tô Ánh Nguyệt, Đời cô Lựu, Mộng hoa vương,...*; cùng các huy chương, nhạc cụ, các tập sách giá trị về nghệ thuật cải lương. Đặc biệt là kịch bản viết tay của cố soạn giả Trần Hữu Trang do con trai ông, tác giả Việt Thường, trao tặng và các bộ phục trang của nghệ sĩ Đoàn cải lương Nam Bộ trên đất Bắc trao tặng. Ở phía ngoài là không gian mở trưng bày các tiểu cảnh, hiện vật giới thiệu về nghệ thuật cải lương, cũng là không gian tổ chức các chương trình giao lưu, kết nối nghệ sĩ – khán giả, giao lưu giữa các thế hệ nghệ sĩ.

3. Chương trình giao lưu

Sau lễ khánh thành, đã diễn ra chương trình giao lưu "Kí ức không quên" giữa Đoàn Cải lương Nam Bộ, Đoàn Văn công Giải phóng và Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang.

(Theo Ngọc Tuyết, *Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*, Trang tin điện tử Thành phố Hồ Chí Minh, https://www.hcmcpv.org.vn/, ngày 29-4-2021)

THÊM MỘT BẢN DỊCH "TRUYỆN KIỀU" SANG TIẾNG NHẬT

Ngày 17-3-2005 vừa qua, tại thành phố Ô-ka-y-a-ma (Okayama), Nhật Bản, ông Sây-ghi Sa-tô (Sagi Sato) và nữ thi sĩ Y-ô-si-cô Ku-rô-da (Yoshiko Kuroda), đồng dịch giả, tổ chức giới thiệu quyển *Truyện Kiều* của Việt Nam đã được ông, bà dịch sang tiếng Nhật. Gần một trăm vị khách, gồm các quan chức, đại diện các cơ quan văn hoá, văn nghệ sĩ, nhà báo, bạn đọc Nhật Bản và thực tập sinh, lưu học sinh Việt Nam đã đến dự. Đại diện của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản đã giới thiệu với độc giả về thân thế, sự nghiệp văn học của thi hào Nguyễn Du và chúc mừng thành công của hai dịch giả người Nhật. Đây là lần thứ tư *Truyện Kiều* được các dịch giả Nhật Bản dịch sang tiếng Nhật từ các bản tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh.

(Theo Báo *Văn nghệ*, ngày 15-5-2005)

Sau khi đọc

1. Những dấu hiệu nào trong mỗi văn bản trên giúp bạn nhận biết đó là những bản tin?

2. Hoàn thành bảng so sánh dưới đây (làm vào vở), chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt (nếu có) giữa văn bản 2 và văn bản 3.

So sánh các yếu tố được sử dụng trong văn bản 2 và văn bản 3

Yếu tố so sánh	Văn bản 2	Văn bản 3	Tương đồng/ khác biệt
Độ dài, số đoạn			
Nhan đề			
Đề mục			
Phương tiện giao tiếp			
Thời điểm đưa tin và thời điểm diễn ra sự kiện			

3. Xác định thông tin theo các câu hỏi mà người viết đặt ra khi viết bản tin và hoàn thành bảng dưới đây (làm vào vở):

Các câu hỏi	Thông tin trong văn bản 2	Thông tin trong văn bản 3
Việc gì?		
Ai liên quan?		
Xảy ra khi nào?		
Xảy ra ở đâu?		

4. Nhận xét về cách đưa tin và sự thể hiện quan điểm của người viết trong mỗi văn bản trên.

5. Theo bạn, mỗi bản tin trên đây, ở vào thời điểm ra đời của nó, đã đáp ứng được các yêu cầu về tính mới, tính chính xác, tin cậy và tính hàm súc,... như thế nào?

6. Nêu một số điểm khác biệt mà theo bạn là đáng lưu ý trong cách đọc một bản tin so với cách đọc một văn bản thông tin tổng hợp có lồng ghép nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm,...

Chân trời sáng tạo

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

LÍ NGỰA Ô[1] Ở HAI VÙNG ĐẤT[2]

(Trích)

Phạm Ngọc Cảnh

Đọc văn bản

Anh lớn lên vó ngựa cuốn về đâu
gặp câu hát bền lòng giong ruổi[3] mãi
đường đánh giặc trẩy xuôi về bến bãi
Lí ngựa ô em hát đợi bên cầu.
Hoá vô tận bao điều mơ tưởng ấy
bao câu hát ông cha mình gởi lại
sao em thương câu lí ngựa ô này
sao anh nghe đến lần nào cũng vậy
sao chỉ thấy riêng mình em đứng đấy
chỉ riêng mình em hát với anh đây.

Làng anh ở ven sông
sắp vào tháng Tư,
mắt tình tứ rủ nhau về hội Gióng
mùi hương xông nụ cười lên nhẹ bẫng
ai cũng ngỡ mình đang đi trong mây
ai chẳng tin mình đang giong ngựa sắt
cả một vùng sông ai chẳng hát
sao không nghe câu lí ngựa ô này.

Thế mà bên em
móng ngựa gõ mê say
qua phá[4] rộng duềnh doàng lên dọn sóng
qua truông[5] rậm đến bây giờ anh buộc võng
gặp mối dây buộc ngựa gốc lim già
suốt miền Trung sông suối dày tơ nhện
suốt miền Trung núi choài ra biển
nên gập ghềnh câu lí ngựa ô qua.
[...]

Chân trời sáng tạo

---

[1] *Lí ngựa ô*: *lí*: một làn điệu dân ca phổ biến ở ba miền đất nước, đặc biệt phát triển ở Trung và Nam Bộ, thường mô tả những sự việc gắn với phong tục lâu đời, sinh hoạt vui tươi trong xã hội truyền thống, qua đó, thể hiện tình cảm, mơ ước của người bình dân. *Lí ngựa ô:* một điệu lí dùng biểu tượng ngựa ô để thể hiện tình yêu đôi lứa, tục cưới hỏi, rước dâu, khát vọng hạnh phúc.

[2] *Hai vùng đất*: ở đây hiểu là miền Bắc và miền Nam, trong hoàn cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt, khi có chiến tranh.

[3] *Giong ruổi*: rong ruổi.

[4] *Phá*: vùng nước mặn có dải đất, cát ngăn cách với biển, thông ra biển bởi một dòng nước hẹp. Ví dụ: phá Tam Giang (Thừa Thiên Huế).

[5] *Truông*: vùng đất hoang rộng, có nhiều cây cỏ. Ví dụ: truông Nhà Hồ (Quảng Bình).

Hay vì làng anh ở ven sông
những năm gần đây tháng Tư vào hội Gióng
đã hát quen lí ngựa ô rồi
khen câu miền Trung qua truông dài phá rộng
móng gõ mặt thời gian gõ trống
khen câu miền Nam như giục như mời
ngựa tung bờm bay qua biển lúa
ngựa ghìm cương nơi sông xoè chín cửa
tiếng hí chào xa khơi...
Hay em biết quê anh ngoài đó
câu hát bắc cầu qua một thời Quan họ[1]
câu hát xui nhau nên vợ nên chồng
lí ngựa ô này hát theo đường đánh giặc
có điều gì như thế ẩn vào trong!
[...]

1976

(In trong *Thơ miền Trung thế kỉ XX*, NXB Đà Nẵng, 1995, tr. 359 – 361)

Sau khi đọc

1. Văn bản cho thấy, trong cảm nhận của chủ thể trữ tình, những câu *Lí ngựa ô* hát ở "làng anh" và hát ở "bên em" khác nhau như thế nào?
2. Tìm trong văn bản một số chi tiết cho thấy có sự gặp gỡ, hoà hợp giữa những câu *Lí ngựa ô* hát "ở hai vùng đất" vốn có người hát khác nhau, không gian hát và âm điệu khác nhau.
3. Đọc *Lí ngựa ô ở hai vùng đất* (Phạm Ngọc Cảnh), bạn hiểu thêm điều gì về vẻ đẹp và sức sống của những câu lí, câu hò và của ca dao, dân ca nói chung?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Theo bạn, nếu văn bản *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam* chỉ có lời thuyết minh, không có tranh minh hoạ thì việc truyền tải các thông tin cơ bản của văn bản sẽ gặp những khó khăn gì? Vì sao?
2. a. Liệt kê tên các bức ảnh và nội dung minh hoạ (nếu có) trong văn bản *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam* theo trình tự các đề mục trong bảng sau (làm vào vở):

[1] *Quan họ*: tên làn điệu dân ca trữ tình của vùng châu thổ sông Hồng, tiêu biểu là Bắc Ninh, Bắc Giang.

TT	Đề mục	Hình minh hoạ (số)	Lời ghi chú trong hình
1	*Đề tài dân dã, hình tượng sinh động, ngộ nghĩnh*		
2	*Sắc màu bình dị, ấm áp*		
3	*Chế tác khéo léo, công phu*		
4	*Rộn ràng tranh Tết*		
5	*Lưu giữ và phục chế*		

b. Các mục 4 và 5 chưa có hình minh hoạ. Nếu được sử dụng hình bên phải (Hình 1), em sẽ dùng để minh hoạ cho mục 4 hay mục 5? Giải thích lí do.



Hình 1: *Em bé ôm gà* (*Vinh Hoa*)
(Dẫn theo Khánh An, Nhân dân điện tử, http://thinhvuongvietnam.com/Content/tranh-dong-ho---net-tinh-hoa-van-hoa-dan-gian-viet-nam-521022)

3. Dưới đây là ảnh chụp 4 tấm ván khắc với 4 màu khác nhau để in tranh Đông Hồ (Hình 2). Theo bạn:

a. Bộ ván khắc này được dùng để in bức tranh nào trong các tranh minh hoạ văn bản *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam?*

b. Tấm ảnh về bộ ván này nên được dùng để minh hoạ cho đoạn nào trong văn bản nêu trên là phù hợp nhất? Vì sao?

c. Nếu được sử dụng, nên ghi chú thích cho hình này như thế nào?



Hình 2: (Dẫn theo Khánh An, Nhân dân điện tử, http://thinhvuongvietnam.com/Content/tranh-dong-ho---net-tinh-hoa-van-hoa-dan-gian-viet-nam-521022)

4. Dựa vào hình minh hoạ trang 86, nêu tên một số loại hiện vật được ghi lại trong ảnh và cho biết các chi tiết trong hình có tác dụng hỗ trợ cho phần lời trong văn bản 2 thế nào.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết bản tin (khoảng 200 chữ, có thể sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) về một hoạt động hay sự kiện văn hoá, giáo dục mới diễn ra trong nhà trường hoặc tại địa phương của bạn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CHỢ NỔI – NÉT VĂN HOÁ SÔNG NƯỚC MIỀN TÂY



Hình 1: *Hoa trái chợ nổi Phong Điền*

(Nguồn: https://canthotv.vn/cho-noi-va-van-hoa-song-nuoc-mien-tay/)

Đọc văn bản

Tập quán vận tải, giao thương và sinh hoạt ở Đồng bằng sông Cửu Long – nơi chi chít sông ngòi, kênh rạch – đã sản sinh cảnh mua bán, trao đổi hàng hoá trên sông, mà người dân gọi là "chợ nổi". Trải bao năm tháng, chợ nổi vẫn giữ nguyên nét sinh hoạt đặc trưng của mình.

1. Những khu chợ sầm uất trên sông

Miền Tây có nhiều chợ nổi. Tiêu biểu, có thể kể chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang), chợ nổi Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ), chợ nổi Ngã Bảy (Phụng Hiệp – Hậu Giang), chợ nổi Ngã Năm (Thạnh Trị – Sóc Trăng), chợ nổi Sông Trẹm (Thới Bình – Cà Mau), sông Vĩnh Thuận (Miệt Thứ – Cà Mau),...

Người buôn bán trên chợ nổi nhóm họp bằng xuồng. Ngày xưa là xuồng ba lá, xuồng năm lá, ghe tam bản. Bây giờ có cả tắc ráng[1], ghe máy. Người đi mua cũng đến chợ bằng xuồng, ghe. Những chiếc xuồng con len lỏi khéo léo giữa hàng trăm ghe thuyền mà hiếm khi có va quệt xảy ra.

Tuy là chợ họp trên sông, nhưng các chủng hàng, mặt hàng rất phong phú. Nhiều nhất vẫn là các loại trái cây, rồi đến các loại rau củ, bông kiểng, hàng thủ công gia dụng, hàng thực phẩm, động vật,.... Ở đây, lớn như cái xuồng, cái ghe, nhỏ như cây kim, sợi chỉ đều có bán. Theo thông lệ và đặc thù kinh tế của mỗi vùng quê, các chợ nổi như Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ), Trà Ôn (Vĩnh Long), Cái Bè, An Hữu (Tiền Giang),... chuyên về mua bán trái cây hoặc phần lớn là trái cây; các chợ nổi như Ngã Bảy, Ngã Năm, ngoài rau, quả, người ta còn mua bán nhiều loại hàng tiêu dùng, hàng thủ công, tạp hoá,...

Không gian miền Tây vốn đã nhiều sông rạch, lại thêm các con kênh đào khơi thông ngang dọc, nối liền các điểm kinh tế chiến lược trong vùng. Chợ nổi cũng theo đó, mọc lên càng nhiều, kết nối thành mạng lưới giao thương. Từ đây, nông sản, thuỷ sản trong vùng sẽ theo các thương lái xuôi ngược, toả đi khắp Đồng bằng sông Cửu Long và khắp cả nước.

2. Những cách rao mời độc đáo



Hình 2: *Các mặt hàng trên "cây bẹo", khách mua nhận thấy từ xa*

(Nguồn: https://canthotv.vn/cho-noi-va-van-hoa-song-nuoc-mien-tay/)

[1] *Tắc ráng*: một loại xuồng máy nhỏ thân hình thoi bằng gỗ hoặc nhựa côm-pô-xít (composit), rất tiện lợi di chuyển trên sông nước.

Để tiện lợi cho việc giao thương, người bán hàng trên chợ nổi có những lối rao hàng (còn gọi là "bẹo hàng") dân dã, giản tiện mà thú vị.

Đặc biệt là lối rao hàng bằng "cây bẹo". Người bán hàng dùng một cây sào tre dài, cắm dựng đứng trên ghe xuồng, rồi treo cao các thứ hàng hoá – chủ yếu là trái cây, rau củ – giúp khách nhìn thấy từ xa, boi xuồng đến, tìm đúng thứ cần mua. Buổi sáng, đến chợ nổi thấy nhô lên vô số những cây bẹo như những cột "ăng-ten" kì lạ di động giữa sông: "cây bẹo" này treo vài ba trái khóm; "cây bẹo" kia treo lủng lẳng những củ sắn, củ khoai; những cây bẹo khác lại treo dính chùm các loại trái cây vườn: chôm chôm, nhãn, bòn bon, vú sữa,... Khi cần "bẹo" nhiều mặt hàng hơn, thì họ buộc thêm một cây sào ngang trên hai cây sào dựng đứng và treo buộc nhiều thức hàng trên cây sào ngang ấy. Lại có những chiếc ghe mà "cây bẹo" treo tấm lá lợp nhà: dấu hiệu cho biết người chủ muốn rao bán chính chiếc ghe đó, tấm lá lợp có ý nghĩa giống như một cái biển rao bán nhà.

Đó là những cách thu hút khách bằng mắt. Lại có những cách thu hút khách bằng tai. Các ghe bán hàng dạo chế ra cách "bẹo" hàng bằng âm thanh lạ tai của những chiếc kèn: Có kèn bấm bằng tay (loại kèn nhỏ, bằng nhựa), có kèn đạp bằng chân (loại kèn lớn, còn gọi là kèn cóc). Ghe hàng len lói vào bến đậu của các ghe lớn với nhiều tiếng kèn khác nhau, làm cho khu chợ thêm rộn rã, xao động. Riêng các cô gái bán đồ ăn thức uống thì thường "bẹo hàng" bằng lời rao: *Ai ăn chè đậu đen, nước dừa đường cát hôn...? Ai ăn bánh bò hôn...?* Những tiếng rao mời mọc nơi chợ nổi, nghe sao mà lảnh lót, thiết tha!

3. Dư âm chợ nổi

Đã đi chợ nổi, khó mà quên được âm thanh ồn ào rất đặc trưng của chợ: tiếng tành tạch của ghe xuồng rẽ sóng, tiếng mặc cả, tiếng mời chào, í ới gọi nhau hối hả,... Và còn gì thư thái, dễ chịu hơn khi giữa tinh sương ngày mới, bạn được dập dềnh trên chiếc xuồng ba lá len lói giữa chợ họp trên sông đông vui, tấp nập,... hay được khoan khoái căng lồng ngực hít không khí trong lành của làn gió mang hương cây trái và sông nước miền Nam. Càng thú vị hơn, khi bạn được ngồi thảnh thơi trên chiếc xuồng con tròng trành, vừa thưởng thức các món ăn thơm ngon đậm đà, vừa thoả sức ngắm nhìn những chiếc thuyền chở đầy cây trái đang lướt qua trước mắt. Đó quả là những trải nghiệm thật sự thú vị và khó quên ở chốn thương hồ[1].

(Nhóm biên soạn tổng hợp từ *Chợ nổi Đồng bằng sông Cửu Long* của Nhâm Hùng, NXB Trẻ, 2009, tr. 36 – 55 và *Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây*, Đài truyền hình Cần Thơ, https://canthotv.vn/cho-noi-va-van-hoa-song-nuoc-mien-tay/)

[1] *Thương hồ*: buôn bán trên sông nước.

Hướng dẫn đọc

1. Điền vào bảng tổng hợp dưới đây những đặc điểm của văn bản thông tin được thể hiện qua văn bản trên (làm vào vở):

Yếu tố được sử dụng	Có/ không	Một vài bằng chứng (nếu văn bản có sử dụng)	Tác dụng
Nhan đề			
Đề mục			
Trích dẫn			
Địa danh			
Yếu tố miêu tả			
Yếu tố biểu cảm			
Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ			

2. Nêu một số hình ảnh, chi tiết cho thấy cách mua bán, giao thương độc đáo, thú vị trên chợ nổi.
3. Nhận xét về tác dụng minh hoạ của các tấm ảnh (Hình 1, Hình 2) trong văn bản.
4. Sau khi đọc văn bản trên, bạn suy nghĩ như thế nào về vai trò của chợ nổi đối với đời sống của người dân miền Tây?



VIẾT

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÓ SỬ DỤNG TRÍCH DẪN, CƯỚC CHÚ VÀ PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ

Sau khi hoàn thành nghiên cứu, ta sẽ viết báo cáo trình bày kết quả quá trình đó như thế nào? Sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ như thế nào để bài báo cáo được rõ ràng, thuyết phục? Phần bài học này sẽ giúp bạn trả lời những câu hỏi ấy.

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu là kiểu bài trình bày quy trình, phương pháp, các dữ liệu và kết quả của một quá trình nghiên cứu.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nội dung trình bày chính xác, đầy đủ, hợp lí các kết quả nghiên cứu.
- Ngôn ngữ chính xác, khách quan.
- Sử dụng hợp lí cước chú và các phương tiện phi ngôn ngữ như số liệu, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ.
- Trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách.
- Bố cục bài viết đảm bảo các phần:

Nhan đề: khái quát được đề tài nghiên cứu.

Tóm tắt: nêu bối cảnh nghiên cứu, câu hỏi và phương pháp nghiên cứu.

Cơ sở lí thuyết: nêu khái niệm, lí thuyết nền tảng để triển khai đề tài.

Kết quả nghiên cứu: trình bày các kết quả nghiên cứu với các lí lẽ và bằng chứng thích hợp.

Kết luận: khái quát những ý chính từ kết quả nghiên cứu; đề xuất giải pháp, hướng phát triển của đề tài.

Tài liệu tham khảo: sắp xếp tài liệu liên quan đến đề tài theo tên tác giả (trình tự alphabet), tên tài liệu, năm xuất bản, nhà xuất bản (trình tự alphabet).

Đọc ngữ liệu tham khảo

NGHIÊN CỨU MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA HỌC SINH KHỐI 10 TRƯỜNG Đ. K. VỚI HÒ NAM BỘ

TÓM TẮT

Để có thể bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc nói chung và các làn điệu hò Nam Bộ nói riêng, việc giáo dục giới trẻ là rất quan trọng. Bài viết khảo sát mức độ quan tâm của các học sinh khối 10 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để từ đó đề ra những giải pháp nhằm đưa hò Nam Bộ và các giá trị văn hoá truyền thống đến gần hơn với các bạn trẻ [1].

I. Khái lược về hò Nam Bộ [2]

Từ điển tiếng Việt thông dụng định nghĩa: "Hò là loại dân ca trong lao động có nhiều người hoạ theo để hưởng ứng" (Hoàng Phê, 2018) [3]. Hò Nam Bộ[1] [4] chỉ thể loại dân ca phổ biến với người dân phía Nam Việt Nam

[1]: Nêu ngắn gọn các nội dung của bài viết.

[2]: Nêu cơ sở lí thuyết của đề tài.

[3]: Chú thích nguồn trích dẫn theo cú pháp (*Tên tác giả, năm xuất bản*)

[4]: Sử dụng cước chú để chú thích thông tin.

[1] Theo GS. Phan Huy Lê trong *Văn hoá Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử*, Nam Bộ là cụm từ chỉ các tỉnh thành thuộc cực Nam của Việt Nam. Trước đây có tên gọi là Nam Kỳ, cho đến khi Nhật đảo chính Pháp vào ngày 9-3-1945, Chính phủ Trần Trọng Kim tuy giữ nguyên cơ cấu hành chính nhưng đổi tên thành Nam Bộ, cái tên được biết tới tận ngày nay.

trong đời sống thường nhật. Người dân nơi đây đều là những người nông dân kiếm tìm một cuộc sống mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chính yếu tố này đã tạo nên điểm đặc trưng của hò Nam Bộ về làn điệu và ca từ.

Một trong những mục đích chính khi hò là cổ vũ tinh thần người lao động, tạo sự hứng khởi và hăng say. Các điệu hò lao động được chia ra hai loại: *hò trên nước* và *hò trên cạn*. Ngoài ra, trong đời sống thường ngày cũng xuất hiện làn điệu hò mang âm điệu trữ tình, được gọi là *hò huê tình*, thường được cất lên trong các buổi gặp gỡ giao duyên giữa con trai, con gái trong làng.

Hò Nam Bộ là hình thức sinh hoạt đặc sắc, đậm chất ngẫu hứng, thể hiện vẻ chân chất, tràn đầy sức sống của những người lao động miền Nam.

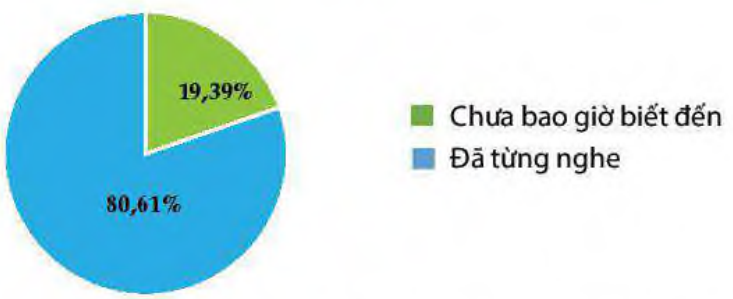
II. Khảo sát mức độ quan tâm của học sinh khối 10 trường Đ. K. với hò Nam Bộ

Phương pháp nghiên cứu của bài viết chủ yếu là điều tra, phỏng vấn các học sinh khối 10 trường Đ. K. bằng phiếu hỏi, với tổng phiếu khảo sát là 263 phiếu [5].

Hò là loại hình nghệ thuật thân thuộc đối với người dân Nam Bộ. Từ đó, nhóm nghiên cứu đặt ra câu hỏi: liệu các bạn học sinh có nghe đến điệu hò Nam Bộ hay chưa? Trước khi yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi, nhóm nghiên cứu cho các bạn nghe và xem một đoạn clip ngắn về hò để thuận tiện trong quá trình đặt câu hỏi. Nhóm thu được kết quả như sau:

Ý kiến trả lời	Số trả lời (lượt)	Tỉ lệ (%)
Chưa bao giờ biết đến	51	19.39
Đã từng nghe	211	80.61

Bảng: Mức độ quan tâm của học sinh khối 10 trường Đ. K. với hò Nam Bộ



Biểu đồ: Mức độ quan tâm của học sinh khối 10 trường Đ. K. với hò Nam Bộ (%)

211 học sinh (chiếm 80.61%) đã chọn câu trả lời "Đã từng nghe" và 51 học sinh (chiếm 19.39%) trả lời rằng "Chưa bao giờ nghe đến". Kết quả này cho thấy điệu hò Nam Bộ tương đối quen thuộc đối với các bạn học sinh khối 10 trường Đ. K. [6]

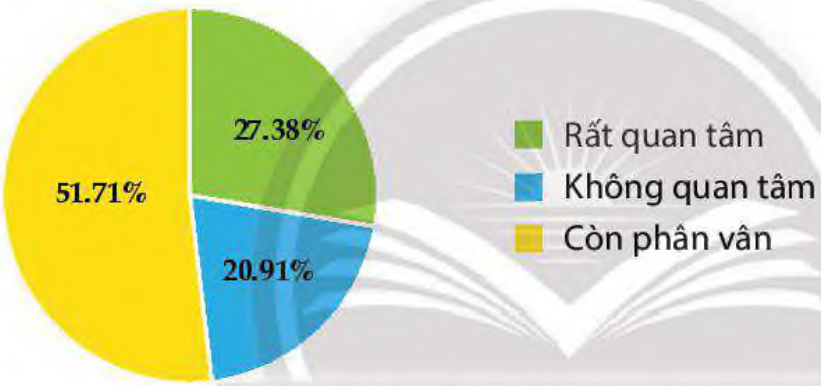
[5]: Trình bày ngắn gọn phương pháp nghiên cứu để tăng sức thuyết phục cho các kết quả.

[6]: Phân tích số liệu để làm sáng tỏ kết quả nghiên cứu thứ nhất.

Để khảo sát sự hứng thú và mong muốn tìm hiểu của các bạn học sinh về hò Nam Bộ, chúng tôi đặt ra câu hỏi: "Bạn có ý định tìm hiểu về hò Nam Bộ không"? Kết quả như sau:

Câu trả lời	Số trả lời	Tỉ lệ (%)
Rất quan tâm	72	27.38
Không quan tâm	55	20.91
Còn phân vân	136	51.71

Bảng: Sự hứng thú và mức độ mong muốn tìm hiểu về hò Nam Bộ của học sinh khối 10 trường Đ. K.



Biểu đồ: Sự hứng thú và mức độ mong muốn tìm hiểu về hò Nam Bộ của học sinh khối 10 trường Đ. K. (%)

27.38% các bạn học sinh chọn phương án "Rất quan tâm", đây là nhóm học sinh có sự hứng thú với hò Nam Bộ. Hơn một nửa số học sinh tham gia khảo sát chọn câu trả lời là "Còn phân vân" cho thấy sự lưỡng lự của các bạn khi tiếp xúc với hò Nam Bộ.

20.91% số học sinh chọn "Không quan tâm", tương ứng với 55 bạn. Phỏng vấn trực tiếp các học sinh này, nhóm đã tìm ra được hai nguyên nhân khiến các bạn không muốn tìm hiểu về hò Nam Bộ. Một là, các bạn từ trước đến nay chưa tiếp xúc với hò Nam Bộ bao giờ, một số bạn xuất thân từ gia đình không gắn bó với các loại hình âm nhạc truyền thống. Hai là, các bạn đã từng được tiếp xúc với hò Nam Bộ nhưng không hứng thú vì không cảm nhận được giai điệu cũng như ca từ của hò Nam Bộ, các bạn thích nghe các thể loại nhạc pốp (pop), rốc (rock) hơn là các làn điệu dân ca [7].

[7]: Phân tích số liệu và phỏng vấn để làm rõ kết quả nghiên cứu thứ hai.

III. Kết luận

Như vậy, từ nghiên cứu trên, có thể kết luận học sinh khối 10 trường Đ. K. vẫn quan tâm tới hò Nam Bộ, nhưng mức độ hứng thú của các bạn chưa cao. Kết quả nghiên cứu này đặt ra vấn đề về tính cấp thiết của việc đưa hò Nam Bộ đến gần hơn với các bạn học sinh khối 10 trường Đ. K. nói riêng và các bạn trẻ nói chung, để tiếp thêm đam mê, khơi dậy niềm yêu thích ở giới trẻ đối với hò Nam Bộ. Có nhiều giải pháp để thực hiện điều đó như: giảng dạy về hò Nam Bộ trong nhà trường, quảng bá về hò Nam Bộ trên các phương tiện truyền thông, tổ chức các cuộc thi, ngày hội diễn xướng hò Nam Bộ,... Nghiên cứu về hiệu quả của các giải pháp này sẽ có những đóng góp thiết thực vào việc gìn giữ các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc qua các làn điệu dân ca, cụ thể là điệu hò Nam Bộ.[8]

(Nhóm biên soạn)

[8]: Khái quát lại kết quả nghiên cứu, đề xuất giải pháp thay đổi và hướng nghiên cứu phát triển từ đề tài (nếu có).

TÀI LIỆU THAM KHẢO[9]

1. Phan Huy Lê (2018), *Di sản văn hoá Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Huyền Nga (2012), *Cấu trúc dân ca người Việt*, NXB Lao động.
3. Hoàng Phê (2009), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, NXB Đà Nẵng.
4. Trần Ngọc Thêm (2013), *Văn hoá người Việt vùng Tây Nam Bộ*, NXB Văn hoá – Văn nghệ.
5. Lư Nhất Vũ – Lê Giang – Lê Anh Trung (2014), *Đi tìm kho báu vô hình*, NXB Văn hoá – Văn nghệ.

[9]: Sắp xếp tài liệu tham khảo theo tên tác giả, với cú pháp *Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, tên nhà xuất bản.*

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Bài viết trên có đáp ứng yêu cầu về bố cục của kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu không?
2. Nhan đề và phần *Tóm tắt* của bài báo cáo có đặc điểm gì?
3. Xác định những câu hỏi cho thấy vấn đề nghiên cứu.
4. Để tìm hiểu vấn đề mức độ quan tâm của các bạn học sinh khối 10 trường Đ. K. với hò Nam Bộ, các tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học nào?
5. Phần trích dẫn và cước chú trong bài viết có chức năng gì? Cần chú ý điều gì khi trình bày trích dẫn và cước chú?
6. Trong bài viết, các tác giả đã sử dụng những phương tiện hỗ trợ nào để trình bày kết quả nghiên cứu? Từ đó, bạn rút ra được bài học gì khi dùng các phương tiện hỗ trợ trong bài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học?
7. Ở phần kết luận, các tác giả đã đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo phát triển từ bài báo cáo khoa học này. Hướng nghiên cứu ấy là gì?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Bạn hãy chọn một trong hai đề sau, thực hiện nghiên cứu và viết báo cáo:

Đề 1: Trường bạn tổ chức cuộc thi *Tìm hiểu và bảo tồn bản sắc văn hoá của mỗi miền đất nước (Nam Bộ, Trung Bộ, Bắc Bộ)*. Bạn hãy thành lập nhóm thực hiện đề tài nghiên cứu để tham gia cuộc thi và viết báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm mình.

Đề 2: Nhóm học tập của bạn được ban biên tập đặc san của trường đặt viết cho chuyên mục *Tôi tập làm nhà nghiên cứu* một báo cáo về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của một số thể loại văn học dân gian đã học. Sau khi thực hiện đề tài, bạn hãy viết một báo cáo về kết quả nghiên cứu của nhóm mình.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

Đề tài của bài viết chính là vấn đề được lựa chọn để nghiên cứu. Khi tiến hành nghiên cứu, bạn nên chọn vấn đề mới hoặc cách nhìn mới về vấn đề có tính thiết thực, khơi gợi được ở người đọc mối quan tâm, hứng thú.

Sau đây là một số gợi ý:

- Tìm hiểu mức độ quan tâm của học sinh lớp bạn đối với âm nhạc truyền thống.
- Tìm hiểu mức độ quan tâm của học sinh lớp bạn đối với một địa danh lịch sử hoặc di sản văn hoá truyền thống tại địa phương.
- Tìm hiểu một số nét văn hoá của một chợ nổi ở miền Tây Nam Bộ.
- Tìm hiểu cảnh sắc quê hương trong một số bài ca dao, dân ca Nam Bộ.
- Tìm hiểu một số nét đặc sắc trong sáng tác của một nhà văn, nhà thơ Nam Bộ.
- Đặc điểm nội dung, nghệ thuật của một số thể loại tự sự dân gian.
- Đặc điểm về vần, nhịp của một số thể thơ được sử dụng trong ca dao và trong kịch bản sân khấu dân gian.
- ...

Để việc nghiên cứu được thuận lợi, bạn cần điều chỉnh để làm cho đề tài cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện nghiên cứu của bản thân. Ví dụ:

Đề tài rộng	Đề tài khả thi
Hò Nam Bộ	Một số giải pháp khuyến khích các bạn học sinh khối 10 trường Đ. K. tìm hiểu hò Nam Bộ.
Chợ nổi miền Tây	Tìm hiểu một số nét văn hoá của chợ nổi Cái Răng (thành phố Cần Thơ).
Tìm hiểu sử thi Đăm Săn *và sử thi* Ô-đi-xê	Tìm hiểu sự giống nhau và khác nhau giữa nhân vật Đăm Săn (*Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*) và nhân vật Ô-đi-xê (*Gặp Ka-díp và Xi-la*).

Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc

Bạn cần trả lời các câu hỏi: *Bản báo cáo này được viết với mục đích gì? Người đọc bản báo cáo này là ai?* Từ đó, xác định nội dung, cách viết báo cáo phù hợp.

Thu thập tư liệu

Khi có được đề tài cụ thể, bạn tiến hành đặt câu hỏi nghiên cứu. Đó là câu hỏi đặt ra vấn đề nghiên cứu. Những câu hỏi nghiên cứu luôn đòi hỏi câu trả lời cụ thể, đầy đủ, tránh những câu hỏi mà chỉ trả lời "có/ không". Ví dụ:

– Hiện nay học sinh khối 10 trường Đ. K. tiếp nhận những điệu hò Nam Bộ như thế nào?

– Chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ) có giá trị gì về văn hoá?

– Trong một số bài ca dao, dân ca Nam Bộ, cảnh sắc quê hương có đặc điểm gì?

– Nhân vật Đăm Săn (*Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*) và nhân vật Ô-đi-xê (*Gặp Ka-ríp và Xi-la*) có điểm gì giống và khác nhau?

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu, bạn cần thu thập các tài liệu liên quan đến đề tài như báo chí, sách biên khảo, bài phóng vấn chuyên gia, các công trình nghiên cứu khoa học,... Bạn có thể đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu bằng cách trả lời những câu hỏi: *Tài liệu được công bố khi nào? Ai là tác giả? Đơn vị công bố/ xuất bản tài liệu có đáng tin cậy không?*

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Bạn xử lí các tư liệu đã thu thập được và phác thảo các ý tưởng để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu; dự tính những trích dẫn, cước chú và các phương tiện phi ngôn ngữ sẽ sử dụng để hỗ trợ cho bài viết.

Lập dàn ý

Từ các ý đã tìm được, bạn sắp xếp các ý sao cho đảm bảo các phần trong bố cục bài báo cáo.

Để phần nội dung được mạch lạc, rõ ràng, bạn có thể chia thành các đề mục, mỗi đề mục thể hiện một luận điểm trình bày kết quả nghiên cứu. Các đề mục cần được diễn đạt rõ ràng dưới dạng cụm từ, đảm bảo tính lô-gíc, tính liên kết, cùng hướng về làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra.

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn tiến hành viết bài báo cáo hoàn chỉnh. Khi viết, cần chú ý:

– Nhan đề cần ngắn gọn, súc tích, giới thiệu được nội dung chính của bài báo cáo, có chứa từ khoá (là những từ, cụm từ quan trọng thể hiện nội dung chính của bài báo cáo).

– Cần sử dụng ngôn ngữ khách quan, phù hợp với bài báo cáo khoa học. Sử dụng lớp từ ngữ chung, không dùng từ địa phương, biệt ngữ xã hội. Cần sử dụng thuật ngữ một cách chính xác, thống nhất.

Chân trời sáng tạo

– Sử dụng trích dẫn và cước chú đúng quy cách để bổ sung thông tin cho bài báo cáo. Ngoài ra, có thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp như bảng biểu, hình ảnh, sơ đồ để giúp các thông tin trở nên trực quan, dễ theo dõi.

– Chú ý đến vấn đề chống đạo văn và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ. Đạo văn là hành vi sử dụng ý tưởng, sản phẩm, tư liệu của người khác và xem như là của mình. Để tránh đạo văn và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, bạn cần luôn chú ý dẫn nguồn các tư liệu tham khảo, trích dẫn đúng quy cách và diễn giải vấn đề theo cách hiểu của bản thân, bằng lời văn của mình.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Tóm tắt	Nêu ngắn gọn các nội dung của bài viết như bối cảnh nghiên cứu, phương pháp và kết quả nghiên cứu.		
Cơ sở lí thuyết	Nêu ngắn gọn khái niệm, lí thuyết làm cơ sở, nền tảng cho đề tài.		
Kết quả nghiên cứu	Trình bày đầy đủ các kết quả nghiên cứu đã thu nhận.		
	Đưa ra lí giải và bằng chứng để làm sáng tỏ kết quả nghiên cứu.		
Kết luận	Khái quát những nội dung chính từ kết quả nghiên cứu.		
	Đề xuất giải pháp và hướng phát triển của đề tài (nếu có).		
Tài liệu tham khảo	Nêu các tài liệu tham khảo có liên quan đến đề tài.		
	Trình bày tài liệu đúng quy cách, sắp xếp theo tên tác giả (trình tự an-pha-bê).		
Yêu cầu về trình bày, diễn đạt	Bài báo cáo được chia thành các đề mục rõ ràng, lô-gíc, sắp xếp theo trình tự hợp lí.		
	Sử dụng trích dẫn và cước chú đúng quy cách.		
	Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lí.		
	Ngôn ngữ chính xác, khách quan, đảm bảo tính khoa học.		

Sau khi đọc lại và chỉnh sửa, bạn hãy ghi lại những kinh nghiệm rút ra khi viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ.



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

Trong trường hợp này việc xác định đề tài đã được thực hiện: bài nói cùng một đề tài với bài viết.

Người nghe bạn nói có thể là thầy cô giáo bộ môn, bạn học trong lớp và một số khách mời. Mục đích của bài nói là thuyết trình kết quả nghiên cứu của bản thân, sao cho người nghe hiểu được vấn đề và thuyết phục được người nghe về kết quả của đề tài nghiên cứu. Do đó, bạn cần cân nhắc đến không gian và thời gian nói bằng những câu hỏi sau: *Bạn dự định sẽ nói ở đâu và trong thời gian bao lâu? Bạn sẽ dành bao nhiêu thời gian cho phần trao đổi với người nghe?*

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Đây là giai đoạn thu thập và sắp xếp thông tin để chuẩn bị cho bài trình bày. Trong trường hợp này, bài trình bày đã được chuẩn bị ở phần viết. Do đó, để phần thuyết trình thêm rõ ràng và thuyết phục, bạn nên chuẩn bị các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ, dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị câu trả lời.

Lập dàn ý

Để dễ dàng làm chủ bài nói, cũng như giúp người nghe dễ theo dõi, bạn cần tóm tắt lại hệ thống ý dưới dạng dàn ý hoặc sơ đồ, trình bày trên giấy hoặc phần mềm trình chiếu.

Khi thuyết trình kết quả nghiên cứu, bạn có thể triển khai một số ý như sau:

- **Lí do chọn đề tài:** tại sao bạn chọn đề tài nghiên cứu này? Đề tài nghiên cứu này có đóng góp gì?
- **Câu hỏi nghiên cứu:** giả thuyết bạn đặt ra trước khi tiến hành nghiên cứu.
- **Phương pháp nghiên cứu:** những phương pháp bạn lựa chọn thực hiện để kiểm chứng câu hỏi nghiên cứu.
- **Kết quả nghiên cứu:** kết quả bạn thu nhận được là gì? Kết quả ấy giúp khẳng định hay bác bỏ giả thuyết nghiên cứu?
- **Kết luận:** từ kết quả nghiên cứu, bạn khái quát lên ý nghĩa gì? Trên cơ sở đó, bạn có đề xuất gì?

Luyện tập

Bạn có thể luyện nói một mình bằng cách đứng trước gương để tập trình bày, hoặc nói và tự ghi âm để nghe lại, hoặc luyện tập với bạn.

Khi luyện tập, cần chú ý: lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với bài thuyết trình kết quả nghiên cứu; sử dụng ngôn ngữ khách quan, sắc thái biểu cảm trung tính, hệ thống thuật ngữ cần chuẩn xác, thống nhất.

Bước 2: Trình bày bài nói

Khi trình bày, bạn nên:

• Dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị từ trước, ngoài ra bạn có thể sử dụng những tờ giấy nhỏ để viết, ghi chú ngắn gọn, nội dung nói dưới dạng từ, cụm từ,...

• Trình bày từ khái quát đến cụ thể: trình bày tóm tắt hệ thống ý của bài thuyết trình rồi đi vào từng phần.

• Phân tích, đánh giá, kết nối các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ với bài thuyết trình.

• Chú ý tương tác với người nghe, giọng điệu khi trình bày tự tin, nói rõ ràng, rành mạch.

Bước 3: Trao đổi và đánh giá

Khi trao đổi với người nghe, bạn nên:

• Có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe và ghi chép ý kiến của người nghe.

• Lựa chọn một số câu hỏi, ý kiến phản biện mà bạn cho là quan trọng để phản hồi trong khuôn khổ thời gian cho phép.

Trong vai trò của người trình bày, bạn tự đánh giá bài nói của mình dựa vào bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Nội dung bài thuyết trình	Nêu được lí do chọn đề tài.		
	Nêu được giả thuyết và phương pháp nghiên cứu.		
	Trình bày được kết quả nghiên cứu và kết luận hợp lí.		
	Sử dụng chính xác, thống nhất các thuật ngữ.		
Các kĩ thuật thuyết trình	Sử dụng ngôn ngữ khách quan, khoa học.		
	Khai thác hiệu quả các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ.		
	Trình bày rõ ràng, rành mạch, đúng thời gian quy định.		
	Tự tin, tương tác bằng mắt với người nghe, giọng điệu và điệu bộ hợp lí.		
	Ghi nhận và phản hồi thoả đáng với những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe.		

NGHE VÀ NẮM BẮT NỘI DUNG TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bước 1: Chuẩn bị

Để việc lắng nghe được hiệu quả, bạn cần tìm hiểu trước về đề tài sẽ được thuyết trình bằng cách tìm kiếm từ khoá liên quan đến đề tài sẽ được thuyết trình; tìm đọc các bài nghiên cứu có liên quan đã được công bố của người thuyết trình (nếu có), bài viết của tác giả khác về vấn đề sẽ được thuyết trình.

Bạn có thể tìm kiếm tài liệu trên các trang web uy tín (thường có đuôi .gov, .org), trên thư viện và sắp xếp các tài liệu tìm được theo thời gian công bố, dựa vào bảng sau:

TT	Tên tài liệu – Tác giả	Thời gian công bố	Nội dung chính	Ý kiến của tôi

Từ đó, bạn hãy chuẩn bị những ý kiến, câu hỏi để trao đổi với người nói trong buổi thuyết trình.

Bước 2: Nghe thuyết trình và ghi chép

Khi nghe thuyết trình, bạn cần chú ý vào nội dung trình bày và ghi nhận những ý trọng tâm. Để ghi chép nhanh, bạn có thể chuẩn bị sẵn mẫu như sau:

Nội dung cần chú ý	Ý chính	Ghi chú của tôi
Lí do chọn đề tài		
Câu hỏi nghiên cứu		
Phương pháp nghiên cứu		
Kết quả nghiên cứu		
Kết luận		

Bước 3: Phản hồi và đặt câu hỏi

Sau khi diễn giả thuyết trình xong, bạn xem lại và đối chiếu những câu hỏi mình đã chuẩn bị ở nhà với phần ghi chú của bản thân rồi tự đánh giá xem: *Những câu hỏi nào đã được trả lời trong phần thuyết trình? Những câu hỏi nào vẫn chưa được trả lời? Những câu hỏi nào cần được làm rõ thêm?*

Chân trời sáng tạo

Sau đó, bạn lựa chọn một số câu hỏi bạn cho là quan trọng để trao đổi thêm với người thuyết trình.

Bước 4: Đánh giá và rút kinh nghiệm

Trong vai trò người nghe, bạn hãy đánh giá phần thuyết trình của người nói và tự rút ra kinh nghiệm cho bản thân dựa vào bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng nghe và nắm bắt nội dung trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Liệt kê những gì đã biết về vấn đề sẽ nghe và muốn trao đổi khi nghe.		
	Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.		
Lắng nghe và ghi chép	Viết dưới dạng từ khoá, tóm tắt thông tin.		
	Phân biệt được thông tin cơ bản và thông tin chi tiết.		
	Đặt câu hỏi trong khi nghe.		
	Ghi nhận những điểm thú vị trong ý kiến, quan điểm của người nói để khi cần thì phát biểu, nhận xét.		
Trao đổi, nhận xét, đánh giá	Xác nhận lại quan điểm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân.		
	Khẳng định sự đồng tình với những ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói.		
	Nhận xét về cách trình bày bài nói.		
Thái độ và ngôn ngữ	Chờ đến lượt mình nói khi trao đổi.		
	Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá.		
	Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói.		

Dành một phút để suy ngẫm xem mình đã rút ra được kinh nghiệm gì khi nghe và nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người khác.

ÔN TẬP

1. Xác định mục đích viết và mục đích lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm (và nghị luận nếu có) vào văn bản thông tin theo mẫu dưới đây (làm vào vở):

Văn bản	Mục đích viết	Yếu tố được lồng ghép	Mục đích lồng ghép
Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam			
Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây			

2. Xác định dạng thức thể loại, tác dụng của việc sử dụng phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ trong các văn bản thuộc bài học này theo mẫu dưới đây (làm vào vở):

Văn bản	Thể loại, kiểu văn bản	Phương tiện	Tác dụng
Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam			
Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống			
Thêm một bản dịch "Truyện Kiều" sang tiếng Nhật			
Lí ngựa ô ở hai vùng đất			
Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây			

Chân trời sáng tạo

3. Nêu một số nét tương đồng và khác biệt về cách đưa tin và sự bộc lộ quan điểm của người viết trong một bản tin theo mẫu dưới đây (làm vào vở):

Văn bản	Cách đưa tin	Quan điểm của người viết
Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống		
Thêm một bản dịch "Truyện Kiều" sang tiếng Nhật		

4. Nêu tóm tắt một số điểm khác biệt mà bạn cho là đáng lưu ý trong quy trình viết văn bản *Nghị luận về một vấn đề xã hội* và *Viết báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề* (có thể sử dụng mẫu bảng dưới đây và làm vào vở):

Các bước	Kiểu bài *Viết báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề*	Kiểu bài *Nghị luận về một vấn đề xã hội*
Bước 1. ***Chuẩn bị viết***		
Bước 2. ***Tìm ý, lập dàn ý***		
Bước 3. ***Viết bài***		
Bước 4. ***Xem lại và chỉnh sửa***		

Chân trời sáng tạo

5. Theo bạn, có thể giữ gìn, phát huy các di sản văn hoá dân tộc bằng cách nào? Nêu một vài đề xuất cụ thể của bạn đối với di sản văn hoá ở địa phương mình.

BÀI 5

NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG

(CHÈO/ TUỒNG)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản chèo/ tuồng.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản chèo/ tuồng đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.
- Nhận biết tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...
- Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng.
- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.
- Trân trọng và có ý thức phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống.

Chân trời sáng tạo

TRI THỨC NGỮ VĂN

NGHỆ THUẬT CHÈO

Chèo cổ (chèo sân đình) là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp hài hoà nhiều chất liệu: dân ca, múa dân gian và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Chèo được xem là một hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng (không có người kể chuyện như trong truyện). Cũng như kịch nói chung, kịch bản chèo tập trung thể hiện hành động, dẫn dắt xung đột qua ngôn ngữ của nhân vật.

Cần phân biệt giữa *kịch bản chèo* và *sân khấu chèo*: Kịch bản chèo là văn bản văn học, được tiếp nhận thông qua hình thức đọc, bao gồm lời thoại của nhân vật và một số chỉ dẫn sân khấu căn bản (ví dụ: "hát sắp", "nói lệch",...). Sân khấu chèo là sự hiện thực hoá kịch bản chèo thông qua hoạt động trình diễn, được tiếp nhận bằng hình thức *xem* và *nghe*.

Đặc điểm của chèo cổ thể hiện qua nhiều yếu tố: *đề tài, tích truyện, nhân vật, cấu trúc, lời thoại,...*

Đề tài: Chèo cổ thường xoay quanh vấn đề giáo dục cách sống, cách ứng xử giữa người với người theo quan điểm đạo lí dân gian hoặc theo tư tưởng Nho giáo.

Tích truyện là chất liệu xây dựng nên cốt truyện của chèo. Thường là các nhân vật, hành động, sự việc có sẵn trong kho tàng truyện cổ dân gian hoặc trong dã sử được khai thác và tổ chức lại theo nguyên tắc kịch hay xung đột. Từ các tích truyện này, các tác giả kịch bản – thường là giới nho sĩ – viết thành kịch bản chèo để truyền bá những tín điều của tư tưởng Nho giáo. Tuy nhiên, qua quá trình ứng tác, biểu diễn, nhiều chủ đề truyền thống bị làm mờ đi, nhường chỗ cho những khát vọng nhân bản hơn, vượt ra ngoài giáo lí Nho học truyền thống.

Nhân vật: Các loại hình nhân vật phổ biến của chèo bao gồm *kép, đào, hề, mụ, lão*. *Kép* (nam chính) thường là các sĩ tử chân chính, hiếu học; *đào* (nữ chính) bao gồm *đào thương* (những phụ nữ trung trinh tiết liệt), *đào lệch* hay còn gọi là *đào lẳng* (những phụ nữ nổi loạn, đi ngược lại quan điểm đạo đức phong kiến), *đào pha* (trung gian giữa hai loại vai đào thương và đào lệch); *hề* (nhân vật hài hước, gây cười); *mụ* (nhân vật nữ lớn tuổi); *lão* (nhân vật nam lớn tuổi). Nhân vật trong chèo thường mang tính ước lệ với tính cách không thay đổi.

Cấu trúc: Cũng như các loại hình sân khấu khác, cấu trúc của một vở chèo bao gồm nhiều màn và cảnh, mỗi *màn* và *cảnh* thường xảy ra trong một khung thời gian và không gian khác nhau. Mỗi cảnh đóng vai trò như một bộ phận kiến tạo nên các giai đoạn của cốt truyện: khai mở, thắt nút, đỉnh điểm, mở nút.

Lời thoại: Trong chèo không có lời người kể chuyện, chỉ có các *lời thoại*. *Lời thoại* đảm nhiệm mọi vai trò: dẫn dắt xung đột, diễn tả hành động, khắc hoạ nhân vật, bối cảnh (không gian, thời gian), đồng thời gián tiếp thể hiện tình cảm của tác giả dân gian.

Lời thoại trong chèo cổ bao gồm *lời thoại của nhân vật* và *tiếng đế*. *Lời thoại của nhân vật* thường có các hình thức: *đối thoại* (lời các nhân vật nói với nhau), *độc thoại* (lời nhân vật nói với chính mình), *bàng thoại* (lời nhân vật nói với khán giả). *Tiếng đế* là lời của đại diện khán giả chen vào, đệm vào lời của nhân vật dưới dạng câu hỏi hoặc bình luận ngắn, chủ yếu để kích thích nhân vật bộc lộ khi diễn.

Về hình thức, *lời thoại của nhân vật* trong chèo bao gồm *lời nói, lời hát – nói* (tức nói theo âm điệu) và *lời hát* (theo các làn điệu dân ca).

NGHỆ THUẬT TUỒNG

Tuồng là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp hài hoà điệu nói lối, các điệu hát của tuồng và một số chất liệu nghệ thuật dân gian khác. Tuồng thịnh hành vào thế kỉ XIX, vùng Nam Trung Bộ (tiêu biểu là Huế, Quảng Nam – Đà Nẵng, Bình Định). Được xem là một hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và

diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng, kịch bản tuồng tập trung thể hiện hành động, dẫn dắt xung đột qua ngôn ngữ của nhân vật. Tuỳ theo đề tài, nội dung, phạm vi lưu diễn, quy cách dàn dựng, tuồng được phân thành hai loại chính: *tuồng pho (tuồng thầy)* và *tuồng đồ*.

Tuồng đồ thiên về hài hước châm biếm, ngôn ngữ mộc mạc, bình dân; lối diễn tự do, ít khoa trương cách điệu, gần gũi với cuộc sống thường ngày và gần với kịch nói. Các vở tuồng đồ tiêu biểu như *Nghêu, Sò, Ốc, Hến; Trương Đồ Nhục; Trương Ngáo;...*

Đặc điểm của tuồng đồ thể hiện qua nhiều yếu tố: *đề tài, tích truyện, nhân vật, cấu trúc, lời thoại, phương thức lưu truyền,...*

Đề tài lấy từ đời sống thôn dã, hoặc tích truyện có sẵn, dựng thành những câu chuyện, tình huống hài hước, những nhân vật phản diện hiện thân cho những thói hư tật xấu của một số hạng người trong xã hội phong kiến tiểu nông. Tuồng đồ, do vậy, thiên về trào lộng, phê phán xã hội trên lập trường đạo đức của người bình dân, khác với tuồng pho thường lấy đề tài từ sách, truyện Trung Quốc với cảm hứng anh hùng, đề cao lí tưởng trung quân theo lập trường Nho giáo.

Tích truyện: Các vở tuồng đồ thường được xây dựng dựa trên một câu chuyện hay một tình huống, hành động, sự việc nào đó, thường có sẵn trong kho tàng truyện dân gian, gọi là "tích truyện". Từ tích truyện này, các tác giả kịch bản viết thành kịch bản tuồng (dưới dạng truyền miệng). Khi trình diễn, nghệ nhân trong các gánh tuồng có thể cải biên ít nhiều cho phù hợp với điều kiện diễn xuất, đối tượng người xem.

Nhân vật khác với tuồng pho, các loại hình nhân vật phổ biến trong tuồng đồ gần gũi với chèo cổ, cũng bao gồm các vai: *kép, đào, mụ, lão,...* Nhân vật tiêu biểu cho các vai tuồng này thường mang tính ước lệ và tính cách không thay đổi, thể hiện chủ yếu qua lời thoại và hành động của mình. Khi xuất hiện lần đầu, các nhân vật chính thường có lời xưng danh (tự giới thiệu danh tính, nghề nghiệp, vị trí xã hội,...). Tính cách, đặc điểm của nhân vật trong tuồng, một phần được biểu đạt qua cách hoá trang, nhất là qua các nét vẽ và màu sắc trên khuôn mặt diễn viên.

Lời thoại trong tuồng cũng có vai trò, đặc điểm như lời thoại trong chèo đã nói ở phần trước. Lời thoại của nhân vật tuồng, chủ yếu là đối thoại có xen độc thoại hay bàng thoại, dưới hình thức nói, ngâm hoặc hát và chủ yếu là văn vần.

Phương thức lưu truyền chủ yếu là truyền miệng. Tuồng đồ thường không được ghi chép thành quyển như tuồng pho. Do vậy, mỗi gánh hát tuồng có thể lưu giữ một vốn kịch bản – vở diễn riêng. Hơn nữa, cùng một tích tuồng, nghệ nhân trong các gánh tuồng có thể tạo dựng các lớp tuồng với các mảng miếng, những điểm nhấn và độ co duỗi của vở diễn theo cách riêng của mình.

Tác phẩm khuyết danh là những sáng tác không có tên tác giả (ẩn danh).



ĐỌC

Qua hàng triệu năm sinh tồn và phát triển, loài người đã tạo dựng nên vô số những giá trị văn hoá. Văn hoá của một dân tộc, một vùng miền,... là những tín ngưỡng, phong tục, nguyên tắc, lối sống, cách hành xử,... được truyền từ đời này sang đời khác trong cuộc sống con người, thấm nhuần trong tiếng nói và các loại hình nghệ thuật của một cộng đồng nhất định. Chính sự phong phú, đa dạng của các nền văn hoá trải khắp toàn cầu đã góp phần làm nên vẻ đẹp sinh động của thế giới ta đang sống.

Bài học này giúp các bạn hiểu và tôn trọng những giá trị văn hoá độc đáo của dân tộc ta qua một số loại hình nghệ thuật truyền thống như chèo hoặc tuồng.

Học sinh chọn đọc văn bản chèo hoặc văn bản tuồng:

A. Đọc văn bản chèo

VĂN BẢN

THỊ MẦU LÊN CHÙA

(Trích *Quan Âm Thị Kính*)

Nội dung vở chèo *Quan Âm Thị Kính*: Thị Kính là con gái Mãng Ông, một nông dân nghèo. Nàng được gả làm dâu cho một gia đình khá giả, làm vợ Thiện Sĩ, con trai Sùng Ông, Sùng Bà. Một hôm Thị Kính ngồi khâu, Thiện Sĩ đọc sách bên cạnh nàng rồi ngủ thiếp đi. Nhìn thấy một sợi râu mọc ngược dưới cằm chồng, Thị Kính cầm dao xén chỉ định cắt đi. Thiện Sĩ giật mình thức dậy hô hoán lên, Sùng Ông, Sùng Bà đổ cho Thị Kính mưu giết chồng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Thị Kính tủi nhục, xuống tóc giả trai xin vào tu hành ở chùa Vân, lấy pháp danh là Kính Tâm. Thị Mầu, con gái phú ông trong làng, đem lòng say mê và tìm cách ve vãn Kính Tâm. Không được đáp lại, Thị Mầu về đùa ghẹo người ở của gia đình mình là anh Nô, rồi có thai. Bị làng bắt vạ, Thị Mầu đổ cho Kính Tâm và đem con bỏ cho nàng. Bị chùa đuổi ra khỏi tam quan, Kính Tâm lang thang xin sữa nuôi con của Thị Mầu. Ba năm sau, lâm bệnh nặng, nàng viết thư để lại cho đứa trẻ rồi qua đời. Kính Tâm được minh oan và trở thành Phật Bà Quan Âm.

Trước khi đọc

1. Bạn đã bao giờ nghe nói đến thành ngữ "Oan Thị Kính" chưa? Bạn hiểu nghĩa của thành ngữ này như thế nào?
2. Quan sát hình ảnh dưới đây trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính* và dự đoán tính cách, thái độ hai nhân vật.



Hình: *Một cảnh trong trích đoạn Thị Mầu lên chùa, chèo Quan Âm Thị Kính (Thị Mầu: NSƯT Thu Huyền, Thị Kính: NS Hồng Thắm), Viện Sân khấu Điện ảnh, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội sản xuất năm 2012*

Đọc văn bản

THỊ MẦU: 1 *(ra nói)* Này chị em ơi!
Nay mười tư mai đã là rằm
Ai muốn ăn oản thì năng lên chùa.
Chị em lên chùa từ bao giờ nhỉ?

TIẾNG ĐẾ: Mười tư, rằm!

THỊ MẦU: Thế mà Thị Mầu tôi mang tiếng lẳng lơ
Đò đưa cấm giá[1] tôi lên chùa từ mười ba.
Mười ba,
Tôi lên chùa thấy tiểu mười ba
Thấy sư mười bốn, vãi già mười lăm
Tôi muốn cho một tháng đôi rằm
Trước vào lễ Phật, sau thăm vãi già
Tôi bước vào lễ Phật Thích Ca[2]
Lễ đức Tam Thế[3], vua cha Ngọc Hoàng[4].
(xưng danh) Tôi Thị Mầu con gái phú ông
Thầy mẹ tôi tôn kính một lòng

Đọc lướt

1 Đọc lướt và cho biết nhân vật nào có nhiều lời thoại nhất trong đoạn trích này?

[1] *Cấm giá*: một làn điệu trong chèo cổ.

[2] *Thích Ca*: tức Phật Thích Ca Mâu Ni, vị tổ của Phật giáo.

[3] *Tam Thế*: ngôn ngữ nhà Phật, biểu trưng cho thời gian: quá khứ, hiện tại, tương lai. Theo Phật giáo Bắc Tông, vạn vật đều đi qua ba thời gian đó. Trong văn cảnh, đức Tam Thế (Tam thế chư Phật) là ba vị Phật trị vì ba đời: Phật A Di Đà (quá khứ), Phật Thích Ca (hiện tại), Phật Di Lặc (tương lai).

[4] *Ngọc Hoàng*: vị thần tối cao của Đạo giáo. Do ảnh hưởng Phật giáo Bắc Tông và dân gian, một số chùa ở Việt Nam, nhất là ở miền Bắc, dung hợp cả Đạo giáo nên thờ cả Ngọc Hoàng.

Chân trời sáng tạo

Tiền cùng gạo lên chùa tiến cúng.

Bạch nhà sư trong ấy, cho chú tiểu ra nhận lễ, cho tôi còn về nào.

KÍNH TÂM: A di đà Phật! Chào cô lên chùa! 2

THỊ MẦU: A di đà Phật!

KÍNH TÂM: A di đà Phật!

Tam Bảo Như Lai

Của ai phúc nấy

A di đà Phật! Cô cho biết tên để tôi vào lòng sớ!

THỊ MẦU: Tên em ấy à?

Là Thị Mầu, con gái phú ông

Tuổi vừa đôi tám, chưa chồng đấy thầy tiểu ơi!

Chưa chồng đấy nhá!

KÍNH TÂM: A di đà Phật!

Khấn nguyện thập phương

Kính trình Tam Bảo[1]

Lòng người có đạo

Đem của cúng dàng[2]

Một nén cũng biên

Một đồng cũng kể

Tuy vân bạc lễ

Đãn kiến thành tâm[3]

Phật tổ giám lâm

Quỷ thần soi xét!

A di đà Phật! Tôi đã đèn nhang xong, mời cô vào lễ Phật.

THỊ MẦU: Người đâu mà đẹp như sao băng thế nhỉ? 3

TIẾNG ĐẾ: Ai lại đi khen chú tiểu thế cô Mầu ơi!

THỊ MẦU: Đẹp thì người ta khen chứ sao!

Này chị em ơi,

Người đâu đến ở chùa này

Cổ cao ba ngấn, lông mày nét ngang

Ấy mấy thầy tiểu ơi!

Tưởng tượng

2 Từ câu trả lời cho câu hỏi 1, bạn hình dung thế nào về sự khác biệt trong thái độ của hai nhân vật?

Theo dõi

3 Tìm những từ ngữ miêu tả Kính Tâm trong lời thoại của Thị Mầu. Việc sử dụng những từ ngữ này cho thấy điều gì về tính cách của Thị Mầu?

[1] *Tam Bảo*: ba ngôi báu, được xem là ba ngôi vị được suy tôn của đạo Phật, gồm Phật (bậc giác ngộ), Pháp (giáo pháp của bậc giác ngộ), Tăng (những nhà tu hành).

[2] *Cúng dàng (cúng dường)*: dâng lên cửa Phật.

[3] *Tuy vân bạc lễ, đãn kiến thành tâm*: dù lễ ít hay nhiều cũng thể hiện lòng thành kính của Phật tử.

Chân trời sáng tạo

KÍNH TÂM: Nam mô A di đà Phật!

THỊ MẦU: Ấy mấy thầy tiểu ơi!

TIẾNG ĐẾ: Mầu ơi mất bò rồi!

THỊ MẦU: Nhà tao còn ối trâu!
Này thầy tiểu ơi!
Thầy như táo rụng sân đình
Em như gái rở[1], đi rình của chua.
Ấy mấy thầy tiểu ơi!

KÍNH TÂM: Nam mô A di đà Phật.

TIẾNG ĐẾ: Mầu ơi nhà mày có mấy chị em? Có ai như mày không?

THỊ MẦU: Nhà tao có chín chị em, chỉ có mình tao là chín chắn nhất đấy!

TIẾNG ĐẾ: Dơ lắm! Mầu ơi!

THỊ MẦU: Kệ tao! Này thầy tiểu ơi, ăn với em miếng trầu đã nào,
rồi để mõ đấy em đánh cho!

KÍNH TÂM: Nam mô A di đà Phật!

THỊ MẦU: Ấy mấy thầy tiểu ơi! 4

(hát ghẹo tiểu) Song đứng trước cửa chùa
Tôi vào tôi gọi, thầy tiểu chẳng thưa, tôi buồn
Ấy mấy thầy tiểu ơi!
Một cành tre, năm bảy cành tre
Phải duyên thời lấy, chớ nghe họ hàng
Ấy mấy thầy tiểu ơi!
Mẫu đơn giồng cảnh nhà thờ
Đôi ta chỉ quyết đợi chờ lấy nhau
Ấy mấy thầy tiểu ơi!
Muốn cho có thiếp có chàng
Ba sáu mười tám, cơm hàng có canh
Ấy mấy thầy tiểu ơi!
Trúc xinh trúc mọc sân đình
Em xinh em đứng một mình chẳng xinh!

(nói) Bỏ mõ em đánh cho nào! Người đâu thấy gái mà lại chạy thế!

(Kính Tâm bỏ chạy)

Chẳng trăm năm cũng một ngày
Gương kia còn đó, tấm áo này còn hơi

Theo dõi

4 Đoạn hát ghẹo tiểu của Thị Mầu cho thấy nhân vật quan niệm như thế nào về tình yêu? Chú ý những từ ngữ, hình ảnh thể hiện quan niệm tình yêu của Thị Mầu.

[1] *Gái rở*: phụ nữ mang thai bị ốm nghén, thèm chua.

Sách mềm sáng tạo

Chị em ơi, tôi lấy hơi thầy tiểu xem, chị em nhé!
À, kinh mõ của chú tiểu còn bỏ đó, thế nào cũng phải ra đây.
Tôi tìm chỗ nấp, thế nào tôi cũng nắm tận tay chú tiểu thì tôi mới nghe!
(nấp)

KÍNH TÂM: *(ra, nói)* Ngẫm oan trái nhiều phen muốn khóc
Thấy nhân duyên nghĩ lại nực cười
Hẳn vô tình thế mới trêu ngươi
Vì hữu ý nên rằng hoảng mắt
Chứ có biết đâu mình cũng chỉ là...

THỊ MẦU: *(xông ra, nắm tay Kính Tâm)* Đây rồi nhé!

KÍNH TÂM: Mô Phật!

THỊ MẦU: Bỏ mô Phật đi!

KÍNH TÂM: Cô buông ra để tôi quét chùa kẻo sư phụ người quở chết!

THỊ MẦU: Đưa chổi đây em quét rồi em nói chuyện này cho mà nghe!
Này chú tiểu ơi!
Mong cho chú tiểu quét sân
Xịch lại cho gần, cầm chổi quét thay
Lá tình không gió mà bay!
Nào, ăn với em miếng giầu[1] đã nào! *(Kính Tâm bỏ chạy)*
Phải gió ở đâu! Chạy từ bao giờ rồi!
Ới này thầy tiểu ơi!
Muốn rằng cây cải cho xanh
Thài lài, rau dệu[2] tám thành bò tre
Lắng tai tôi nói cho mà nghe
Tri âm chẳng tỏ tri âm
Để tôi thương vụng nhớ thầm sầu riêng!

TIẾNG ĐẾ: Sao lẳng lơ thế, cô Mầu ơi!

THỊ MẦU: Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn
Chính chuyên cũng chẳng son son để thờ!

(Hạ)

(Theo Hà Văn Cầu (Chủ biên), Hà Văn Cầu – Hà Văn Trụ (biên soạn), *Kịch bản chèo*, quyển 1, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam – NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014, tr. 272 – 276 và 317 – 320)

[1] *Giầu*: trầu (phương ngữ Bắc Bộ).
[2] *Thài lài, rau dệu*: các loại rau mọc dại.

Sau khi đọc

1. Điền vào bảng dưới đây một số câu *đối thoại, độc thoại, bàng thoại* của nhân vật Thị Mầu, Thị Kính và *tiếng đế* trong văn bản trên (làm vào vở):

Nhân vật	Đối thoại	Độc thoại	Bàng thoại
Thị Mầu	*– Đây rồi nhé!*	*– Phải gió ở đâu! Chạy từ bao giờ rồi!*	*– Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn*
Thị Kính			
Tiếng đế (người xem)			

Từ ngôn ngữ, giọng điệu của những lời thoại trên, bạn nhận xét như thế nào về tính cách của hai nhân vật Thị Mầu và Thị Kính?

2. Lời thoại của Thị Mầu cho thấy tình cảm, cảm xúc của nhân vật đã thay đổi như thế nào từ đầu đến cuối đoạn trích? Điền các từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc và những lời thoại tương ứng vào sơ đồ sau (làm vào vở):



3. Lời thoại của Thị Mầu cho thấy nhân vật quan niệm như thế nào về tình yêu và hạnh phúc?

4. Trong đoạn trích *Thị Mầu lên chùa*, tiếng đế thể hiện quan điểm như thế nào về nhân vật Thị Mầu? Bạn có đồng tình với quan điểm đó hay không? Vì sao?

5. Ứng xử của nhân vật Thị Kính thể hiện quan điểm gì của tác giả dân gian? Quan điểm đó có còn nguyên giá trị trong xã hội ngày nay không?

6. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết *Thị Mầu lên chùa* là một văn bản chèo?

7. Trong hai nhân vật Thị Kính và Thị Mầu, nhân vật nào để lại ấn tượng sâu sắc hơn đối với bạn? Vì sao?

B. Đọc văn bản tuồng

VĂN BẢN

HUYỆN TRÌA XỬ ÁN

(Trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*[1] – Khuyết danh)

Trước khi đọc

Bạn biết gì về các con vật như nghêu, sò, ốc, hến, hà, hàu, trìa,...? Bạn nghĩ thế nào khi tên các con vật này được dùng để đặt tên cho các nhân vật trong tác phẩm văn học?

Đọc văn bản

Nghêu, Sò, Ốc, Hến (khuyết danh) là vở tuồng đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, đậm chất dân gian, tiêu biểu cho tuồng đồ. Tác phẩm gồm màn giáo đầu và 19 lớp, có thể tóm tắt như sau.

Trần Ốc, một gã kẻ trộm, nhờ thầy bói là Lữ Ngao gieo quẻ chỉ hướng vào ăn trộm nhà Trùm Sò – một trọc phú trong vùng. Ốc đem của trộm được bán cho Thị Hến, một gái goá trẻ đẹp, ma mãnh. Trùm Sò báo với lí trưởng (Lí Hà), thuê phù thuỷ dùng bùa phép tìm kẻ gian. Một tên gia đinh của Thị Hến, vì bất bình với cách đối xử cay nghiệt của Thị Hến, đã có lời nói hớ hênh, khiến tang vật do Ốc lấy cắp từ nhà Trùm Sò bị phát giác. Lí Hà giam giữ Thị Hến cùng tang vật. Đề Hầu xuất hiện, thấy Thị Hến xinh đẹp, có ý bênh vực thị. Sau đó, cả bọn bị giải lên huyện để quan xét xử. Thị Hến làm cho cả quan huyện (Huyện Trìa) lẫn Đề Hầu mê mệt nhan sắc của mình. Thị được tha bổng, Trùm Sò không lấy lại được tài sản mất cắp. Kết thúc vở tuồng là màn kịch khôi hài do Thị Hến bày ra, lần lượt đưa Thầy Nghêu, Huyện Trìa, Đề Hầu vào tròng, lật tẩy bản chất của gã thầy tu và thầy trò hai tên chức dịch mê gái.

Vở tuồng này có nhiều dị bản. Các dị bản khác nhau về tổng số lớp tuồng, về số nhân vật và vai trò hành động của các nhân vật trong tác phẩm. Chẳng hạn, bản in của Nhà hát tuồng Đào Tấn, 1967, chỉ có 15 lớp. Một số dị bản khác không có nhân vật Thầy Nghêu, và trong lớp kết thúc tác phẩm ba kẻ mắc lõm Thị Hến là Lí Hà, Đề Hầu, Huyện Trìa, có màn xuất hiện của ba bà vợ táo tợn, hung dữ,...

Bản tóm tắt trên đây dựa vào văn bản in trong *Tổng tập Văn học Việt Nam* (trọn bộ 42 tập), tập 12, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, 2000.

Huyện Trìa xử án là lớp XIII trong *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*. Nhan đề văn bản do người biên soạn đặt.

[1] Vở tuồng này còn có tên khác: Di tình.

HUYỆN TRÌA: – Tri huyện Trìa là mỗ[1]
Nội hạt tiếng khen khen ta:
Cầm đường[2] ngày tháng vào ra,
Hoa nguyệt hôm mai thong thả.
Nhân rày nhàn hạ,
Rảnh việc binh dân;
Truyền chước bỉ chuỷ quăng[3]
Ngã hứng tình ngọc trản[4].
Ngẫm chuyện nhà quá ngán,
Giận mụ huyện hay ghen.
Hễ đi mô cả tiếng run en[5],
Ngồi lại đó tấc lòng buồn bực. 1
Cao tài tật túc[6],
Tiên đắc hữu tiền[7]
Dân khen mỗ hữu nhân
Người đồn ta tri lí.
Luật không hay (thời ta) xử theo trí,
Thẳng tay một mực ăn tiền.
Đơn từ già, trẻ, lạ quen,
Nhắm mắt đánh đòn phát lạc.[8]
Chỗ nào nhắm tốt tiền tốt bạc
Lễ phù lưu[9] hết mấy cũng lo,
Quan ở trên dù cú, hay cò
Đồ hành khiển[10] nhiều mâm cũng đặng. 2

Theo dõi

1 Chú ý nội dung tự giới thiệu trong lời xưng danh của nhân vật quan huyện ở đoạn này.

Theo dõi

2 Chú ý mục đích xử kiện của Huyện Trìa qua lời xưng danh của nhân vật này.

[1] *Mỗ*: ta, tôi.
[2] *Cầm đường*: cầm: đàn cầm; đường: ngôi nhà công đường của quan tri huyện đời Tống, Triệu Biện được bổ làm tri huyện, chỉ mang một cây đàn một con chim hạc, khi đánh đàn thì hạc múa, trong huyện được thái bình. Từ đó cầm đường chỉ tri huyện.
[3] *Chuỷ quăng*: sừng tê giác: Truyền rót rượu vào chén tiện bằng sừng tê giác.
[4] *Ngọc trản*: chén ngọc.
[5] *Run en (tiếng cổ)*: run sợ; lớn tiếng làm cho người ta sợ.
[6] *Cao tài tật túc*: tài cao tật đủ (lắm tài nhiều tật).
[7] *Tiên đắc hữu tiền*: cái được trước hết là có tiền.
[8] *Phát lạc*: đánh đòn roi (chú theo *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, Hoàng Trọng Miên giới thiệu, NXB Đào Tấn, Sài Gòn, 1967, tr. 54).
[9] *Lễ phù lưu*: mâm trầu cau làm của đút lót.
[10] *Đồ hành khiển*: phẩm vật đút lót cho quan (*hành khiển*: một chức quan đại thần trong triều đình).

ĐỀ HẦU: (– Dạ, thưa quan bọn này)
Trộm của Trùm Sò đêm trước
Vu cho Thị Hến hôm qua
Bắt tới chốn huyện nha,
Xin ngài ra xử đoán.
Vả chúng nó thiệt đoàn du đãng
Nhà Trùm Sò nên đấng phú gia:
Tội vu tang luật nọ khó tha
Nghiệm tình trạng lẽ không nên thứ.

HUYỆN TRÌA: – Đã biết mặt lão Đề hay nói bậy
Còn gio hàm chú Lại nói cò cưa
Lưng cù chầy hình khéo bơ sờ,
Mồm xà cáng vinh râu ngoe ngoét[1].
Thôi, đây đã biết,
Lựa đó phải thưa.
Đòi cả lũ vào đây
Đặng cho ta lược vấn[2].

Lại nói – Nhìn đơn trương lẩn thẩn
Xem tình trạng lăng nhăng
Việc lão Trùm khá nói, khá rằng
Nỗi Thị Hến bày ngay, bày thiệt, (nào!).

THỊ HẾN: – Nỗi ức oan khôn xiết,
Lời ngay thẳng thưa qua,
Việc làm ăn ngày tháng vào ra,
Phận goá bụa hôm mai côi cút.
Gẫm gia đình khó thốt
Nhờ quan lớn tỏ lòng.
Mua của chiên[3] việc ấy vốn không
Vì ai giận nên khai rằng có.

---

[1] *Cù chầy (cù nhầy)*: dài, lằng nhằng; *xà cáng*: cái võng, có thanh khiêng. *Lưng cù chầy… vinh râu ngoe ngoét*: người dị hợm, nói năng đưa đẩy, điêu toa; đáng ghét và đáng ngờ.

[2] *Lược vấn*: hỏi sơ qua.

[3] *Của chiên*: của không chủ.

TRÙM SÒ: (– Dạ dạ!)

Mồng một mất đồ hôm nọ,

Mồng hai nhìn thấy đặng đây.

Đồ đạc nhìn đã không sai,

Mua chác đó xin ngài tra hỏi. 3

HUYỆN TRÌA: – Ngồi lâu thời mói,

Nó nói kéo dài,

Lão Đề lấy tờ khai,

Đặng ta toan làm án.

Cứ mực thẳng, cung cho ngay, bày cho thiệt

Kẻo hai đàng cua nói có, vọ nói không.

Để Thị Hến khai trước mới xong

Rồi lão Trùm cung sau thì rõ.

Này Thị Hến!

Việc phải, không, vốn ta chưa tỏ,

Thấy đơn cô chút chạnh lòng thương

(Em) Phải năng lên hầu gần quan

(Thời) Ai dám nói vu oan gieo hoạ.

Đầu thời đương lạ,

Lâu ắt phải quen.

Hãy xuống lên hầu hạ cho liên,

Phương lợi hại rồi ta sẽ tính.

THỊ HẾN: (– Dạ!)

Trông on quan lớn

Đoái xét phận hèn.

Phụ mẫu dân quyền quý ấy bề trên,

Ti tiện nữ đơn cô là phận dưới.

Như việc ấy nhờ on trên phân giải,

Thời duyên kia đành phận thiếp vương mang.

Xin ngài hãy thương,

Dự đoán

3 Những điều Trùm Sò (kẻ mất trộm) khai báo ở đây, liệu có được Huyện Trìa và Để Hầu chú ý đến khi xét xử không?

Chân trời sáng tạo

Vốn tôi ưng dạ.

HUYỆN TRÌA: – Gẫm đó dây duyên nợ
Thật trời đất đẩy đưa,
Căn duyên khéo khéo tình cờ
(Mà) Nhơn ngãi khăng khăng vương vấn.
Khuyên mụ đừng trách phận,
Đây ta đã đành lòng.
Cứ đây mà khai báo cho xong,
Rồi ta sẽ xử phân thuận lí.

ĐỀ HẦU: *(riêng)* – Mụ đà nên tệ
Ông Huyện cũng xằng,
Phen này ông bày mặt thú lang
Huếch[1] với mụ ắt râu trụi lủi. 4
Lại nói – Đòi Thị Hến vào đây ta hỏi,
Nào tờ khai đem nạp tại đây.
Lão Trùm Sò ăn nói trầm trây,
Thị Hến oan, tình hình tỏ rõ.
Tờ khai đó, đây đành có đó,
Lúc ra đây, rồi lại xử đây.
(Hạ)

HUYỆN TRÌA: – Thế lão Lại đã bày,
Làm tờ khai cho nó,
Nguyên tang không phải đó,
Tình trạng nghiệm là phi.
Ý phú gia hống hách,
Hiếp quả phụ thân cô,
Cứ lấy đúng pháp công,
Tội cả vợ lẫn chồng, 5
(Thôi) Ta thứ[2] liền ông, liền mụ.

Theo dõi

4 Đoạn này Đề Hầu đang nói về ai, với ai?

Suy luận

5 Lời phán quyết này của Huyện Trìa có dựa trên sự thật và có mang lại kết cục công bằng cho các bên: Vợ chồng Trùm Sò và Thị Hến?

[1] *Huếch*: mách lại.
[2] *Thứ*: tha cho.

Chân trời sáng tạo

VỢ CHỒNG TRÙM SÒ:

– Trời cao kêu chẳng thấu,
Quan lớn dạy phải vâng,
Cúi đầu tạ dưới sân,
Xin lui về bổn quán.

(Hạ)

THỊ HẾN: – Trông ơn quan lớn
Cúi xét phận hèn
Ơn huyện đàng biết lấy chi đền?
Hồi gia nội sẽ toan báo đáp.

(Hạ)

(Trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, in trong *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 12, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, 2000, tr. 534 – 538)

Sau khi đọc

1. Xác định đặc điểm ngôn ngữ kịch trong văn bản *Huyện Trìa xử án* bằng việc thực hiện các yêu cầu dưới đây:
   a. Nêu ví dụ về lời đối thoại, độc thoại, bàng thoại của nhân vật và lời chỉ dẫn sân khấu.
   b. Cho biết nhân vật nào có số lượt lời nhiều nhất và giải thích lí do.
   c. Chỉ ra một số dấu hiệu cho thấy các lời thoại của nhân vật trong văn bản trên mang đặc điểm của thơ hoặc văn vần.
   d. Cho biết vì sao trong lời thoại của nhân vật, một số từ ngữ lại được tách riêng ra và đặt trong ngoặc đơn. Ví dụ:
   ĐỀ HẦU: (– Dạ! thưa quan bọn này)
   …
   HUYỆN TRÌA:
   …
   (Em) Phải năng lên hầu gần quan
   (Thời) Ai dám nói vu oan gieo hoạ.
   …
2. Chỉ ra mâu thuẫn giữa các nhân vật trước và trong phiên toà. Phân tích nguyên nhân làm nảy sinh, chuyển hoá mâu thuẫn đó.
3. Từ lời xưng danh (bàng thoại) của Huyện Trìa và lời ông ta đối thoại với các nhân vật trong phiên toà, nhận xét về tính cách của nhân vật này.
4. Bạn có nhận xét thế nào về tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua ngôn ngữ kịch trong *Huyện Trìa xử án*?

5. Xác định đề tài và nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản *Huyện Trìa xử án*. Theo bạn, tích truyện của vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* được lấy từ đâu? Nêu một vài căn cứ giúp bạn nhận biết văn bản *Huyện Trìa xử án* (trong vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*) được sáng tác, lưu truyền theo phương thức truyền miệng.

6. Từ lời phán cuối cùng của Huyện Trìa, lời than của Trùm Sò, lời tri ân của Thị Hến, bạn có nhận xét gì về kết quả của phiên toà?

7. Từ việc đọc hiểu văn bản trên, cho biết: khi đọc, phân tích một kịch bản tuồng nói riêng, văn bản kịch nói chung, ta cần lưu ý những điều gì?

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ĐÀN GHI-TA PHÍM LÕM TRONG DÀN NHẠC CẢI LƯƠNG

Đọc văn bản

Trong dàn nhạc tài tử[1], hay dàn nhạc cải lương[2] ngày nay, cây ghi-ta phím lõm có một vị trí đặc biệt quan trọng. Đó là nhạc cụ chính, giữ song loan[3] và "bao sân"[4] cho cả dàn nhạc. Ghi-ta phím lõm là hiện thân của sự kết hợp tinh hoa âm nhạc phương Tây và Việt Nam, để tạo nên một yếu tố nghệ thuật không thể thiếu của cải lương.



Hình 1: *Cần đàn ghi-ta thường và cần đàn ghi-ta phím lõm*

[1] *Nhạc tài tử (hay đờn ca tài tử)*: một loại hình âm nhạc dân gian của người bình dân khu vực Nam Bộ, xuất hiện từ cuối thế kỉ XIX.

[2] *Cải lương*: một loại hình sân khấu kịch hát đặc trưng của miền Nam, hình thành từ khoảng đầu thế kỉ XX trên cơ sở đổi mới nghệ thuật hát bội truyền thống, kết hợp với nghệ thuật đờn ca tài tử và dân ca Nam Bộ. Càng về sau, cải lương càng đổi mới theo hướng tiếp nhận kiểu cấu trúc của kịch nói phương Tây.

[3] *Song loan (còn gọi là song lan hoặc song lang)*: một nhạc cụ gõ có kích thước nhỏ trong dàn nhạc cải lương, dùng để giữ nhịp. Giữ song loan: giữ nhịp cho cả dàn nhạc.

[4] *Bao sân (từ địa phương miền Nam)*: thực hiện hết những phần việc dành cho người khác.

Đàn ghi-ta có lịch sử lâu đời với nhiều thiết kế khác nhau, nhưng đã được người Tây Ban Nha cải tiến lại để có hình dáng và cấu trúc như ngày nay (vì thế đàn còn có tên là Tây Ban cầm). Người Việt Nam biết đến nó vào đầu thế kỉ XX. Cảm nhận được âm vực rộng và âm sắc phong phú của cây ghi-ta, các nghệ nhân Việt Nam đã khai thác và cải tiến cây đàn, khoét lõm các cung đàn trên cần để tạo nên hiệu ứng ngân rung đặc biệt, phù hợp với thang âm của âm nhạc Việt. Đàn mang tên là ghi-ta phím lõm, nhưng thực sự là cung lõm phím lồi, khác với ghi-ta thường phím không lõm. Trở thành cây ghi-ta phím lõm, nghĩa là cây ghi-ta Việt Nam đã xướng lên bằng ngôn ngữ âm nhạc Việt (hò, sự, xang, xê, cống[1]) mà không còn là ngôn ngữ âm nhạc Tây phương (đô, rê, mi, pha, son, la, si).



Hình 2: *Các nhạc cụ phổ biến trong dàn nhạc cải lương*

Ghi-ta phím lõm đảm bảo được âm độ rộng, từ thấp, trung đến cao, âm sắc phong phú, phím cung sâu nhấn nhá rất đa dạng. Ở loại hơi và thể điệu[2] nào, đàn cũng thể hiện một cách xuất sắc, điều này không phải nhạc cụ nào cũng làm được. Nó còn có thể thay thế các nhạc cụ khác, dù hiệu quả có thể không bằng khi "ngũ giọng" nhạc cụ cùng phối hợp.

Khoảng những năm 1934 – 1935, ghi-ta phím lõm đã nhanh chóng có mặt trong dàn nhạc cải lương của nhiều đại ban[3] như Phụng Hảo, Phước Cương, Trần Đắc,... Thành công của những danh cầm[4], những giọng ca vàng cải lương Sài Gòn hầu như luôn gắn với sự hỗ trợ của cây đàn ghi-ta phím lõm, như danh cầm Văn Vĩ đàn cho nghệ sĩ Út Trà Ôn, danh cầm Năm Cơ, rồi sau đó là Văn Giỏi, Bảy Dư, Hoàng Thành, Văn Mách,...

---

[1] *Hò, sự, xang, xê, cống*: 5 nốt nhạc trong hệ thống âm nhạc của người Việt, còn gọi là ngũ cung.

[2] *Điệu, hơi*: thuật ngữ chỉ các sắc thái nhạc đặc trưng trong đờn ca tài tử. Một số điệu và hơi thường gặp: điệu Bắc, điệu Hạ, điệu Nam, điệu Oán; hơi Xuân, hơi Ai, hơi Đão, hơi Ngự,...

[3] *Đại ban*: ban nhạc lớn.

[4] *Danh cầm*: nghệ sĩ chơi đàn nổi tiếng.



Hình 3: *Đàn ghi-ta phím lõm trên sân khấu cải lương*
(Nguồn: Nguyễn Á, *Đờn ca tài tử – Lời tự tình của dân tộc, quê hương*, NXB Thông tấn, 2015)

Trước 1975 đã có một thời kì cây đàn kìm được coi là nhạc cụ chính và giữ song loan, song có thể nói từ ngày được Việt Nam hoá đến nay, cây ghi-ta phím lõm vẫn luôn luôn đóng vai trò chủ chốt. Suốt một thế kỉ tồn tại, cây ghi-ta phím lõm từ chỗ là nhạc cụ bổ sung ban đầu nay đã trở thành nhạc cụ trụ cột không thể thay thế của dàn nhạc tài tử và cải lương.

(Theo Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Hương, in trong *Sân khấu cải lương ở Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Tổng hợp – NXB Văn hoá Sài Gòn, 2007, tr. 58 – 59)

Sau khi đọc

Chân trời sáng tạo

1. Vẽ sơ đồ các ý chính của văn bản trên. Có thể tham khảo mô hình như sau:



Mỗi khía cạnh của thông tin cơ bản trong bài gắn với những hình ảnh minh hoạ nào?

2. Nêu tác dụng của sơ đồ nhánh đính kèm (Hình 2) trong bài.

3. Ngoài nghệ thuật cải lương, bạn có biết bộ môn nghệ thuật nào ở Việt Nam có tiếp nhận những yếu tố hiện đại từ nước ngoài trên nền tảng nghệ thuật cổ truyền hay không? Bạn đánh giá như thế nào về sự tiếp nhận này?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. a. Các hình ảnh được sử dụng trong văn bản *Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương* giúp bạn hiểu thêm điều gì về các thông tin chính mà văn bản truyền tải?

   b. Nhận xét về cách tác giả văn bản chú thích các hình ảnh đính kèm: độ dài của phần chú thích hình ảnh, mối liên hệ giữa hình ảnh và phần chú thích với văn bản chính,...

2. Có rất nhiều dạng biểu đồ, sơ đồ, chẳng hạn như các dạng biểu đồ cột, biểu đồ đường, biểu đồ tròn như sau:



(Nguồn số liệu: Tổng cục Thống kê)

Chân trời sáng tạo

Theo bạn, có thể thay thế các biểu đồ trong ba hình ảnh minh hoạ trên bằng dạng khác không? Vì sao?

3. Sưu tầm ít nhất một văn bản thông tin trên sách báo, trong đó có sử dụng biểu đồ. Giải thích tác dụng của biểu đồ đó.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của bạn về việc bảo tồn một loại hình nghệ thuật, một nhạc cụ, một kiểu trang phục,... truyền thống của dân tộc, trong đó có sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI (CHÈO HOẶC TUỒNG)

Học sinh chọn đọc văn bản chèo hoặc tuồng

XÃ TRƯỞNG – MẸ ĐỐP[1]

(Trích *Quan Âm Thị Kính*)

Đọc văn bản

XÃ TRƯỞNG: *(ra)* Tại dân vi tổng lí
Quốc pháp hữu công hầu[2]
Ơn dân xã thuận bầu
Tôi đứng đầu hàng xã
Nay cơ chừng động mả[3]
Thị Mầu đã hoang thai
Chiếu[4] lệ làng[5] ngả vạ[6] không sai
Bắt khoán[7] cứ một trăm quan quý[8]
(gọi) Thằng bố Đốp đâu?
MẸ ĐỐP: Đứa nào đốp chát gì ngoài ấy?
XÃ TRƯỞNG: Tao đây! Thầy xã đây! Ra ngay có việc cần nhá!

---

[1] *Xã trưởng – Mẹ Đốp*: là một đoạn trích trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, nội dung xoay quanh cuộc trao đổi giữa xã trưởng (người quản lí xã) với mẹ Đốp (vợ của người mõ làng) về việc đi rao mõ, thông báo cho cả làng biết tin Thị Mầu mang thai khi chưa có chồng.

[2] *Tại dân vi tổng lí, Quốc pháp hữu công hầu*: dân có lí trưởng cai quản, cũng như nước có quan lại điều hành vậy.

[3] *Động mả*: sự tác động vào mộ phần tổ tiên gây ra điều không lành cho con cháu, theo quan niệm dân gian.

[4] *Chiếu*: dựa vào, căn cứ vào điều đã được quy định thành văn bản.

[5] *Lệ làng*: điều quy định từ lâu, đã trở thành nếp chung của làng.

[6] *Ngả vạ*: bắt người vi phạm lệ làng phải nộp phạt cho làng, theo tục lệ ở nông thôn thời phong kiến.

[7] *Khoán*: khoản tiền phải nộp phạt cho làng khi vi phạm lệ làng.

[8] *Quan quý*: đơn vị tiền tệ thời phong kiến.

MẸ ĐỐP: Bố cháu trẩy[1] tỉnh lĩnh bằng[2] rồi ạ!

XÃ TRƯỞNG: Làm cái thứ mõ[3] thì bằng với sắc cái gì?

MẸ ĐỐP: Dạ, bố cháu cắp tráp[4] theo hầu cụ Bá lên tỉnh lĩnh bằng rồi ạ!

XÃ TRƯỞNG: Có chăng thì thế! Chồng vắng thì vợ thay, ra ngay thầy bảo!

MẸ ĐỐP: Này chị em ơi,

(hát) Thương chồng nên phải lầm than
Phép đâu có bắt việc quan đàn bà.

(xưng danh) Thánh đế lên ngôi
Chẳng giấu gì mẹ Đốp là tôi
Tuy hình dung miệng nói dằng cò[5]
Khách đến nhà, Đốp mới bò ra
Miệng chào khách những câu như cắt
Ngày hôm nay xướng ca lạc đạc[6]
Dựng mõ lên cung phụng làm trò.
Ô rằng vậy:
Chẳng giấu gì mẹ đình đám là tôi
Nghề ăn nói tôi vào trang đúng mực
Bất phận danh nhi tài túc
Vô chế lệnh nhi dân tòng[7]
Một mình tôi cả xã ngóng trông
Điều phải trái tôi nay trước bảo[8]!

XÃ TRƯỞNG: Con này láo! Mày vất tao đi mà trước bảo dân tao à?

MẸ ĐỐP: Nó là thế này: Làng có việc gì, thầy sai con đi rao mõ, thời chẳng phải là lên trước bảo là gì?

---

[1] *Trẩy*: đi đến một nơi xa.

[2] *Bằng sắc*: giấy phong chức tước hoặc khen thưởng do vua ban.

[3] *Mõ*: nghĩa gốc chỉ một đồ dùng hình ống bằng tre hoặc gỗ, thường được sử dụng để làm tín hiệu, kêu gọi sự chú ý của dân làng mỗi khi có việc chung cần thông báo. Mõ làng là người chuyên đi gõ mõ, thông báo cho cả làng mỗi khi có tin tức hoặc hiệu lệnh. Trong tổ chức làng xã phong kiến Việt Nam, mõ làng được xếp vào hạng cùng đinh, tức vị thế thấp nhất trong làng và thường bị dân làng khinh miệt.

[4] *Tráp*: hộp nhỏ bằng gỗ, đựng giấy tờ, đồ dùng.

[5] *Dằng cò (tiếng cổ)*: giằng co, gay gắt.

[6] *Lạc đạc (tiếng cổ)*: lác đác, thưa thớt đây đó.

[7] *Vô chế lệnh nhi dân tòng*: không có chức vụ gì nhưng của cải vẫn đầy đủ, không có mệnh lệnh, ép buộc gì nhưng dân vẫn theo.

[8] *Trước bảo*: nói trước cho biết.

Từ việc hỉ cho chí việc hảo[1]
Giấy quan về là phải báo với tôi
Tôi chưa ra là làng chửa được ngồi.

XÃ TRƯỞNG: Cái con mẹ Đốp này! Nhật nhật đa hĩ, lộng giả thành chân[2]. Mày chưa ra thì làng chưa được ngồi thời mày là bà tiên chỉ[3] làng này à?

MẸ ĐỐP: Dạ, nó là thế này: Con chưa ra trải chiếu thì làng ngồi xuống đất hay sao?

XÃ TRƯỞNG: Ờ con mẹ Đốp nó nói thế mà có lí!

MẸ ĐỐP: Có thơ rằng:
Mõ tôi cả tiếng[4] lại dài hơi
Một xã cử bầu chẳng phải chơi
Mộc đạc[5] vang lừng hoà cả xã
Kim thanh[6] dóng dả[7] khắp đòi nơi
Gần xa chốn chốn đều nghe hiệu
Làng nước ai ai cũng quý nhời[8]
Muôn việc sửa sang quyền cắt đặt
Một mình một chiếu thảnh thơi ngồi.

XÃ TRƯỞNG: Thơ hay đấy nhỉ.

MẸ ĐỐP: Thầy có mang giấy bút đi không?

XÃ TRƯỞNG: Giấy bút để làm gì?

MẸ ĐỐP: Thầy khen thơ hay thì chép lấy đem về nhà mà treo!

XÃ TRƯỞNG: Hay là hay với cánh mõ nhà mày, chứ xã trưởng lại treo thơ mõ à?

MẸ ĐỐP: Sao thầy lại cứ nhìn tôi thế vậy?

XÃ TRƯỞNG: Nhà Đốp lớp này xem ra bảnh gái[9] dễ coi lắm nhỉ? Bụng mày độ này coi to đấy. Mày đã mấy con rồi?

---

[1] *Việc hảo*: tin cưới hỏi; việc hảo: tin tốt lành.
[2] *Nhật nhật đa hĩ, lộng giả thành chân*: càng thường ngày càng quá quắt, đùa quá hoá thật.
[3] *Tiên chỉ*: người có địa vị cao nhất trong làng, thường được giao chủ trì những buổi tế lễ.
[4] *Cả tiếng (tiếng cổ)*: lớn tiếng.
[5] *Mộc đạc*: chiếc mõ bằng gỗ.
[6] *Kim thanh*: tiếng chuông đồng, đôi khi chuông được đánh chung với mõ.
[7] *Dóng dả (gióng giả)*: chỉ âm thanh vang lên liên tục, như giục giã, nhắc nhở.
[8] *Nhời*: lời (phương ngữ Bắc Bộ)
[9] *Bảnh gái*: đẹp gái, xinh xắn.

MẸ ĐỐP: Thưa thầy, con còn hiếm[1] lắm ạ! Mới được có mười cháu thôi ạ,

XÃ TRƯỞNG: Tốt nái gớm nhỉ! Này, nhà Đốp! Hôm nào mát giời,
tao sang gửi mày một đứa nhá!

MẸ ĐỐP: Thầy chớ nói vậy! Bố cháu đứng ngoài kia
nó nghe thấy rồi nó lại ghen!

XÃ TRƯỞNG: Ghen cái gì? Thấy mày mát tay nên tao định đưa sang gửi mày nuôi hộ vài đứa chứ tao lại thèm... thèm... ấy à? Dở hồn! Sao cũng có ngày đấy! Thôi đi rao mõ đi!

MẸ ĐỐP: Thầy bảo rao thế nào ạ?

XÃ TRƯỞNG: Nghe đây này:
Trình làng trình chạ
Thượng hạ tây đông
Con gái phú ông
Tên là Mầu Thị
Tư tình ngoại ý[2]
Mãn nguyệt có thai
Mời già trẻ gái trai
Ra đình mà ăn khoán.
Còn ông Đồ Điếc không nghe thấy thì phải vào tận nhà nghe chưa?

MẸ ĐỐP: Thầy nói một mạch thế thì con nhớ làm sao được. Hay là thế này vậy: Nhà cháu đi trước đánh mõ, thầy đi sau rao hộ nhà cháu.

XÃ TRƯỞNG: Thế ra tao làm đấy tớ mõ à? Láo nào!

MẸ ĐỐP: Vậy thầy thủng thẳng nói lại để nhà cháu nhập tâm vậy! (bốc miệng xã trưởng bỏ vào dải yếm)

XÃ TRƯỞNG: Kìa sao mày lại bốc mồm tao bỏ vào đấy, hả?

MẸ ĐỐP: Không bỏ vào đấy thì nhà cháu không nhớ được ạ!

XÃ TRƯỞNG: Kìa, có nhấc cao cái dải yếm lên không, uế tạp hết mồm tao còn gì?

MẸ ĐỐP: Cao lắm rồi! Ù, ừ. Giấy này! Đi này, đi này! Thế là xong tất, xong hết!

XÃ TRƯỞNG: Sao không rao lên, kìa?

MẸ ĐỐP: Xong tất cả rồi đấy ạ!

XÃ TRƯỞNG: Tao bảo mày đi rao cơ mà.

MẸ ĐỐP: Dạ, người ta bảo "Gửi lời thì nói, gửi gói thì mở". Nhà cháu mở tung cả ra đấy thôi.

---

[1] *Hiếm*: hiếm muộn, ít con.

[2] *Tư tình ngoại ý*: có quan hệ nam nữ ngoài hôn nhân.

(Xã trưởng đánh mẹ Đốp)

MẸ ĐỐP: Ối bố Đốp ơi là bố Đốp ơi! Đi đâu để thầy Xã thầy ấy ăn hiếp tôi đây này.

XÃ TRƯỞNG: Thôi, thôi! Lọt tai làng sang tai họ[1] bây giờ! Nín đi!
Thôi tao xin mày! Rồi tao đền cho thúng thóc! Đi rao đi!
Nhớ vào mời bằng được cụ Đồ Điếc, nhớ đấy nghe không?

(Hạ)

(Theo Hà Văn Cầu (Chủ biên), *Kịch bản chèo*, quyển 1, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam – NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014, tr. 282 – 288 và 324 – 327)

Sau khi đọc

1. Liệt kê theo bảng sau những từ ngữ, hình ảnh trong lời thoại của hai nhân vật khi họ nói về công việc thường ngày của mình và của người còn lại:

	Nói về xã trưởng	Nói về mẹ Đốp và chồng
Xã trưởng	*– Tại dân vi tổng lí* *Quốc pháp hữu công hầu* …	*– Đi rao mõ* …
Mẹ Đốp	*– làng chửa được ngồi* …	*– Mộc đạc vang lừng* *Kim thanh dóng dả* …

Chân trời sáng tạo

Từ bảng trên, hãy nêu nhận xét về thái độ, quan điểm của hai nhân vật.

2. Yếu tố hài hước trong đoạn trích trên được tạo nên từ những thủ pháp nào? Thử hình dung khi diễn viên chèo nhập vai mẹ Đốp, họ sẽ sử dụng những cử chỉ, hành động như thế nào?

3. Mẹ Đốp thuộc kiểu nhân vật nào trong các kiểu nhân vật chính yếu của chèo cổ? Theo bạn, sự xuất hiện của mẹ Đốp nói riêng và kiểu nhân vật này nói chung trong kịch bản chèo có tác dụng như thế nào đối với việc chuyển tải tư tưởng, triết lí dân gian?

❋ **Bài tập sáng tạo:** Vẽ một bức tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vở chèo *Quan Âm Thị Kính*.

[1] *Lọt tai làng sang tai họ*: thông tin không rõ ràng khiến người nghe hiểu sai.

HUYỆN TRÌA, ĐỀ HẦU, THẦY NGHÊU[1] MẮC LỠM THỊ HẾN

(Trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* – Khuyết danh)



Minh hoạ: Thanh Thảo

(Lược dẫn: Sau khi được Huyện Trìa tha bổng ở huyện đường, Thị Hến bị Thầy Nghêu, một gã thầy tu phá giới trong vùng đến ga gẫm chuyện ái ân. Thị bày ra một kế nhằm chấm dứt mọi sự quấy nhiễu của Thầy Nghêu cùng bọn chức sắc, nhằm "Giữ tiết hạnh một đường cho toại". Thị cho mời cả ba gã đàn ông mê gái – Thầy Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa – cùng đến nhà mình và cả ba cùng sập bẫy. Dưới đây là lớp XIX, cũng là lớp kết thúc vở Nghêu, Sò, Ốc, Hến. Nhan đề do người biên soạn đặt).

THỊ HẾN: – Từ sai người tới đó
Sao chưa thấy tới đây?
Ông Huyện Trìa bị mụ Huyện trói tay,
Thầy Đề Lại mắc cô Đề buộc cổ.
Còn lão sãi trọc vắng tới nhà mà múa mỏ,
Hay là ta may hết thói lăng nhăng?
Dốc thờ chồng suối bạc cho toàn,
Lại bị quỷ nhà chay tới phá.

THẦY NGHÊU: – Trời tăm tối đi hầu bổ ngửa,
Cây bụi bờ rờ chẳng ra đường.
(Này! Này, Thím ơi! Mỗ đã sang. Mở cửa mình vào với!)

[1] *Thầy Nghêu*: Một số bản in hiện ghi tên nhân vật này là "Sư Nghêu", thực ra trong vở tuồng, đây chỉ là kẻ đội lốt nhà tu hành, nên SGK ghi tên nhân vật này là "Thầy Nghêu" như trong bản Vô Danh Thị – "*Nghêu, Sò, Ốc, Hến* (Di tình truyện), Tuồng đồ" – Hoàng Trọng Miên giới thiệu, NXB Đào Tấn, 1967.

THỊ HẾN: – Chào thầy mới tới
Trà nước vội vàng.
Đành lòng đây đó giao duyên
(Nhưng) Sợ nỗi thế gian đàm tiếu (thôi.)

THẦY NGHÊU: – Vốn đà trước liệu
Lọ phải sau lo
Kệ kinh chuông mõ trả cho chùa
Cày, cấy, đâm, xay đành phận mỗ.
(Này này!) Khuyên cùng với đó,
Chớ khá phụ đây,
Tuy làm vầy cũng tiếng ông thầy,
Ở như vậy uổng tài bà goá.

(Tiếng Đề Hầu kêu cửa)

THỊ HẾN: (– Ủa!)
Tiếng ai kêu chi lạ
Hay là thầy Lại đến đây?
(Này! Này! Mô Phật!)
Đi ra kẻo tội với thầy,
Ở đó ắt tai trước mắt! (Chớ chẳng chơi đâu!).

THẦY NGHÊU: (– [...])
Lão Đề Lại làm chi quá ngặt,
Khiến thầy tu chạy đã hầu điên.
(Thím ơi! Thím!)
Trốn chỗ nào khác chỉ cho min[1]!

(Chó) Ra cửa có thầy Đề đứng đó!

THỊ HẾN: – Dưới phản ngựa thầy mau xuống đó.
(Để tôi) Ra ngõ mời người đặng vào đây,
Dầu chuyện chi chịu khó một giây,
(Để) Người về đã, sẽ vầy hai mặt.

(Thầy Nghêu chui xuống gầm phản, Đề Hầu vào)

Lại nói – Thưa thầy!

[1] *Min*: tôi.

Chân trời sáng tạo

Nghe kêu lật đật,
Mở cửa vội vàng,
Thỉnh lại gia trang[1],
Sẽ bày tình tự.

ĐỀ HẦU: – Ơn mỗ cứu cho bữa trước
Nay nường còn nhớ chưa quên?
Sao đã cùng ông Huyện kết duyên,
Mà vội phụ thầy Đề tình ngãi, (hử?)

THỊ HẾN: – Xin thầy hãy nghĩ lại
Quan huyện dạy (tôi) phải vâng,
Đành đôi ta là cái duyên hằng[2]

(Thế mà) Không nghe đó, sao cho nên việc, (thưa thầy?)

ĐỀ HẦU: – Phải lắm! Thế mới biết
Đèn không khêu không tỏ,
Chuông không đánh không kêu.
(Ta nói thiệt)
Đó không thương đây cũng quyết liều,
(Chừ) Duyên đã khẳn[3] nàng tua[4] giữ dạ.

THỊ HẾN: – Ái ân việc còn thong thả,
Rượu trà xin hãy vui chơi
Chẳng mấy khi đặng hiệp một nơi
Bây giờ đã gặp nhau hai mặt
(Chừ có việc này)
Tôi xin hỏi thiệt, thầy khá tỏ bày!
Thầy hằng xem luật lệ xưa nay,
Tu (mà) phá giới tội chi khinh trọng, (thưa thầy?)

ĐỀ HẦU: – Lỗ tai nghe quá chướng

---

[1] *Thỉnh lại gia trang*: xin mời vào trong nhà.

[2] *Hằng*: thường; *đạo hằng*: đạo thường; *duyên hằng*: duyên thường. Ca dao: *Mấy ai phân rẽ đạo hằng/ Đốt chùa không tội cho bằng rẽ duyên.*

[3] *Khẳn*: hứa; *duyên đã khẳn*: duyên đã hứa.

[4] *Tua*: hãy, nên.

Chân trời sáng tạo

Trong luật lệ rất to,
Hễ phá giới tức hành trảm quyết[1]!

(Huyện Trìa tới)

HUYỆN TRÌA: *(nói ngoài cửa)*
– Viên ngoại diêu văn tế thuyết
Môn tiền hữu ngã quan nhơn[2]
Mở cửa ra! Mau tiếp đại tân[3]!
Ớ mụ! Kíp kíp ra mời quan Huyện, (nào!)

ĐỀ HẦU: (– Chui chao!)
Văn ngôn sắc biến! Sắc biến![4]
Thính thuyết hồn kinh! Hồn kinh![5]
Nếu mà ông Huyện tri tình,
Chắc hẳn thầy Đề mang khổ!

(Thầy Đề trốn, ông Huyện vào)

HUYỆN TRÌA: – Việc thuế má, án từ quá gấp
Đêm tối tăm đường xá (lại) khó đi!
Tưởng mụ đà tới lúc ngủ khì
Làm mỗ chạy ướt hầu bổ sấp.
Khi sớm, tối đợi mình khổ lắm
Từ rày xin tới mụ cho liên
Gẫm đà phải nợ phải duyên,
Thôi chớ làm hờn, làm giận, (nữa mà!)

THỊ HẾN: – Nghĩ mà tủi phận
Đâu dám trách ai
(Nhưng tôi nghĩ lại, như ông)
Vợ còn, còn sẵn, thiếu chi
(Mà buộc tôi không đặng?)
Trai quá gái không thường lệ

---

[1] *Trảm quyết*: trảm: chém; trảm quyết: án chém.
[2] Nghĩa cả câu: Ngoài vườn nghe tiếng nhỏ to/ Trước cửa có ta một vị quan nhân.
[3] *Đại tân*: khách quý.
[4] *Văn ngôn sắc biến! Sắc biến!*: nghe nói biến sắc! biến sắc!
[5] *Thính thuyết hồn kinh! Hồn kinh!*: nghe nói kinh hồn, kinh hồn!

(Tôi cũng) Cam phận thiếp muối trường cơm tẻ.
(Nhưng mà tôi)
E chánh thê cả tiếng nhiều lời (đó thôi!)
(Cho nên tôi)
Lánh một xó, lọ một nơi
Khó trối thây, giàu ai chẳng luỵ!

HUYỆN TRÌA: (– Ui chao! Chừ)
Ta nghỉ ngơi kẻo mệt,
Nói dài lắm cũng buồn
Khuyên khuyên đừng chó làm tuồng,
Bót bớt xin đừng nói bợm!

THỊ HẾN: – Sợ gan ruột đàn ông nhiều lớp
Việc nợ duyên dễ thiếp mấy nơi?
Rượu trà hãy xin mời,
Ái ân rồi có đó.
(Bây giờ tôi xin nhờ quan)
Vốn tôi chưa rõ,
Xin hỏi một lời:
Người từng xem luật lệ nơi nơi
(Là) Có một việc ở đời lạ lạ:
Rầy có chú thầy tu rất chạ
Hay đến nhà mà ve bà goá;
Đã xuất gia phá giới làm vơ,
Thời luật pháp xử chi cho rõ?

HUYỆN TRÌA: (– Uẩy!)
Nói làm chi việc rối
Ai có tiếc làm chi.
Phàm tu hành mà đã xuất gia,
Có phá giới đánh đòn phát lạc[1]!

THẦY NGHÊU: *(Từ gầm giường bò ra)*

[1] *Đánh đòn phát lạc*: đánh đòn trị tội bằng roi.

Chân trời sáng tạo

– Tâm khoái lạc! Tâm khoái lạc![1]

Thiện xử phân! Thiện xử phân![2]

(Bẩm quan lớn, lời quan dạy rất minh, chứ thầy Đề ngồi trong thúng mơ kia nói mới ức chớ! Bẩm quan lớn!)

Chơn vi phụ mẫu chi dân[3].

(Chứ thầy Đề)

Chỉ thị dâm ô chi loại![4]

Như thầy tu phá giới,

Thời bất quá đánh đòn,

Còn thầy Lại phạm giam

Thật ắt là tội chết!

ĐỀ HẦU: *(Lồm cồm bò ra)*

– Đầu đuôi tại mụ Hến,

Mưu mẹo bởi lão thầy tu.

Rày quan Huyện trớ trêu,

Mắc đàn bà quá tội.

Tôi cam chịu lỗi

Ai biết mà chê

Trong nha môn từ Huyện đến Đề

Còn tạo lệ không mời luôn thể!

HUYỆN TRÌA: – Thầy Lại làm nên quá tệ,

Như nhà sư bắt chước cố trêu.

Mắc cỡ lêu lêu!

Lêu lêu mắc cỡ!

Rất nên quái gở,

Làm việc lăng nhăng!

Hễ miếng to bây quyết kiếm ăn,

Còn đồ vặt bay làm sạch trụi.

Thầy Tu khá lui về cho khỏi

---

[1] *Tâm khoái lạc! Tâm khoái lạc!*: lòng vui sướng! Lòng vui sướng!

[2] *Thiện xử phân! Thiện xử phân!*: khéo phân xử! khéo phân xử!

[3] *Chơn vi phụ mẫu chi dân*: là cha mẹ dân đích thực.

[4] *Chỉ thị dâm ô chi loại*: đó tật là loại dâm ô.

Đề Lại mau cõng mỗ về nhà.

Dằn lòng thôi chớ ngứa nghề,

Giữ dạ đừng tham của lạ.

(Hạ)

THỊ HẾN: – Tâm khoái dã! Tâm khoái dã![1]

Kế hoan nhiên! Kế hoan nhiên![2]

Thế thầy tu hết tới ngõ nói điên,

Rày quan huyện hết đến nhà làm bậy.

Giữ tiết hạnh một đường cho toại

Nỗi nhơn duyên đôi chữ không màng.

(Hạ)

(Trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, in trong *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 12, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, 2000, tr. 544 – 548)

Hướng dẫn đọc

1. Nêu các đặc điểm của tuồng đồ được thể hiện qua văn bản *Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến*.
2. Phân tích nguyên nhân làm nảy sinh, phát triển mâu thuẫn giữa các nhân vật và cách giải quyết mâu thuẫn trong văn bản trên.
3. Phân tích tính cách của nhân vật Thị Hến trong lớp tuồng XIX.
4. Bình luận về tiếng cười toát ra từ tình huống mắc lõm của các nhân vật Thầy Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa trong lớp tuồng này.
5. Ở một số dị bản khác, nhân vật Thầy Nghêu được thay bằng nhân vật lí trưởng (Lí Hà), vở tuồng kết thúc trong cảnh các bà vợ của Huyện Trìa, Đề Hầu, Lí Hà bất ngờ xuất hiện và sỉ vả các ông chồng dại gái. Sự khác biệt giữa các dị bản giúp bạn hiểu thêm gì về đặc điểm của tuồng đồ?
6. Có người cho rằng trong *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* có đến hai cảnh xử án, cảnh thứ nhất do Huyện Trìa xét xử ở lớp XIII, cảnh thứ hai, do Thị Hến và Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu xử lẫn nhau. Cho biết ý kiến của bạn về nhận định trên.

❋ **Bài tập sáng tạo:** Vẽ tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*.

---

[1] *Tâm khoái dã! Tâm khoái dã!*: lòng khoái thích! Lòng khoái thích!

[2] *Kế hoan nhiên! Kế hoan nhiên!*: kế vui thành! Kế vui thành!



VIẾT

A. VIẾT MỘT BẢN NỘI QUY Ở NƠI CÔNG CỘNG

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Bản nội quy ở nơi công cộng là một dạng văn bản thông tin, do cơ quan quản lí địa điểm công cộng ban hành, trong đó trình bày những quy định, quy tắc xử sự mà mọi người cần tuân thủ khi đến một cơ quan, tổ chức hoặc địa điểm công cộng nào đó, nhằm đảm bảo trật tự và an ninh cho cộng đồng.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Trình bày đầy đủ các quy định, quy tắc cần tuân thủ.
- Ghi rõ tên cơ quan quản lí địa điểm công cộng.
- Mỗi quy định, quy tắc trong bản nội quy phải được diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu (chữ số hoặc kí hiệu khác) phù hợp.
- Bố cục gồm các phần: *phần đầu, phần chính* (các quy định), *phần cuối* (xem ngữ liệu tham khảo).

Đọc ngữ liệu tham khảo

NỘI QUY CÔNG VIÊN ĐẶNG THUỲ TRÂM

CÔNG VIÊN ĐẶNG THUỲ TRÂM

NỘI QUY CÔNG VIÊN

CÔNG VIÊN LÀ NƠI VUI CHƠI, GIẢI TRÍ CÔNG CỘNG, KHI ĐẾN CÔNG VIÊN, DU KHÁCH CẦN CHẤP HÀNH NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Thời gian hoạt động mỗi ngày từ 04 giờ đến 22 giờ.
2. Quý khách đến vui chơi ở công viên phải thực hiện nếp sống văn minh công cộng: ăn mặc lịch sự, sinh hoạt, vui chơi giải trí lành mạnh, đảm bảo trật tự và thuần phong mỹ tục, tuân thủ theo sự hướng dẫn, bố trí, sắp xếp của ban quản lý công viên, để xe, gửi xe đúng nơi quy định.
3. Không mang vũ khí, hung khí, chất cháy nổ, hóa chất độc hại, hàng cấm vào công viên; không sử dụng ma túy, bia rượu và các chất kích thích; không tổ chức các hoạt động cờ bạc, bói toán, đá gà, mại dâm, các tệ nạn xã hội và các hành vi trái pháp luật trong công viên; không thực hiện các hình thức kinh doanh, buôn bán trong công viên mà chưa có sự chấp thuận của đơn vị thẩm quyền.
4. Không chiếm dụng, lấp đựng, di chuyển, làm hư hại các thiết bị, tài sản, công trình trong công viên như: bóng đèn, vòi phun, tủ điện, băng ghế, chậu kiểng, thùng rác...; không câu, móc vào hệ thống điện công viên.
5. Không viết, vẽ, chạm khắc lên tường, cây và các vật thể khác trong công viên; không leo trèo trên cây, hàng rào, tường rào, tượng trong công viên; không dẫm đạp lên thảm cỏ; không hái hoa, trèo, bẻ cành hay các hành vi phá hoại cây trồng trong công viên; không săn bắt chim, thú trong công viên.
6. Không tắm rửa, giặt, phơi đồ, mắc võng, không nằm trong công viên mảng xanh; không đốt lửa, đun nấu, câu cá; không sử dụng các loại phương tiện giao thông gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động chung trong công viên.
7. Đối với các môn thể thao như đá cầu, cầu lông, trượt patin cho phép được chơi tại một số khu vực quy định trong công viên, đảm bảo không ảnh hưởng đến sinh hoạt chung của công viên.


8. Không vứt, xả rác bừa bãi; phải bỏ rác, khạc nhổ, đại tiện, tiểu tiện đúng nơi quy định.
9. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các hoạt động tập trung đông người, các chương trình có dàn dựng quy mô, chụp ảnh quay phim thương mại, thực hiện các chương trình quảng cáo phải được sự đồng ý của cấp thẩm quyền liên quan. Không mở âm thanh quá lớn trong công viên ảnh hưởng đến không gian sinh hoạt chung của công viên (đối với những nhóm sinh hoạt có sử dụng âm nhạc).
10 Tuyệt đối không tổ chức tiến hành các hoạt động hội họp, tuyên truyền các nội dung trái pháp luật.
11. Mọi hành vi vi phạm nội quy, nếu gây thiệt hại cho công viên và làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường sẽ bị xử lý theo quy định và pháp luật hiện hành.
12. Khi có thông tin cần góp ý, quý khách vui lòng phản ảnh trực tiếp hay điện thoại hoặc bằng văn bản gửi thùng thư góp ý đặt tại văn phòng ban quản lý công viên (phản ảnh nội dung cụ thể, vui lòng để lại tên và thông tin liên lạc như địa chỉ, điện thoại). Khi phát hiện cá nhân, tổ chức vi phạm nội quy này hoặc xảy ra tình huống khẩn cấp cần hỗ trợ, quý khách vui lòng báo ngay cho nhân viên bảo vệ, nhân viên quản lý công viên hoặc liên hệ:

Đơn vị quản lí: CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH
Điện thoại: (028). 38 060 036 (028) 35 164 652

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài *Viết bản nội quy ở nơi công cộng* và cho biết:

1. Phần đầu, phần chính và phần cuối trong ngữ liệu tham khảo đã đáp ứng được yêu cầu đối với kiểu bài *Viết bản nội quy ở nơi công cộng* chưa?
2. Các quy định trong phần chính của bảng nội quy đã được người viết sắp xếp hợp lí chưa?
3. Cách trình bày có nổi bật, gây chú ý không?
4. Qua văn bản, bạn rút ra những lưu ý gì khi viết một bản nội quy ở nơi công cộng?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết bản nội quy cho câu lạc bộ ngoại khoá mà bạn tham gia.

Bước 1: Chuẩn bị viết

- Xác định rõ mục đích ban hành nội quy và đối tượng hướng tới.
- Nêu lí do cần tuân thủ hướng dẫn: tạo môi trường nghiêm túc.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý: Thế nào là một câu lạc bộ tốt? Bạn xác định những yêu cầu mà các thành viên câu lạc bộ phải thực hiện.

Lập dàn ý: Bạn sắp xếp nội dung các phần *mở đầu, phần chính, phần cuối*; các quy định cần được tuân thủ trong phần chính của bản nội quy theo bố cục kiểu bài *Viết bản nội quy ở nơi công cộng* (trang 140).

Riêng với phần chính của bản nội quy, bạn cần bám sát yêu cầu cần đạt để chi tiết hoá các quy định theo một trình tự rõ ràng, hợp lí. Ví dụ, với yêu cầu viết bản nội quy công viên trên đây, người viết đã chi tiết hoá nội quy thành 12 quy định và được sắp xếp theo một trật tự nhất định.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý đã lập, bạn viết thành bản nội quy.

• Mỗi mục trong bản nội quy được diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu phù hợp.

• Ngôn ngữ chuẩn mực, không gây hiểu lầm, không có từ địa phương, từ khó hiểu hoặc từ ít dùng; không thể hiện sắc thái tình cảm hay ý kiến cá nhân.

• Trình bày rõ ràng, dễ đọc, theo một quy cách thống nhất.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình để chỉnh sửa hoàn chỉnh thêm. (Bạn có thể tham khảo các bài trước, lập một bảng kiểm gồm các tiêu chí đạt/không đạt phù hợp để tự đánh giá cách viết văn bản nội quy theo ba phần: phần đầu, phần chính, phần cuối).

B. VIẾT MỘT BẢN HƯỚNG DẪN Ở NƠI CÔNG CỘNG

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Bản hướng dẫn ở nơi công cộng là một dạng văn bản thông tin, nhằm hướng dẫn quy cách và quy trình thực hiện một hoạt động, nhằm đảm bảo các yêu cầu về trật tự, y tế, văn hoá, an ninh, đồng thời bảo đảm tính hiệu quả, an toàn cho mọi người tham gia hoạt động.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nêu tên bản hướng dẫn ở nơi công cộng rõ ràng, chính xác.
- Quy cách thực hiện hoạt động được cụ thể hoá/ sơ đồ hoá thành các công đoạn, thao tác hay các chi tiết, kí hiệu trong hình vẽ,... dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Mỗi công đoạn/ thao tác trong quy trình diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu phù hợp; được thuyết minh, giải thích đủ rõ.
- Ngôn ngữ chuẩn mực, không gây hiểu lầm, không có từ địa phương, từ khó hiểu hoặc từ ít dùng; không thể hiện sắc thái tình cảm hay ý kiến cá nhân.
- Trình bày rõ ràng, thường kết hợp các màu sắc, kết hợp lời văn với hình ảnh, sơ đồ,... dễ đọc, gây được sự chú ý.
- Kết hợp sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, biểu bảng,...) hỗ trợ cho việc hướng dẫn trong trường hợp cần thiết.
- Có đủ các phần: *phần đầu, phần chính* (các thể thức), *phần cuối* của một bản hướng dẫn.

Chân trời sáng tạo

Đọc ngữ liệu tham khảo

CÁCH SỬ DỤNG THANG MÁY [1]

Những kí hiệu cơ bản khi sử dụng thang máy



Khi thang máy gặp sự cố



Nút Alarm và Intercom
(Nguồn: https://vietchao.vn/cach-su-dung-thang-may/)

Khi thang máy gặp sự cố khẩn cấp, bạn nên bình tĩnh đối phó và xử lí. Thay vì la hét, hoảng loạn thì cách tốt nhất là hãy ấn vào nút Alarm ( ) hoặc Intercom ( ) để có thể gọi điện, liên lạc và thông báo cho người ở bên ngoài đến hỗ trợ nhanh nhất. Tránh cạy thang hoặc trèo qua cửa khi thang bị mắc kẹt giữa hai tầng.

[1] Văn bản hướng dẫn đầy đủ có nhan đề chung là *Cách sử dụng thang máy an toàn, văn minh, lịch sự*, có các phần: Những kí hiệu cơ bản khi sử dụng thang máy; Trước khi vào thang máy; Khi bước vào cabin; Trong cabin; Khi bước ra ngoài thang máy; Khi thang máy gặp sự cố;... Ngữ liệu trên trích mục hướng dẫn về những kí hiệu cơ bản và cách xử lí khi thang máy gặp sự cố.

Đối chiếu ngữ liệu đọc tham khảo với yêu cầu đối với kiểu bài và cho biết:

1. Nhan đề đã phù hợp với nội dung hướng dẫn trong ngữ liệu chưa?
2. Nội dung hướng dẫn có được cụ thể hoá/ sơ đồ hoá dễ hiểu và dễ thực hiện không?
3. Cách trình bày có nổi bật gây chú ý không?
4. Lời văn và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như *hình ảnh, sơ đồ, kí hiệu,...* đã phù hợp, chuẩn mực chưa?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài: (học sinh chọn một trong hai đề)

Đề 1: Hãy viết bản hướng dẫn thủ tục đăng kí sinh hoạt một câu lạc bộ được tổ chức trong trường học.

Đề 2: Hãy viết bản hướng dẫn cách sử dụng một trong những thiết bị thông dụng nơi công cộng (thiết bị phòng vệ sinh, thiết bị điện liên quan đến âm thanh, ánh sáng, máy chiếu trong phòng học,...).

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đối tượng mà bản hướng dẫn cần hướng đến và lí do họ cần tuân thủ những hướng dẫn của bạn.

• Đối tượng cần hướng đến: học sinh (đề 1); người tham gia sử dụng thiết bị công cộng (đề 2).

• Lí do cần tuân thủ hướng dẫn: nhằm đảm bảo câu lạc bộ quản lí được số lượng và chất lượng thành viên (đề 1); hoặc cần bảo đảm trật tự văn minh, an toàn cho người sử dụng (đề 2).

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Với đề 1, bạn cần:

• Xác định những công việc học sinh cần thực hiện về thủ tục và quy trình đăng kí tham gia câu lạc bộ.

• Cung cấp một số thông tin liên quan (tên người, địa điểm, thời gian gặp gỡ, liên hệ, các loại giấy tờ cần mang theo,...).

Với đề 2, bạn cần:

• Tìm hiểu và nắm chắc quy trình sử dụng thiết bị thông dụng nơi công cộng mà mình sẽ viết bản hướng dẫn.

• Chi tiết hoá hoặc sơ đồ hoá thành các bước/ thao tác sử dụng.

Lập dàn ý

Bạn tổ chức các ý đã có theo một trật tự hợp lí.

Chân trời sáng tạo

Bước 3: Viết bài

• Trình bày nội dung các phần *mở đầu, phần chính, phần cuối*; các công đoạn/ thao tác cần hướng dẫn trong phần chính của bản hướng dẫn hoạt động theo yêu cầu đối với kiểu bài *Viết một bản hướng dẫn ở nơi công cộng* (trang 142).

• Dùng lời văn (phương tiện giao tiếp ngôn ngữ) hoặc hình vẽ, sơ đồ (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) hoặc kết hợp cả hai để trình bày những điều cần hướng dẫn một cách mạch lạc, dễ theo dõi.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo những gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng viết bản hướng dẫn ở nơi công cộng

Các phần	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Phần đầu	Nêu rõ tên bản hướng dẫn.		
	In to và đậm tên bản hướng dẫn.		
Phần chính	Trình bày quy cách thực hiện hoạt động nơi công cộng thành sơ đồ/ quy trình gồm các bước/ công đoạn/ thao tác cụ thể.		
	Hướng dẫn bằng lời hoặc hình vẽ, kí hiệu quy cách thực hiện rõ ràng, dễ hiểu đối với từng bước, từng thao tác cụ thể.		
	Mỗi công đoạn/ thao tác trong quy trình diễn đạt/ sơ đồ hoá thành một phân đoạn riêng với các kí hiệu, chi tiết phù hợp.		
	Ngôn ngữ chuẩn mực.		
	Sử dụng hình ảnh, sơ đồ, biểu bảng,... có hỗ trợ tốt cho việc hướng dẫn hoạt động/ nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết.		
Phần cuối	Nêu rõ tên của tổ chức, cơ quan lập bản hướng dẫn.		

Chân trời sáng tạo



NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Các vấn đề trong cuộc sống luôn tồn tại những quan điểm trái chiều hoặc khác biệt. Khi thảo luận về một vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau, bạn cần bảo vệ quan điểm của mình nếu hợp lí, nhưng cũng cần tôn trọng những ý kiến khác biệt. Mục tiêu sau cùng của buổi thảo luận không phải là khẳng định ai đúng ai sai, mà là cùng nhau tìm ra tiếng nói chung và giải pháp hợp lí cho vấn đề đang bàn.

Khi thảo luận một vấn đề liên quan đến cách ứng xử trong sinh hoạt thường ngày cũng cần tìm được tiếng nói chung giữa nhiều ý kiến khác biệt như vậy. Chẳng hạn, theo bạn, học sinh cần ứng xử như thế nào trong môi trường học đường? Hãy tổ chức một buổi thảo luận trên lớp, nhằm thống nhất những quy định để đưa vào bản nội quy về văn hoá ứng xử trong lớp học.

Bước 1: Chuẩn bị

Sau khi thành lập nhóm, các thành viên cần thống nhất với nhau về mục đích thảo luận, thời gian thảo luận và thời gian cho mỗi thành viên trình bày ý kiến của mình.

Mục đích thảo luận của bạn là thuyết phục cả lớp đồng ý lựa chọn các quy định mà bạn đưa ra. Trước buổi thảo luận, mỗi thành viên cần chuẩn bị nội dung sẽ trình bày. Có thể sử dụng bảng sau để chuẩn bị ý kiến:

Ý kiến của tôi	Lí do	Dẫn chứng từ thực tế hoặc sách báo
Về ứng xử với thầy cô		
Về ứng xử với bạn bè		
Về sử dụng cơ sở vật chất		

Bước 2: Thảo luận

Trong buổi thảo luận, nhóm trưởng điều khiển sao cho tất cả các thành viên đều có thể trình bày ý kiến của mình nhưng không vượt quá thời gian riêng của mỗi người. Thư kí ghi chép nội dung cuộc thảo luận theo bảng sau:

Chân trời sáng tạo

Thứ tự trình bày	Ý kiến trình bày	Các ý kiến phản hồi
Bạn A		
Bạn B		
Bạn C		

Mỗi thành viên lắng nghe, ghi chép ý kiến của các bạn và chuẩn bị phản hồi theo bảng sau:

	Những vấn đề tôi đồng tình với bạn	Những vấn đề tôi chưa đồng tình hoặc cần bạn giải thích rõ hơn	Những vấn đề bạn trả lời tôi	Ý kiến của tôi sau khi nghe bạn trình bày
Ý kiến của bạn A				
Ý kiến của bạn B				
Ý kiến của bạn C				

Bước 3: Đánh giá

• Bạn hãy tự đánh giá phần trình bày của mình và cách mình trao đổi với các thành viên khác trong nhóm.

• Bạn hãy đánh giá phần trình bày của các thành viên khác trong nhóm và cách họ trao đổi với bạn cũng như với các thành viên còn lại.

Trong cả hai vai trò ấy, khi đánh giá, bạn có thể sử dụng các gợi ý trong bảng sau đây:

Chân trời sáng tạo

Bảng kiểm kĩ năng thảo luận nhóm về một vấn đề có ý kiến khác nhau

Các nội dung cần đánh giá		Đạt	Chưa đạt
Khi trình bày	Phần trình bày rõ ràng, có lập luận thuyết phục, có dẫn chứng đầy đủ.		
	Cách nói rõ ràng, mạch lạc.		
	Đảm bảo thời gian quy định.		
Khi trả lời phản hồi	Có thái độ chừng mực khi tiếp nhận các ý kiến trái chiều từ các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có lập luận rõ ràng, thuyết phục khi phản hồi các ý kiến trái chiều.		

Khi tham gia thảo luận	Chú ý lắng nghe và ghi chép các ý kiến khác của các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có ý kiến phản hồi và trao đổi nghiêm túc với các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có ngôn ngữ trao đổi khách quan, trung tính, không công kích cá nhân.		

ÔN TẬP

1. Học sinh chọn và thực hiện một trong hai câu dưới đây:

a. Nêu những điểm nổi bật của chèo cổ trong từng văn bản theo mẫu sau (làm vào vở):

Văn bản	Xung đột chính trong cốt truyện	Đặc điểm ngôn ngữ của nhân vật	Diễn biến tâm lí nhân vật	Đặc điểm tính cách nhân vật
1. *Thị Mầu lên chùa*				
2. *Xã trưởng – Mẹ Đốp*				

b. Nêu những điểm nổi bật của tuồng đồ trong từng văn bản theo mẫu sau (làm vào vở):

Văn bản	Mâu thuẫn, xung đột chính trong cốt truyện	Đặc điểm, tính cách của các nhân vật	Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả	Cảm hứng chủ đạo
1. Huyện Trìa xử án				
2. Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến				

2. Khi viết một bản nội quy hoặc hướng dẫn ở nơi công cộng, cần lưu ý những điểm nào? Vì sao?

3. Nêu một số điểm khác biệt đáng lưu ý giữa việc viết một bản nội quy và viết một bản hướng dẫn ở nơi công cộng.

4. Theo bạn, việc phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống trong đời sống đương đại có ý nghĩa như thế nào?

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

1. Kẻ vào vở hai cột A, B theo mẫu dưới đây, sau đó nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm phù hợp được nêu ở cột B; giải thích lí do bạn tạo ra các đường nối giữa hai cột A và B.

A	B
Thần thoại	có cốt truyện xoay quanh những cuộc phiêu lưu; nhân vật là hiện thân của cộng đồng.
Sử thi	không có cốt truyện, giàu tính trữ tình và tính nhạc.
Thơ	có nhân vật, cốt truyện; không có người kể chuyện.
Văn bản thông tin tổng hợp	có thể lồng ghép yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm,…
Chèo cổ/ tuồng đồ	thường dựa vào tích truyện có sẵn.
	thường kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
	có cốt truyện đơn giản; nhân vật đã tạo ra thế giới và con người.

Chân trời sáng tạo

2. Nêu tóm tắt những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu một văn bản theo các thể loại dưới đây (có thể tóm tắt dưới hình thức lập bảng):

a. Thần thoại

b. Sử thi

c. Chèo (hoặc tuồng)

d. Văn bản thông tin (thuyết minh có lồng ghép…)

e. Thơ

3. Hãy tóm tắt hai trong số các văn bản đã đọc ở học kì I, trong đó có:

– Một văn bản thần thoại hoặc sử thi;

– Một văn bản thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm.

4. Theo bạn, vì sao cách giải thích của người xưa về đặc điểm, tập tính một số loài vật trong *Cuộc tu bổ lại các giống vật* (thần thoại Việt Nam) vẫn có thể mang lại sự thích thú đối với người đọc, người nghe trong thời đại phát triển của khoa học?

5. Theo bạn, hai nhân vật anh hùng Đăm Săn (sử thi *Đăm Săn*) và Ô-đi-xê (sử thi *Ô-đi-xê*) có những điểm gì giống nhau và vì sao có sự giống nhau ấy?

6. Theo bạn, trong *Đăm Săn đi chinh phục nữ thần Mặt Trời*, việc tác giả nói nhiều về nhân vật nữ thần Mặt Trời có làm mờ đi tính cách anh hùng của Đăm Săn trong văn bản hay không? Vì sao?

7. Nêu một số điểm giống nhau và khác nhau về đề tài, nhân vật trong chèo cổ và tuồng đồ.

8. Phát biểu suy nghĩ của bạn về nhân vật Thị Mầu khi đọc *Thị Mầu lên chùa (Quan Âm Thị Kính)* hoặc nhân vật Thị Hến khi đọc *Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến (Nghêu, Sò, Ốc, Hến)*.

9. Nêu tác dụng của việc lồng ghép yếu tố miêu tả, biểu cảm trong hai văn bản *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam* và *Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây*.

10. Việc sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong một văn bản thông tin có tác dụng như thế nào? Sử dụng bằng chứng từ các văn bản mà bạn đã đọc để làm rõ thêm ý kiến của mình.

11. Xác định chủ thể trữ tình, cách ngắt nhịp, gieo vần trong văn bản dưới đây:

Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(*Bánh trôi nước* – Hồ Xuân Hương)

12. Dựa vào yêu cầu đối với kiểu bài (Bài 2 và Bài 3), hãy chỉ ra điểm khác biệt trong cách mở bài, thân bài, kết bài giữa hai kiểu bài: *nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học* và *nghị luận về một vấn đề xã hội*.

13. Nêu một số điểm khác nhau đáng lưu ý trong cách tìm ý, lập dàn ý cho hai kiểu bài viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật của một truyện kể và của một bài thơ.

14. Lập dàn ý cho một trong hai đề dưới đây:

Đề a. *Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ mà theo bạn là có giá trị về chủ đề và đặc sắc về hình thức nghệ thuật.*

Đề b. *Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội mà bạn quan tâm.*

Chân trời sáng tạo

BẢNG HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG ĐỌC

Đọc là cách thu nhận thông tin, khám phá ý tưởng của người khác, đồng thời học cách tư duy, cách giao tiếp hiệu quả, qua đó, làm giàu tâm hồn cho chính mình. Những kĩ năng đọc mà người đọc thường xuyên sử dụng trong khi đọc là:

Kĩ năng đọc	Chỉ dẫn	Tác dụng
Xác định mục đích đọc	Trước khi đọc bạn hãy tự trả lời các câu hỏi: – Đọc văn bản này để thưởng thức? – Đọc văn bản này để có thêm thông tin? – Đọc văn bản này để biết cách thực hiện một công việc?	Đọc văn bản hiệu quả hơn.
Xem trước	Trước khi đọc kĩ từng dòng, bạn hãy đọc lướt qua tựa đề, mục lục, một số hình ảnh trong văn bản.	Hình dung bước đầu về nội dung văn bản.
Đọc lướt	Đọc nhanh qua một số trang.	Bước đầu nắm bắt thông tin chính của văn bản.
Đọc quét	Đọc kĩ một vài chỗ để tìm lại những từ, cụm từ, thông tin quan trọng, cụ thể trong văn bản.	Nhanh chóng tìm được thông tin muốn tìm.
Dự đoán	Đoán trước điều có thể xảy ra trong văn bản.	Chủ động trong quá trình đọc và làm cho việc đọc trở nên thú vị, hấp dẫn.
Đặt câu hỏi	Tự đặt ra những câu hỏi trong đầu khi đọc, ví dụ: *Tại sao tác giả viết như vậy? Điều này có ý nghĩa gì? Vì sao nhân vật lại hành xử như vậy?*,…	Tìm kiếm câu trả lời cho chính bạn trong quá trình đọc để hiểu văn bản hơn đồng thời tự kiểm soát cách hiểu của bản thân.
Liên hệ	Liên hệ những gì bạn đang đọc với những gì bạn đã biết. Có ba loại liên hệ: (1) *Liên hệ với bản thân*: liên hệ những gì tác giả trình bày trong văn bản với cuộc sống, suy nghĩ, tính cách,… của chính bạn; (2) *Liên hệ với văn bản khác*: liên hệ văn bản đang đọc với những văn bản khác đã đọc, có nội dung tương tự; (3) *Liên hệ với thế giới xung quanh*: liên hệ những vấn đề mà văn bản nêu lên với những gì đã và đang xảy ra trong cuộc sống.	Hiểu văn bản, hiểu chính mình cũng như hiểu cuộc sống sâu sắc hơn.

Chân trời sáng tạo

Tưởng tượng	Hình dung bức tranh trong đầu về những gì đang đọc (nhân vật, sự kiện, bối cảnh,...).	Hiểu, nhớ và cảm nhận rõ hơn về thế giới hình ảnh trong văn bản, khiến văn bản trở nên sống động, hấp dẫn và thú vị hơn.
So sánh	Tìm sự tương đồng hoặc/ và sự khác biệt giữa các nhân vật, sự kiện, thông tin,... trong cùng một văn bản hoặc giữa các văn bản.	Hiểu rõ những điểm giống và khác nhau giữa các nhân vật, sự kiện, thông tin trong một văn bản và giữa văn bản này với văn bản khác.
Suy luận	Rút ra những kết luận hợp lí dựa trên việc kết hợp những từ ngữ, hình ảnh, chi tiết,... được trình bày trực tiếp trong văn bản với hiểu biết của bản thân hoặc kết hợp với những gì đã được trình bày ở những phần trước đó của văn bản.	Hiểu thông điệp mà tác giả không thể hiện trực tiếp trên văn bản; hiểu sâu hơn về cuộc sống của bản thân; phát triển tư duy lô-gíc.
Theo dõi	Tự đánh giá cách hiểu của bản thân về những đoạn đã đọc hoặc đang đọc (chỗ nào đã hiểu, chưa hiểu hoặc hiểu chưa đúng); từ đó tự đặt câu hỏi cho chính mình để điều chỉnh cách hiểu văn bản.	Điều chỉnh, kiểm soát sự hợp lí của những ý nghĩa mà bạn đã tạo ra cho văn bản.
Diễn giải lại thông tin	Diễn giải lại ý chính của văn bản theo cách hiểu của mình. Kể lại những diễn biến của một câu chuyện.	Rút gọn những thông tin đã đọc.
Rút ra kết luận	Kết nối các thông tin và chi tiết trong văn bản với kiến thức nền của người đọc, từ đó rút ra một kết luận có tính khái quát. Hoạt động này giống như ghép các mảnh của văn bản thành một bức tranh hoàn chỉnh.	Hiểu tác giả muốn nói gì.
Đánh giá	Nhận xét về những gì đã đọc: nhân vật, câu chuyện, ý tưởng, chi tiết, cách tác giả thể hiện nội dung và hình thức của văn bản, dựa trên những bằng chứng cụ thể (chi tiết, sự kiện,...).	Nhìn nhận mặt đúng, sai, hay, dở, tốt, xấu của những gì đã đọc, từ đó rút ra các bài học hữu ích từ văn bản.
Tóm tắt	Lược bỏ những ý phụ, giữ lại những thông tin cốt lõi của văn bản và diễn đạt lại ngắn gọn bằng ngôn ngữ của bạn (có thể bằng sơ đồ).	Nhận ra mạch triển khai ý của tác giả, nhớ văn bản tốt hơn.
Xác định ý chính và những chi tiết bổ trợ	Tìm thông điệp quan trọng nhất mà tác giả muốn nói với chúng ta thông qua một đoạn văn hoặc văn bản. Tìm những từ ngữ hoặc câu văn, bằng chứng được dùng để diễn giải, làm rõ ý chính.	(1) Hiểu thông điệp mà tác giả muốn nói; (2) Nhận ra mạch tư duy, cách lập luận của người viết; (3) Nhận ra mối quan hệ giữa thông điệp và các chi tiết.
Đọc hiểu phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	Quan sát những hình ảnh, tranh vẽ, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu,... trong văn bản.	Hình dung rõ những thông tin được trình bày trong văn bản qua các hình ảnh; hiểu ý nghĩa, tác dụng của các sơ đồ, biểu bảng trong việc thể hiện thông tin.

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Bài	Trang
B	Bản tin	4	80
	Bối cảnh lịch sử – văn hoá	2	35
C	Cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú	2	35
	Cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản	2	35
	Cảm hứng chủ đạo	2	35
	Cảm hứng chủ đạo trong sử thi	2	35
	Cốt truyện sử thi	2	35
	Cấu trúc của một vở chèo	5	110
	Cốt truyện thần thoại	1	11
	Chèo cổ	5	109
	Chủ thể trữ tình	3	63
Đ	Đề tài của chèo cổ	5	110
	Đề tài của tuồng đồ	5	111
K	Không gian sử thi	2	35
	Không gian trong thần thoại	1	11
	Kịch bản chèo	5	109
	Kịch bản tuồng	5	110
L	Lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm	3	64
	Lỗi dùng từ không đúng nghĩa	3	64
	Lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp	3	64
	Lỗi dùng từ không phù hợp với kiểu văn bản	3	64
	Lỗi lặp từ	3	64, 111
	Lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn	1	11, 12
	Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật sử thi	2	36
	Lời hát	5	110

	Lời thoại trong chèo cổ	5	110
	Lời thoại trong tuồng	5	111
N	Nhân vật anh hùng trong sử thi	2	35, 62
	Nhân vật trong chèo cổ	5	110, 150
	Nhân vật trong thần thoại	1	12
	Nhân vật trong tuồng đồ	5	111
	Nhịp	3	63
P	Phương thức lưu truyền	5	111
	Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	4	81
Q	Quan điểm của người viết	4	81
S	Sân khấu chèo	5	109
	Sử thi	2	35
T	Tác phẩm khuyết danh	5	111
	Thần thoại	1	11
	Thời gian sử thi	2	35
	Thời gian trong thần thoại	1	11
	Tích truyện (cốt truyện) chèo cổ	5	110
	Tích truyện trong tuồng đồ	5	111
	Tiếng đế	5	110
	Tính chỉnh thể của tác phẩm	1	12
	Tình cảm, cảm xúc của tác giả sử thi	2	36
	Tuồng	5	110
	Tuồng đồ	5	111
	Từ ngữ, hình ảnh trong thơ	3	64
V	Vần	3	63
	Văn bản thông tin tổng hợp và thuyết minh có lồng ghép yếu tố của các kiểu loại văn bản khác	4	80

BẢNG TRA YẾU TỐ HÁN VIỆT

TT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt	Trang
1	*Gian*	1, 3, 4	Ở trong khoảng	Thế *gian* (B1), không *gian* (B3), dân *gian* (B1, 2, 4)	13, 35, 11, 70, 82
2	*Hỗn*	1	Xen lẫn lộn xộn	*Hỗn* độn (B1)	13
3	*Tích*	1, 3	Dấu vết	Vết* *tích* (B1), Phật *Tích* (B3)	14, 66
4	*Trụ*	1	Cây cột	Kình thiên *trụ* (B1)	14
5	*Hoàng*	1, 5	Vua	Ngọc *Hoàng* (B1, 5)	14, 113
6	*Quản*	1	Coi sóc	Cai *quản* (B1)	15
7	*Ân*	1	Ơn	Đặc *ân*, *ân* huệ (B1)	15, 16
8	*Khí*	1, 2	Đồ dùng	Vũ *khí* (B1), *khí* giới (B2)	16, 46
9	*Nguyên*	1, 2, 4	Cội nguồn, đầu tiên	*Nguyên* liệu (B1), *nguyên* thuỷ (B2),	16, 48
10	*Tạo*	1, 2, 4, 5	Làm ra	Sáng *tạo* (B1, 4, 5), *tạo* hoá (B2)	16, 52
11	*Hảo*	1	Tốt đẹp	Hoàn *hảo* (B1)	16
12	*Biến*	1	Thay đổi	*Biến* thiên (B1)	16
13	*Minh*	1	Sáng suốt	Thông *minh*, văn *minh* (B1)	16, 17
14	*Nhã*	1	Đẹp đẽ, thanh cao	Trang *nhã* (B1)	16
15	*Thanh*	1	Trong sạch	*Thanh* tao (B1)	16
16	*Hạnh*	1	May mắn	*Hạnh* phúc (B1)	17
17	*Hạ*	2 5	– Dưới – Rảnh rỗi	Thiên *hạ* (B2) Nhàn *hạ* (B5)	39 119
18	*Tù*	2	– Bộ lạc dân tộc ít người – Người bị giam	– *Tù* trưởng (B2) – *Tù* binh (B2)	38 39
19	*Cổ*	2	Đánh trống (để thúc giục, khích lệ)	*Cổ* vũ (B2)	44
20	*Du dương*	2	Âm thanh cao thấp véo von	*Du dương* (B2)	45
21	*Tiêu*	2	Cái mốc	Hoa *tiêu* (B2)	46
22	*Dũng*	2	Mạnh mẽ	*Dũng* tướng, *dũng* cảm (B2)	42, 46
23	*Đồng*	2, 3	Cùng	*Đồng* hành, cộng *đồng* (B2), *đồng* loại, *đồng* thời (B3)	46, 35, 70
24	*Trung*	2 5	– Hết lòng – Ở giữa	– Trung *thành* (B2) – *Trung* tâm (B5)	45 118
25	*Mưu*	2, 4	Tính toán	*Mưu* trí (B2)	46

26	*Can*	2	Gan	*Can* đảm (B2)	46
27	*Sơ*	2	Thưa thớt, thiếu cẩn thận	*Sơ* tâm (B2)	46
28	*Hoảng*	2	Hoang mang	*Hoảng* hốt, *hoảng* sợ* (B2)	46, 47
29	*Thương*	2	Đau đớn, tổn hại	*Thương* tâm (B2)	47
30	*Bảo*	2, 4, 5	Giữ gìn	*Bảo* tàng (B2), *bảo* tồn (B4, 5)	48, 86, 96
31	*Thịnh*	2, 4	Nhiều, đầy đủ	*Thịnh* vượng (B2, 4), cực *thịnh* (B4)	48, 85
32	*Tài*	2	Chất liệu	*Tài* liệu (B2)	48
33	*Gia*	2, 5 2	– Nhà – Người	Gia chủ, gia đình (B2), gia trang, phú gia, xuất gia, hồi gia (B5) Chuyên *gia* (B2)	48, 135, 120, 137, 123 48
34	*Văn*	2	Chữ viết, nét vẽ	Hoa *văn* (B2)	48
35	*Tín*	2	Tin, niềm tin	*Tín* ngưỡng (B2)	48
36	*Tập*	2	Thói quen	*Tập* tục (B2)	49
37	*Điềm*	3	Bình tĩnh, lặng lẽ	*Điềm* nhiên (B3)	68
38	*Băng*	3	Mai mối	*Băng* nhân (B3)	68
39	*Vô*	3	Không, chẳng	*Vô* tâm (B3)	68
40	*Nghi*	3	Phù hợp	Thích *nghi* (B3)	70
41	*Kĩ*	3	Tài khéo	*Kĩ* năng (B3)	70
42	*Quần*	3	Ở chung nhau	Tụ *quần* (B3)	70
43	*Hối*	3	Ăn năn, biết lỗi	*Hối* hận (B3)	70
44	*Diện*	3	Mặt	Thú *diện* nhơn tâm (B3)	70
45	*Tinh*	4, 5	Phần thuần chất, không pha tạp	*Tinh* hoa (B4, 5), *tinh* tế (B3)	82, 72
46	*Dã*	4	Đồng ruộng	Dân *dã* (B4)	83
47	*Bố*	4	Sắp xếp	*Bố* cục (B4)	83
48	*Nghệ*	4, 5	Nghề, tài năng, kĩ thuật	*Nghệ* thuật, *nghệ* nhân, *nghệ* sĩ (B4, 5)	84, 87
49	*Chế*	4	Làm ra	*Chế* tác, phục *chế* (B4)	82, 85
50	*Dụng*	4	Dùng	Sử *dụng*, tận *dụng*, đồ* gia *dụng* (B4)	85, 95
51	*Sầm uất*	4	Cao và rậm rạp, nói về những cánh rừng rậm trên núi. Sau mở rộng nghĩa, chỉ sự đông đúc, thịnh vượng	Sầm *uất* (B4)	85

52	*Cực*	4	Tột độ	*Cực* thịnh (B4)	85
53	*Hoá*	4, 5	Biến thành, làm cho trở thành	Thương mại *hoá* (B4), Việt Nam *hoá* (B5)	85, 126
54	*Mai*	4	Chôn lấp	*Mai* một (B4)	81
55	*Thất*	4	Mất	*Thất* truyền (B4)	85
56	*Giả*	4	Người	Độc *giả*, dịch *giả*, khán *giả* (B4)	87
57	*Hào*	4	Người tài giỏi	Thi *hào* (B4)	87
58	*Quán*	4, 5	Nơi ở	Đại sứ *quán* (B4), bổn *quán* (B5)	87 123
59	*Khánh*	4	Mừng, chúc mừng	*Khánh* thành (B4)	86
60	*Thống*	4	Dòng, mối dây	Truyền *thống* (B4)	86
61	*Hiện*	4	Đang có mặt	*Hiện* vật (B4)	86
62	*Thiết*	4 5	– Cần kíp, không thể không có – Xếp đặt	– *Thiết* thực (B4) – *Thiết* kế (B5)	87 125
63	*Cụ*	4, 5	Đồ dùng	Nhạc *cụ* (B4, 5)	125, 128
64	*Phục*	4	Quần áo	*Phục* trang (B4)	87
65	*Giao*	4	Tiếp xúc, qua lại	*Giao* lưu (B4)	87
66	*Bạc*	5	Mỏng, ít	*Bạc* lễ (B5)	114
67	*Giám*	5	Xem xét	Phật tổ *giám* lâm (B5)	114
68	*Trái*	5	Nợ	Oan *trái* (B5)	116
69	*Nhân*	5	Cội nguồn, duyên cớ sinh ra việc gì đó	*Nhân* duyên (B5)	116
70	*Tam*	5	Ba (số 3)	*Tam* thế, *Tam* bảo (B5)	113, 114
71	*Phú*	5	Giàu	*Phú* ông, *phú* gia (B5)	114, 120
72	*Vu*	5	Đặt điều	*Vu* oan (B5)	121
73	*Cô*	5	Lẻ loi	Đơn *cô*, thân* *cô* (B5)	121, 122
74	*Quả*	5	Goá chồng	*Quả* phụ (B5)	122
75	*Âm*	5	Tiếng, giọng	*Âm* vực, *âm* sắc, *âm* độ (B5)	125
76	*Hiệu ứng*	5	Tác dụng, ảnh hưởng	*Hiệu ứng* (B5)	125

(Kí hiệu * chỉ yếu tố không phải là Hán Việt)

BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Achae	A-cai	45
	Agamemnon	A-ga-mem-nông	45
	Aiae	Ai-ai-ê	44
	Alcinous	An-ki-nô-ốt	43
	Argos	Ác-gốt	45
C	Calypso	Ca-líp-xô	47
	Charybclis	Ka-ríp	43, 46, 47, 50, 62, 100, 101
	Circe	Xi-ếc-xê	44, 46, 47
	Cyclop	Xi-clốp	46
E	Elpenor	En-pê-no	44
	Épiméthée	Ê-pi-mê-tê	15, 16, 17
	Eurylochus	Ơ-ri-lô-cốt	45
	Eros	Ê-rốt	45
G	Gaia	Gai-a	15, 45
H	Helen	Hê-len	45
	Helios	Hê-li-ôx	16, 45, 47
	Homer	Hô-me-rơ	43, 45, 47
	Hyperion	Hi-pê-ri-ông	45
I	Iliad	I-li-át	45, 47
	Ithake	I-ta-ke	44
L	La Fontaine	La Phông-ten	7, 24, 25
M	Menelaus	Mê-nê-lốt	45

Chân trời sáng tạo

N	Nausikaa	Nô-đi-ca	43
O	Odyssêy	Ô-đi-xê	37, 43, 44, 45, 46, 47, 50, 62, 100, 101, 150
	Odysseus	Ô-đi-xê	37, 43
	Ogygia	Ô-gi-ghi	47
	Okayama	Ô-ka-y-a-ma	87
	Olympia	Ô-lem-pơ	46
	Ouranos	U-ra-nôx	15, 45
P	Paris	Pa-rít	45
	Penelope	Pê-nê-lốp	44
	Perimedes	Pê-ri-mét	45
	Phaiakian	Phê-a-xi	43
	Polyphemus	Pô-li-phem	46
	Prométhée	Prô-mê-tê	7, 8, 15, 16, 17, 22, 34
	Priam	Pri-am	45
S	Sagi Sato	Sây-ghi Sa-tô	87
	Selene	Sê-lê-nê	45
	Seiren	Xi-ren	43, 44, 45, 47
	Scylla	Xi-la	8, 43, 46, 47, 50, 62, 100, 101
T	Telemakhos	Tê-lê-mác	43, 44
	Theia	Thê-i-a	45
	Troy	Tơ-roa	43, 45
	Titan	Ti-tan	45
	Uranus	U-ra-nôx	15, 45
Y	Yoshiko Kuroda	Y-ô-si-cô Ku-rô-da	87
Z	Zeus	Dớt	46, 47

Chân trời sáng tạo

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập mĩ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG
Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA
Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG
Minh hoạ: TRẦN THỊ THANH THẢO
Sửa bản in: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 10 – TẬP MỘT (Chân trời sáng tạo)
Mã số: G2HHXV001M22
In……bản, (QĐ in số….) Khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:……..
Cơ sở in:……
Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/58-397/GD
Số QĐXB:..... ngày…. tháng…. năm 20….
In xong và nộp lưu chiểu tháng…. năm 20….
Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-32017-9
Tập 2: 978-604-0-32018-6



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 10, Tập một
2. Toán 10, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 10
4. Ngữ văn 10, Tập một
5. Ngữ văn 10, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
7. Tiếng Anh 10
   Friends Global - Student Book
8. Lịch sử 10
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
10. Địa lí 10
11. Chuyên đề học tập Địa lí 10
12. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
14. Vật lí 10
15. Chuyên đề học tập Vật lí 10
16. Hoá học 10
17. Chuyên đề học tập Hoá học 10
18. Sinh học 10
19. Chuyên đề học tập Sinh học 10
20. Âm nhạc 10
21. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
22. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 1)
23. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 2)
24. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

ISBN 978-604-0-32017-9

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.





9 786040 320179

Giá: 24.000 đ